UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

Số: 222 /SNZ-QTTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 04 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
- Tên viết tắt: TỔNG CÔNG TY SONADEZI
- Mã chứng khoán: SNZ
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (0251) 8860561 Fax: (0251) 8860573
- Người thực hiện công bố thông tin: ông Phạm Trần Hòa Hiệp – Người CBTT
- Loại thông tin công bố:

☐ định kỳ ☑ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Sonadezi vào ngày 29/04/2021 tại đường dẫn: http://sonadezi.com.vn/quan-he-co-dong/.

Tài liệu đính kèm: Nghị quyết số 86/NQ-SNZ-QTTH ngày 28/04/2021, Biên bản họp số 08/BB-SNZ-QTTH ngày 28/04/2021 và Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, QTTH.

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

Phạm Trần Hòa Hiệp

Signature Not Verified
Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
Ký ngày: 29/4/2021 10:01:32

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 86/NQ-SNZ-QTTH

Đồng Nai, ngày 28 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi);

Căn cứ nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Tổng công ty Sonadezi đã biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo số 28/BC-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021 về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2020), kế hoạch SXKD năm 2021 và định hướng kế hoạch nhiệm kỳ II (2021-2026) với các nội dung chủ yếu như sau:

1.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2020:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/ KH
	Vốn điều lệ	3.765.000	3.765.000	100,00%
	Công ty mẹ			
1	Tổng doanh thu	604.369	582.404	96,37%
2	Lợi nhuận trước thuế	456.841	441.283	96,59%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	416.696	418.944	100,54%
4	Phải nộp ngân sách nhà nước	76.549	59.395	77,59%
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	10,94%	11,01%	100,64%
	Hợp nhất			
1	Tổng doanh thu	4.583.944	5.338.571	116,46%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.143.565	1.516.188	131,58%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	914.852	1.269.788	138,80%
4	Phải nộp ngân sách nhà nước	461.330	662.763	143,66%
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	13,16%	17,67%	134,27%

1.2. Kết quả hoạt động SXKD 5 năm 2016 – 2020:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	KH	TH	%TH/KH	KH	TH	%TH/KH
Năm 2016						
Doanh thu	332	349	105,12%		3.822	
Lợi nhuận sau thuế	78	106	135,90%		604	
Tỷ suất LNST/VCSH	2,07%	3,49%	168,60%		11,70%	
Nộp NSNN	37	116	313,51%		539	
Năm 2017						
Doanh thu	381	403	105,77%	3.503	4.051	115,64%
Lợi nhuận sau thuế	114	260	228,07%	486	587	120,78%
Tỷ suất LNST/VCSH	3,06%	6,89%	225,16%	8,28%	9,58%	115,70%
Nộp NSNN	50	352	704,00%	287	756	263,41%
Năm 2018						
Doanh thu	465	385	82,80%	3.935	4.560	115,88%
Lợi nhuận sau thuế	270	293	108,52%	661	817	123,60%
Tỷ suất LNST/VCSH	7,16%	7,75%	108,24%	10,96%	12,69%	115,78%
Nộp NSNN	32	25	78,13%	321	530	165,11%
Năm 2019						
Doanh thu	480	528	110,00%	4.434	5.230	117,95%
Lợi nhuận sau thuế	302	367	121,52%	830	1.172	141,20%
Tỷ suất LNST/VCSH	7,96%	9,68%	121,61%	12,20%	17,19%	140,90%
Nộp NSNN	49	69	140,82%	421	774	183,85%
Năm 2020						
Doanh thu	604	582	96,37%	4.584	5.339	116,46%
Lợi nhuận sau thuế	417	419	100,54%	915	1.270	138,80%
Tỷ suất LNST/VCSH	10,94%	11,01%	100,64%	13,16%	17,67%	134,27%
Nộp NSNN	77	59	77,59%	461	663	143,66%

1.3. Kế hoạch SXKD năm 2021:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Vốn điều lệ	3.765.000	3.765.000
2	Tổng doanh thu	629.454	4.770.000
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	484.266	1.264.860
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	442.272	1.011.888
5	Phải nộp ngân sách nhà nước	75.597	556.734
6	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	11,56%	13,73%

1.4. Định hướng kế hoạch giai đoạn 2021-2025:

a. Trong công tác tìm kiếm, phát triển dự án mới:

Gia tăng việc liên kết trong nội bộ để tối ưu hóa lợi thế của từng đơn vị trong hệ thống, tăng khả năng cạnh tranh và giảm thiểu rủi ro trong việc tìm kiếm, phát triển dự án mới. Phát triển các dự án:

- 01 khu công nghiệp trong tỉnh;

- 01 khu công nghiệp tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ;

- Ít nhất là 02 khu dân cư quy mô ≥ 10 ha;

- Phát huy lợi thế của Tổng công ty trong dự án chuyển đổi công năng Khu công nghiệp Biên Hòa 1.

b. Về tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận và chia cổ tức giai đoạn 2021-2025:

- Phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận hàng năm từ 5% đến 7%.

- Đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức 10%, phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ chia cổ tức 12%.

2. Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổng công ty Sonadezi đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

3. Thông qua Báo cáo số 29/BC-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021 về hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I (2016-2020) và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2021 – 2026).

4. Thông qua Báo cáo số 30/BC-SNZ-KS ngày 26/4/2021 về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2020 và tổng kết nhiệm kỳ 2016-2020.

5. Thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

STT	Nội dung	Kế hoạch (đồng/tháng)	Thực hiện (đồng/tháng)
1	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT	67.500.000	117.555.844
2	Tiền lương của Trưởng Ban KS	41.500.000	72.275.074
3	Thù lao của 01 thành viên HĐQT	12.000.000	17.209.675
4	Thù lao của 01 thành viên BKS	7.000.000	10.038.977

Tổng quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách là: 1.480 triệu đồng.

6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ	3.765.000.000.000
2	Giá trị mệnh giá 376.491.800 CP đang lưu hành	3.764.918.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2020	418.944.170.834

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
	Trong đó chênh lệch giá trị quyền sử dụng 471,5 m2 đất ở tại dự án Khu dân cư An Bình (sau thuế TNDN)	107.467.200
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2020 để phân phối	418.836.703.634
5	Trích quỹ:	29.922.689.718
	- Quỹ đầu tư phát triển (5%)	20.941.835.182
	- Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	4.188.367.036
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động (3 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động)	3.875.000.000
	- Quỹ thưởng của người quản lý (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý)	917.487.500
6	Chia cổ tức (10% mệnh giá cổ phần đang lưu hành)	376.491.800.000
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2020 còn lại	12.529.681.116
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*107.467.200*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*12.422.213.916*
8	Lợi nhuận năm trước để lại	39.674.373.703
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.636.854.212*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*4.037.519.491*
9	Lợi nhuận chuyển năm sau	52.204.054.819
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.744.321.412*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*16.459.733.407*

7. Thông qua kế hoạch tiền lương và thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

- Mức tạm ứng hàng tháng kể từ ngày 01/05/2021:

+ Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị: 67.500.000 đồng/tháng

+ Tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát: 38.500.000 đồng/tháng

+ Thù lao của 01 thành viên HĐQT: 12.000.000 đồng/tháng

+ Thù lao của 01 thành viên BKS: 7.000.000 đồng/tháng

- Tổng quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách là: 1.612,8 triệu đồng.

- Tiền lương và thù lao thực hiện năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sẽ quyết toán theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và sẽ được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

8. Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ	3.765.000.000.000
2	Giá trị mệnh giá 376.491.800 CP đang lưu hành	3.764.918.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2021	442.272.459.390
4	Trích quỹ:	31.792.962.563
	- Quỹ đầu tư phát triển (5%)	22.113.622.970
	- Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	4.422.724.594
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động (3 tháng lương bình quân kế hoạch của người lao động)	4.248.615.000
	- Quỹ thưởng của người quản lý (1,5 tháng lương bình quân kế hoạch của người quản lý)	1.008.000.000
5	Chia cổ tức (10% mệnh giá cổ phần đang lưu hành)	376.491.800.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2021 còn lại	33.987.696.827
7	Lợi nhuận năm trước để lại	52.204.054.819
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.744.321.412*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*16.459.733.407*
8	Lợi nhuận chuyển năm sau	86.191.751.646
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.744.321.412*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*50.447.430.234*

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và Quỹ thưởng của người quản lý được trích theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

9. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán trong danh sách dưới đây để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021:

- Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam;

- Công ty TNHH Kiểm toán A&C;

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

10. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty theo Tờ trình số 34/TTr-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021; Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉnh sửa Điều lệ Tổng công ty theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

11. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty theo Tờ trình số 36/TTr-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021.

12. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Tờ trình số 37/TTr-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021.

13. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo Tờ trình số 35/TTr-SNZ-KS ngày 26/4/2021.

14. Thông qua danh sách các ứng viên để bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 theo Tờ trình số 31/TTr-SNZ-NS ngày 26/4/2021.

15. Thông qua kết quả bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 như sau:

a. Hội đồng quản trị gồm có 07 thành viên:

- Bà Đỗ Thị Thu Hằng
- Ông Trần Thanh Hải
- Bà Nguyễn Thị Hạnh
- Ông Đinh Ngọc Thuận
- Bà Lương Minh Hiền
- Ông Nguyễn Văn Tuấn
- Ông Phạm Quốc Chí

b. Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên:

- Bà Đặng Lê Bích Phượng
- Bà Phạm Thị Cẩm Hà
- Ông Trần Ngọc Tòng

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 28/4/2021. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, QTTH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 3600335363 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TP. BIÊN HÒA T. ĐỒNG NAI

Đỗ Thị Thu Hằng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08/BB-SNZ-QTTH

Đồng Nai, ngày 28 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

A. THÔNG TIN CHUNG:

Tên công ty: Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp;

Tên viết tắt: Tổng công ty Sonadezi;

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Mã số doanh nghiệp: 3600335363.

B. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM HỌP:

Thời gian: Lúc 07 giờ 30' ngày 28/4/2021;

Địa điểm họp: Tại phòng họp 3.18, tòa nhà Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

C. THÀNH PHẦN THAM DỰ

Ông Võ Tấn Đức	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai
Ông Lê Sĩ Lâm	Phó chánh Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Trưởng phòng TCDN Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai
Bà Đỗ Thị Thu Hằng	Chủ tịch HĐQT Tổng công ty
Ông Phan Đình Thám	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty

Các ông/bà thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể cổ đông và đại diện cổ đông của Tổng công ty.

D. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CỦA BUỔI HỌP:

1. Báo cáo kết quả kiểm tra điều kiện tiến hành họp:

Bà Huỳnh Huy Anh Thư - thay mặt Ban Tổ chức Báo cáo về kết quả kiểm tra điều kiện tiến hành họp:

a. Tổng số cổ đông của Tổng công ty theo danh sách chốt ngày 29/3/2021 là 424 cổ đông, trong đó:

- Tổ chức:	04 cổ đông
- Cá nhân:	420 cổ đông
- Cổ phiếu quỹ:	8.200 cổ phần
- Số cổ phần có quyền biểu quyết:	376.491.800 cổ phần

b. Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 hôm nay là 27 người, nắm giữ 375.243.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,66685% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

Buổi họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Tổng công ty Sonadezi có đủ điều kiện để tiến hành theo qui định tại Điều lệ Tổng công ty Sonadezi và Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020.

2. Đoàn Chủ tịch:

Ban tổ chức đã giới thiệu Đoàn Chủ tịch như sau:

- Bà Đỗ Thị Thu Hằng - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty - Chủ tọa buổi họp;

- Ông Phan Đình Thám - TV.HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty.

3. Thư ký Đại hội:

Chủ tọa đã cử Thư ký buổi họp:

- Bà Trịnh Thị Hoa.

- Bà Huỳnh Huy Anh Thư

4. Ban Kiểm phiếu

Sau khi nghe Chủ tọa giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến, 100% cổ đông đã biểu quyết thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu. Cụ thể:

- Bà Lê Thị Bích Loan Trưởng ban;
- Bà Nguyễn Thị Quyên Thành viên.
- Bà Nguyễn Thị Chung Thành viên.
- Ông Nguyễn Văn Thành Thành viên.

5. Thông qua Quy chế làm việc của buổi họp:

Bà Nguyễn Thị Hạnh – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc trình bày Quy chế làm việc của buổi họp, 100% cổ đông đã biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của buổi họp.

6. Thông qua Chương trình của buổi họp:

Ông Phan Đình Thám - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc trình bày dự thảo chương trình buổi họp, 100% cổ đông đã biểu quyết thông qua Chương trình của buổi họp.

7. Các Báo cáo và Tờ trình của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:

- Ông Phan Đình Thám - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc trình bày Báo cáo số 28/BC-SNZ-QTTH về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2020), kế hoạch SXKD năm 2021 và định hướng kế hoạch nhiệm kỳ II (2021-2026);

- Ông Trần Thanh Hải - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc trình bày Báo cáo số 29/BC-SNZ-QTTH về hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I (2016-2020) và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2021 – 2026);

- Ông Trần Ngọc Tòng - Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo số 30/BC-SNZ-KS của Ban Kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2020 và tổng kết nhiệm kỳ 2016-2020; Tờ trình số 32/TTr-SNZ-KS về việc lựa chọn đơn vị kiểm

toán báo cáo tài chính năm 2021; Tờ trình số 35/TTr-SNZ-KS về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty.

- Ông Phan Đình Thám - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc trình bày Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

- Ông Đinh Ngọc Thuận - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc đọc Tờ trình số 33/TTr-SNZ-QTTH về việc thông qua các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;

- Ông Phạm Quốc Chí - Thành viên HĐQT đọc Tờ trình số 34/TTr-SNZ-QTTH về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; Tờ trình số 36/TTr-SNZ-QTTH về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Tờ trình số 37/TTr-SNZ-QTTH về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Nội bộ về quản trị Tổng công ty.

- Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thành viên HĐQT đọc Tờ trình số 31/TTr-SNZ-NS về việc thông qua danh sách các ứng viên để bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II (2021-2026).

8. Ông Võ Tấn Đức - Phó chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai phát biểu với cổ đông và Ban lãnh đạo Tổng công ty

Ông Võ Tấn Đức nhiệt liệt biểu dương nỗ lực của tập thể cán bộ nhân viên toàn Tổng công ty Sonadezi vì trong tình hình dịch bệnh diễn ra phức tạp trên thế giới nói chung và Việt nam nói riêng, Sonadezi đã hoàn thành vượt kế hoạch năm 2020 hết sức ấn tượng với doanh thu đạt 116,46%, lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 138,8%, nộp ngân sách nhà nước hơn 660 tỷ đồng đạt 143,66%. Ngoài ra, Tổng công ty còn ổn định cuộc sống cho hơn 3.500 người lao động, đóng góp vào nhiều chương trình xã hội, cộng đồng đặc biệt là đóng góp 05 tỷ đồng để mua máy xét nghiệp PCR và hỗ trợ kinh phí chống dịch 01 tỷ đồng.

Trước tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp trên thế giới đặc biệt là Châu Á và khu vực Đông Nam Á, Phó chủ tịch UBND tỉnh nhấn mạnh mục tiêu trong 5 năm tới, Tổng công ty phải tập trung:

- Thực hiện mục tiêu kép là vừa phòng, chống dịch và vừa phải phát triển kinh tế;

- Thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

- Khai thác các lợi thế hiện có để phát triển các dự án mới;

- Chăm lo đời sống cho cán bộ, nhân viên; chuẩn bị nguồn nhân lực cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

- Phát huy và làm tốt công tác xã hội cộng đồng.

9. Thảo luận về nội dung các Báo cáo, Tờ trình tại buổi họp:

a. Ý kiến của các cổ đông:

- Cổ đông có số thứ tự là 276, nắm giữ 100 cổ phần nêu ý kiến:

+ Câu 1: Đề nghị cho biết lộ trình thoái vốn tại Tổng công ty và tại các công ty con giai đoạn 2021-2026.

+ Câu 2: Theo Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 thì lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ phải được chi trả cổ tức hết, việc Tổng công ty dự định giữ lại một phần lợi nhuận sau khi chia cổ tức thì có đi trái lại với quy định trong Nghị định không?

- Cổ đông có số thứ tự là 47, nắm giữ 100 cổ phần nêu ý kiến:

+ Câu 3: Đề nghị cho biết chi tiết thoái vốn tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai.

- Cổ đông có số thứ tự là 205, nắm giữ 100 cổ phần nêu ý kiến:

+ Câu 4: Đề nghị cho biết kế hoạch đầu tư trong những năm tới.

b. Chủ tọa trả lời:

- Câu 1 và câu 3:

+ Chủ trương và lộ trình thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty Sonadezi theo Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và lộ trình thoái vốn của Tổng công ty tại các công ty thành viên đã được nêu chi tiết tại Báo cáo số 28/BC-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021 trong tài liệu họp.

+ Trong quá trình thoái vốn, Tổng công ty gặp phải vướng mắc trong việc xác định giá trị quyền sử dụng đất. Tổng công ty đầu tư vốn vào nhiều công ty con, khi định giá doanh nghiệp phải định giá các khoản đầu tư tại các công ty con. Các công ty con lại sở hữu, sử dụng nhiều đất đai. Quy định về định giá quyền sử dụng đất có sự thay đổi. Điều này làm cho việc định giá tại Tổng công ty gặp nhiều khó khăn và kéo dài.

+ Thời gian có hiệu lực của chứng thư thẩm định giá là 6 tháng. Từ thời điểm chốt số liệu đến khi chứng thư được ban hành kéo dài. Tổng công ty đã phải định giá lại 2 lần. Hiện nay phải định giá lại lần thứ ba.

+ Ngoài ra, có nhiều trường hợp giá cổ phiếu được định giá cao hơn giá cổ phiếu hiện đang giao dịch trên thị trường chứng khoán, do đó chưa thể thoái vốn được vì Tổng công ty thoái vốn theo 3 tiêu chí: không làm thất thoát vốn nhà nước, tuân thủ theo quy định và đúng lộ trình.

- Câu 2:

+ Trong tổng lợi nhuận sau thuế còn lại phần lớn là lợi nhuận do đánh giá lại tài sản, theo quy định thì phần lợi nhuận này không được dùng để chia cổ tức.

+ Hiện nay, Tổng công ty đã kiến nghị về nội dung phân phối lợi nhuận theo Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 vì doanh nghiệp cần phải có nguồn vốn tái đầu tư để duy trì sự phát triển bền vững trong khi thủ tục xin cấp vốn từ Nhà nước sẽ mất nhiều thời gian, dẫn tới mất cơ hội đầu tư.

+ Về phương án phân phối lợi nhuận cụ thể, Tổng công ty đã xin ý kiến và đã được UBND tỉnh Đồng Nai, là chủ sở hữu và là cổ đông lớn đồng ý.

- Câu 4: Kế hoạch đầu tư trong những năm tới đã được nêu rõ trong Báo cáo số 28/BC-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021 trong tài liệu họp và đã được Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai nhấn mạnh trong phần phát biểu.

10. Chủ tọa tổ chức cho Đại hội đồng cổ đông biểu quyết về các Báo cáo và Tờ trình tại buổi họp.

11. Ban kiểm phiếu thu phiếu biểu quyết và kiểm phiếu.

12. Chủ tọa tổ chức cho Đại hội đồng cổ đông bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

13. Ban kiểm phiếu thu phiếu bầu cử và kiểm phiếu.

14. Bà Lê Thị Bích Loan - Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu:

***Nội dung thứ nhất*: Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2020) theo Báo cáo số 28/BC-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021:**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 375.243.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

Nội dung thứ nhất đã được thông qua.

***Nội dung thứ hai*: Thông qua kế hoạch SXKD năm 2021 và định hướng kế hoạch nhiệm kỳ II (2021-2026) theo Báo cáo số 28/BC-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021:**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 375.243.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

Nội dung thứ hai đã được thông qua.

***Nội dung thứ ba*: Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổng Công ty Sonadezi đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam:**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 375.243.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

Nội dung thứ ba đã được thông qua.

***Nội dung thứ tư*: Thông qua Báo cáo số 29/BC-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021 về hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I (2016-2020) và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2021 – 2026):**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 375.243.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

Nội dung thứ tư đã được thông qua.

***Nội dung thứ năm*: Thông qua Báo cáo số 30/BC-SNZ-KS ngày 26/4/2021 của Ban Kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2020):**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 375.243.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

Nội dung thứ năm đã được thông qua.

***Nội dung thứ sáu*: Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo Tờ trình số 33/TTr-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021:**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 375.243.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

Nội dung thứ sáu đã được thông qua.

***Nội dung thứ bảy*: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Tờ trình số 33/TTr-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021:**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 375.243.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

Nội dung thứ bảy đã được thông qua.

***Nội dung thứ tám:* Thông qua Kế hoạch tiền lương và thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo Tờ trình số 33/TTr-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021:**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 375.243.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

Nội dung thứ tám đã được thông qua.

***Nội dung thứ chín*: Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Tờ trình số 33/TTr-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021:**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 375.243.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

Nội dung thứ chín đã được thông qua.

***Nội dung thứ mười*: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 theo Tờ trình số 32/TTr-SNZ-KS ngày 26/4/2021:**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 375.243.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

Nội dung thứ mười đã được thông qua.

***Nội dung thứ mười một*: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty theo Tờ trình số 34/TTr-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021; Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉnh sửa Điều lệ Tổng công ty theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 375.243.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

Nội dung thứ mười một đã được thông qua.

***Nội dung thứ mười hai*: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty theo Tờ trình số 36/TTr-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 375.243.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

Nội dung thứ mười hai đã được thông qua.

***Nội dung thứ mười ba*: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Tờ trình số 37/TTr-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 375.243.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

Nội dung thứ mười ba đã được thông qua.

***Nội dung thứ mười bốn*: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo Tờ trình số 35/TTr-SNZ-KS ngày 26/4/2021**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 375.243.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

Nội dung thứ mười bốn đã được thông qua.

***Nội dung thứ mười lăm*: Thông qua danh sách ứng viên để bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 theo Tờ trình số 31/TTr-SNZ-NS ngày 26/4/2021**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 375.243.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

Nội dung thứ mười lăm đã được thông qua.

***Nội dung thứ mười sáu*: Thông qua kết quả bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II (2021 – 2026) như sau :**

- Hội đồng quản trị gồm có 07 thành viên là các Ông/Bà có tên sau đây:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu
1	Đỗ Thị Thu Hằng	375.510.400
2	Trần Thanh Hải	375.205.200
3	Nguyễn Thị Hạnh	375.200.200
4	Đinh Ngọc Thuận	375.200.200
5	Lương Minh Hiền	375.197.900
6	Nguyễn Văn Tuấn	375.197.200
7	Phạm Quốc Chí	375.196.200

- Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên là các Ông/Bà có tên sau đây:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu
1	Phạm Thị Cẩm Hà	375.331.000
2	Trần Ngọc Tòng	375.200.500
3	Đặng Lê Bích Phượng	375.200.200

Nội dung thứ mười sáu đã được thông qua.

15. Bà Huỳnh Huy Anh Thư – Ban thư ký công bố Biên bản họp lần thứ nhất nhiệm kỳ II (2021-2026) của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, như sau:

- Hội đồng quản trị đã thống nhất bầu Bà Đỗ Thị Thu Hằng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2021-2026).

- Hội đồng quản trị đã thống nhất bổ nhiệm và bổ nhiệm lại Ban điều hành nhiệm kỳ 2021 – 2026, cụ thể như sau:

+ Ông Trần Thanh Hải giữ chức vụ Tổng giám đốc (thay thế ông Phan Đình Thám) kể từ ngày 01/5/2021;

+ Bà Lương Minh Hiền giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 01/5/2021;

+ Bà Nguyễn Thị Hạnh giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc;

+ Ông Đinh Ngọc Thuận giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc;

+ Bà Lê Thị Bích Loan giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Kế toán.

- Ban Kiểm soát đã thống nhất bầu Bà Đặng Lê Bích Phượng giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2021-2026).

16. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát ra mắt

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát phát biểu nhận nhiệm vụ.

18. Biểu quyết thông qua Nghị quyết và Biên bản họp:

Thư ký trình bày dự thảo Nghị quyết và dự thảo Biên bản họp trước Đại hội đồng cổ đông. 100% cổ đông biểu quyết thông qua Nghị quyết và Biên bản họp.

Buổi họp kết thúc vào lúc 11 giờ 30' cùng ngày.

THƯ KÝ	**CHỦ TỌA**
Trịnh Thị Hoa	**Đỗ Thị Thu Hằng**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

SONADEZI

TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN 2021

Tháng 04/2021

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 04 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Thời gian	Nội dung
07g30 – 08g00	Đón tiếp đại biểu, cổ đông Đăng ký danh sách cổ đông tham dự, phát tài liệu họp
08g00 – 08g20	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự
	Báo cáo kết quả kiểm tra điều kiện tiến hành họp
	- Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa, Ban Thư ký; - Thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu; - Thông qua Quy chế làm việc; Thông qua Chương trình họp
08g20 – 10g20	- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2020), Kế hoạch SXKD năm 2021 và định hướng kế hoạch nhiệm kỳ II (2021-2026); - Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán; - Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I (2016-2020) và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2021-2026); - Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2020 và tổng kết nhiệm kỳ 2016-2020; - Tờ trình thông qua các nội dung: Kết quả hoạt động SXKD 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2020); kế hoạch SXKD 2021 và định hướng kế hoạch nhiệm kỳ II (2021-2026); Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán; Báo cáo của HĐQT; Báo cáo của BKS; Quyết toán tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS năm 2020; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; Kế hoạch tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS năm 2021; Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021; - Tờ trình Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021; - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ; - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị; - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; - Tờ trình thông qua danh sách các ứng viên để bầu HĐQT và BKS
10g20 – 10g40	Cổ đông thảo luận
10g40 – 10g50	Biểu quyết thông qua các nội dung tại cuộc họp Bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026
10g50 – 11h10	Nghỉ giải lao - Kiểm phiếu biểu quyết
11g10 – 11g30	- Công bố kết quả bầu cử; - Báo cáo kết quả kiểm phiếu - Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông - Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông
11h30	Phát biểu cám ơn và bế mạc

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Điều 1. Những quy định chung

1. Quy chế làm việc này sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2021 của Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi).

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham dự họp, điều kiện và thể thức tiến hành họp, cách thức biểu quyết và bầu cử.

3. Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự họp sẽ được gọi chung là cổ đông.

4. Cổ đông và các bên tham dự có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy chế này.

Điều 2. Chủ tọa – Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa

1. Chủ tọa cuộc họp là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tọa có các quyền và nghĩa vụ:

- Thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để tổ chức, điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Hướng dẫn các cổ đông thảo luận;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để ĐHĐCĐ biểu quyết;

- Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu;

- Quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 3. Đăng ký dự họp và kiểm tra điều kiện tiến hành họp

1. Ban tổ chức phải tiến hành các thủ tục để các cổ đông đăng ký dự họp, nhận tài liệu họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Ban tổ chức phải tổng hợp và báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra điều kiện tiến hành họp.

Điều 4. Thư ký – Quyền và nghĩa vụ của Thư ký

1. Thư ký do chủ tọa giới thiệu, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của thư ký:

- Ghi chép đầy đủ trung thực các nội dung của cuộc họp;

- Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 5. Ban Kiểm phiếu - Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu:

1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua.

2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết/ bầu cử của các cổ đông/đại diện cổ đông.

- Tổ chức kiểm phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử.

- Lập biên bản kiểm phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử và công bố trước ĐHĐCĐ.

- Giao lại phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử.và Biên bản kiểm phiếu cho Chủ tọa.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty Sonadezi theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 29/3/2021 có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2021. Cổ đông có thể tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo một trong các cách thức sau:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

2. Mỗi cổ đông khi đăng ký tham dự họp phải có giấy tờ pháp lý của cá nhân như CMND/ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu.

3. Mỗi cổ đông tham dự họp được nhận tài liệu họp gồm các báo cáo, tờ trình, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu, giấy trắng và viết. Trên thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu có ghi Họ tên cổ đông, số thứ tự của cổ đông, số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu. Cổ đông thông báo ngay cho Ban tổ chức để chỉnh sửa các sai sót liên quan đến thông tin của cổ đông khi đăng ký.

4. Trong thời gian họp, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Khi có nhu cầu cá nhân cần ra ngoài phòng họp, cổ đông phải giữ trật tự để tránh làm phiền các cổ đông khác cũng như làm gián đoạn tiến trình họp và công việc của Chủ tọa.

5. Các cổ đông phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu.

6. Cổ đông khi có ý kiến thảo luận hoặc cần tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa mời, cổ đông sẽ bắt đầu phát biểu. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, súc tích, rõ ràng, không trùng lặp. Cổ đông có thể ghi các ý kiến vào giấy và chuyển cho Ban Thư ký, Chủ tọa.

7. Cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Cổ đông tham dự họp phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế này. Nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo điểm b, khoản 7, Điều 146, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 7. Điều kiện tiến hành họp

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì việc triệu tập cuộc họp lần thứ hai thực hiện theo Điều 19 Điều lệ Tổng công ty và Điều 145 Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Thể lệ biểu quyết

1. Các cổ đông có quyền tham dự họp đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.

2. Cổ đông biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp bằng cách giơ Thẻ biểu quyết và/hoặc điền vào ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết (theo hướng dẫn trên Phiếu biểu quyết).

3. Nghị quyết về việc sửa đổi Điều lệ được thông qua nếu được ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Nghị quyết về các nội dung khác theo Chương trình họp sẽ được thông qua khi được trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

4. Sau khi Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết xong các vấn đề trên Phiếu biểu quyết, Ban Kiểm phiếu sẽ tiến hành thu hồi lại Phiếu biểu quyết để kiểm phiếu. Trưởng Ban Kiểm phiếu sẽ công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết trước Đại hội đồng cổ đông cho từng nội dung, vấn đề đã được biểu quyết tại cuộc họp.

5. Trong trường hợp có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại cuộc họp.

6. Quy định về Phiếu biểu quyết/ Phiếu bầu cử:

a. Phiếu biểu quyết/ Phiếu bầu cử thuộc một trong những trường hợp sau đây là không hợp lệ:

- Phiếu được gửi đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử sau 07g30' ngày 28/04/2021.

- Phiếu không đúng các nội dung do Ban tổ chức phát hành;

- Phiếu không có chữ ký của cổ đông;

- Phiếu rách rời không còn nguyên vẹn các ô để điền hoặc không còn đủ các thông tin phục vụ cho kiểm soát và kiểm phiếu.

b. Các trường hợp khác:

- Phiếu không điền vào ô nào hoặc điền vào 2 ô trở lên cho một nội dung biểu quyết được xem là "Không ý kiến" cho nội dung đó;

- Phiếu đánh sai ký hiệu, tẩy xóa không theo hướng dẫn trên Phiếu biểu quyết dẫn đến không xác định được ý kiến biểu quyết được xem là "Không ý kiến" cho nội dung đó.

Điều 9. Bầu cử thành viên HĐQT và thành viên BKS

1. Danh sách ứng cử viên

Căn cứ Hồ sơ đề cử của các ứng viên, Hội đồng quản trị sẽ lập và trình Đại hội đồng cổ đông Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

- Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ II (2021-2026) : **07** thành viên;

- Số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ II (2021-2026) : **03** thành viên.

ĐHĐCĐ sẽ thông qua danh sách với ít nhất là 07 ứng cử viên để bầu thành viên Hội đồng quản trị và danh sách với ít nhất là 03 ứng cử viên để bầu thành viên Ban kiểm soát.

2. Phiếu bầu cử:

- Mỗi cổ đông tham dự họp có 01 phiếu bầu cử thành viên HĐQT (màu xanh) và 01 phiếu bầu cử thành viên BKS (màu hồng). Trên phiếu bầu cử có ghi Họ tên cổ đông, số thứ tự của cổ đông, số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu; có danh sách các ứng cử viên, sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái; tổng số phiếu bầu bằng số cổ phần sở hữu nhân tương ứng với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS do Ban tổ chức phát hành và được đóng dấu treo của Công ty.

- Trường hợp Phiếu bầu cử bị hư hỏng, cổ đông liên hệ Ban tổ chức để được cấp lại Phiếu bầu cử mới sau khi đã thu hồi phiếu bầu cử cũ.

3. Tổng số phiếu bầu của cổ đông được tính như sau:

- Tổng số phiếu bầu thành viên HĐQT: là số cổ phần sở hữu của cổ đông nhân với 07 thành viên HĐQT được bầu.

- Tổng số phiếu bầu thành viên BKS: là số cổ phần sở hữu của cổ đông nhân với 03 thành viên BKS được bầu.

4. Phương thức bầu cử:

a. Nguyên tắc bầu dồn phiếu

Theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, việc bầu thành viên HĐQT và BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Cổ đông có quyền :

- Dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình cho một người, hoặc:

- Có thể chia đều số phiếu bầu cho tất cả 07 người đối với bầu thành viên HĐQT và 03 người đối với bầu thành viên BKS hoặc:

- Có thể chia số phiếu bầu cho ít hơn 07 người đối với bầu thành viên HĐQT và ít hơn 03 người đối với bầu thành viên BKS.

- Cổ đông phải đảm bảo tổng số phiếu bầu trên mỗi lá phiếu bầu thành viên HĐQT và BKS cộng lại không được vượt quá Tổng số phiếu bầu của cổ đông như đã hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

b. Nguyên tắc ghi phiếu bầu: Phiếu bầu cử phải ghi rõ số lượng phiếu bầu cho các ứng cử viên, không được đánh dấu stickmark (dấu x), không được bỏ trống hoặc chỉ điền số lượng tổng cộng số phiếu bầu.

c. Phiếu bầu không hợp lệ là các phiếu bầu quy định tại điểm a khoản 6 Điều 8 quy chế này và các phiếu bầu sau:

- Phiếu không bầu cho bất ký một ứng viên nào;

- Phiếu bầu có số ứng viên được bầu nhiều hơn số thành viên cần bầu nêu tại khoản 1 Điều này;

- Tổng số phiếu đã bầu cho các ứng viên lớn hơn tổng số phiếu bầu của cổ đông.

d. Ví dụ minh họa:

Số cổ phần của cổ đông là 500 cổ phần

Số lượng thành viên HĐQT cần bầu là 7 thành viên

Tổng số phiếu bầu của cổ đông là 500 x 7 = 3.500

Xin giới thiệu một số cách bỏ phiếu như sau:

STT	Tên ứng cử viên	Số phiếu bầu					
		Cách 1	Cách 2	Cách 3	Cách 4	Cách 5	Cách 6
1	Ứng viên 1	3.500	500	200	0	700	1000
2	Ứng viên 2	0	500	0	0	800	500
3	Ứng viên 3	0	500	800	0	700	500
4	Ứng viên 4	0	500	1.000	0	500	500
5	Ứng viên 5	0	500	0	0	200	500
6	Ứng viên 6	0	500	0	0	300	500
7	Ứng viên 7	0	500	500	0	200	500
8	Ứng viên 8	0	0	0	0	100	0
	Tổng cộng	**3.500**	**3.500**	**2.500**	**0**	**3.500**	**4.000**
		Phiếu bầu hợp lệ			**Phiếu bầu không hợp lệ**		

5. Điều kiện trúng cử

- Thành viên HĐQT và thành viên BKS trúng cử sẽ được xác định theo số phiếu bầu hợp lệ tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho tới khi đủ số thành viên theo Điều lệ Tổng công ty.

- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.

Điều 10. Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Thư ký sẽ ghi chép các nội dung diễn ra trong cuộc họp.

Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được công bố và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Ngay sau khi được ĐHĐCĐ Tổng công ty Sonadezi thông qua, Ban Tổ chức, toàn thể cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 có trách nhiệm thi hành quy chế này.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ thường niên;
- Lưu: VT, QTTH.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 3600335363 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Đỗ Thị Thu Hằng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 28 /BC-SNZ-QTTH

Đồng Nai, ngày 26 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO
Về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2020), kế hoạch SXKD năm 2021 và định hướng kế hoạch nhiệm kỳ II (2021-2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

A. Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2020)

I. Kết quả hoạt động SXKD năm 2020:

Trong năm 2020, dịch Covid-19 xuất hiện và ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các quốc gia trên thế giới. Đến cuối năm 2020, một số quốc gia đã bắt đầu triển khai tiêm vaccine. Tuy nhiên, diễn biến dịch bệnh trên toàn thế giới vẫn rất phức tạp, đặc biệt tại Mỹ, Ấn Độ, Brazil và Châu Âu. Các quốc gia vẫn phải đóng cửa và hạn chế đi lại để phòng chống dịch. Việt Nam đã tạm thời kiểm soát được dịch nhưng mức tăng trưởng kinh tế thấp, chỉ tăng 2,91% so với năm 2019.

Được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh Ủy, UBND tỉnh, sự hỗ trợ, đồng hành của các sở ngành, tập thể CB-NV Tổng công ty Sonadezi đã nỗ lực vượt qua khó khăn, hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2020 với những kết quả cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

a. Công ty mẹ:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/ KH
1	Vốn điều lệ	3.765.000	3.765.000	100,00%
2	Tổng doanh thu	604.369	582.404	96,37%
3	Lợi nhuận trước thuế	456.841	441.283	96,59%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	416.696	418.944	100,54%
5	Phải nộp ngân sách nhà nước	76.549	59.395	77,59%
6	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	10,94%	11,01%	100,64%

b. Hợp nhất:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/ KH
1	Vốn điều lệ	3.765.000	3.765.000	100,00%
2	Tổng doanh thu	4.583.944	5.338.571	116,46%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.143.565	1.516.188	131,58%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	914.852	1.269.788	138,80%
5	Phải nộp ngân sách nhà nước	461.330	662.763	143,66%
6	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	13,16%	17,67%	134,27%

Hầu hết các công ty con và công ty liên kết trong Tổng công ty đều hoạt động hiệu quả.

Các công ty Dịch vụ Sonadezi, Sonadezi Châu Đức, Sonadezi An Bình, D2D đã hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế từ 40% đến 60%. Riêng công ty Cấp nước nếu loại trừ ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá, công ty đã hoàn thành vượt 26% kế hoạch lợi nhuận; tuy nhiên do phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá 87,32 tỷ đồng nên lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 88% kế hoạch.

Niên độ 2019-2020, Trường Cao Đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi lỗ 2.392.764.892 đồng. Tuy nhiên từ 01/7/2020 đến 31/12/2020, hoạt động của Trường đã có hiệu quả, lỗ lũy kế đến 31/12/2020 giảm còn 182.280.307 đồng.

Công ty CP Xây dựng Đồng Nai chỉ đạt 9,7% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

2. Về tình hình đầu tư các dự án lớn:

a. Trong năm 2020, Sonadezi tiếp tục thực hiện các dự án mang ý nghĩa xã hội như đầu tư hoàn chỉnh Khu xử lý chất thải Quang Trung, Khu xử lý chất thải sinh hoạt Vĩnh Tân, trong đó đã hoàn thành Nhà máy Compost công suất 450 tấn/ngày tại Khu xử lý chất thải sinh hoạt Vĩnh Tân góp phần xử lý rác thải trên địa bàn thị xã Long Khánh, các huyện Thống Nhất, Tân Phú, Vĩnh Cửu, Trảng Bom và thành phố Biên Hòa.

b. Dự án chuyển đổi KCN Biên Hòa 1:

Trong năm 2020, Tổng công ty đã phối hợp với các sở ngành tham mưu cho UBND tỉnh Đồng Nai ban hành văn bản số 1420/UBND-KTN ngày 18/02/2020 và văn bản số 6032/UBND-KTN ngày 28/05/2020 báo cáo Bộ Kế hoạch Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đưa KCN Biên Hòa 1 ra khỏi quy hoạch phát triển KCN.

Ngày 28/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản số 111/TTg-CN đưa KCN Biên Hòa 1 ra khỏi Quy hoạch phát triển các KCN ở Việt Nam đến năm 2020.

c. Dự án KCN Tân Đức:

Đã thành lập Công ty CP Sonadezi Bình Thuận với vốn điều lệ là 400 tỷ đồng để triển khai thực hiện dự án.

Ngày 21/12/2020 Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 8447/BKHĐT-QLKKT thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư dự án.

Đến ngày 23/02/2021, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 230/QĐ-TTg chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

d. Tìm kiếm, phát triển các dự án mới:

Trong năm 2020, Tổng công ty tiếp tục tìm kiếm và phát triển các dự án mới ở trong và ngoài tỉnh, đã nghiên cứu một số dự án khu công nghiệp tại miền Trung và miền Tây. Tuy nhiên do một số điều kiện được đánh giá chưa thuận lợi như: giao thông, địa bàn đầu tư, suất đầu tư… nên chưa tiếp tục nghiên cứu tham gia là nhà đầu tư dự án.

Tổng công ty có tham gia đấu giá quyền sử dụng đất một vài dự án khu dân cư trong tỉnh, nhưng không trúng đấu giá.

3. Công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp khác theo Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 04/06/2020 và Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 06/10/2020:

Trong năm 2020, Tổng công ty đã triển khai việc định giá và tổ chức chào bán cổ phần, chào bán quyền mua cổ phần để thoái vốn tại các công ty Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1 Đồng Nai, Công ty CP Sonadezi Giang Điền. Tuy nhiên, không có nhà đầu tư đăng ký nhận chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần.

Ngày 04/12/2020, Tổng công ty đã có văn bản số 668/SNZ-QTTH báo cáo UBND tỉnh về phương án thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai. Hiện nay Tổng công ty đang chờ ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh.

Tổng công ty cũng đã hoàn tất việc định giá Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (D2D) và Công ty CP Đô thị Amata Biên Hòa. Tuy nhiên do hai công ty này có kế hoạch phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ nên UBND tỉnh đã chấp thuận cho Tổng công ty thoái vốn sau khi hai công ty này hoàn tất các thủ tục tăng vốn điều lệ.

Việc thoái vốn tại các công ty khác theo Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 04/06/2020 và Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 sẽ được chuyển sang năm 2021.

4. Tình hình cổ đông của Tổng công ty:

4.1. Theo Danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 29/03/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp, Tổng công ty có tổng số 424 cổ đông. Trong đó:

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông nhà nước	374.756.700	3.747.567.000.000	99,5370%
2	Cổ đông trong nước	1.687.200	16.872.000.000	0,4481%
a	Cá nhân (410 cổ đông)	1.577.200	15.772.000.000	0,4189%
b	Tổ chức (01 cổ đông)	110.000	1.100.000.000	0,0292%
3	Cổ đông nước ngoài	47.900	479.000.000	0,0127%
a	Cá nhân (10 cổ đông)	26.900	269.000.000	0,0071%
b	Tổ chức (01 cổ đông)	21.000	210.000.000	0,0056%
4	Cổ phiếu quỹ	8.200	82.000.000	0,0022%
	Tổng cộng	**376.500.000**	**3.765.000.000.000**	**100%**

4.2. Công tác thoái vốn nhà nước tại công ty mẹ - Tổng công ty

a. Về lộ trình thoái vốn:

Ngày 29/06/2020, Thủ tướng đã có Quyết định số 908/QĐ-TTg phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020. Theo đó, nhà nước sẽ thoái vốn tại Tổng công ty từ 99,54% xuống còn 36%.

Ngày 07/09/2020, UBND tỉnh đã có văn bản số 10654/UBND-KTNS báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những khó khăn trong quá trình thoái vốn liên quan đến việc chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa 1.

Ngày 02/11/2020, UBND tỉnh đã có văn bản số 13160/UBND-KTNS xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về việc xử lý vướng mắc trong quá trình thực hiện thoái vốn nhà nước theo Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ (liên quan đến Công ty CP Cấp nước Đồng Nai).

b. Về việc định giá:

Thực hiện văn bản số 9326/UBND-KTNS ngày 07/08/2020 của UBND tỉnh, Tổng công ty đã ký phụ lục hợp đồng với Công ty TNHH Thẩm định giá Đất Việt để thẩm định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/06/2020 làm cơ sở thoái vốn.

Hiện nay đơn vị thẩm định giá đã hoàn thiện dự thảo chứng thư. Tổng công ty đã có văn bản số 710/SNZ-QTTH ngày 29/12/2020 báo cáo UBND tỉnh về một số vướng mắc trong công tác thẩm định giá.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm 2016 – 2020:

Căn cứ Quyết định số 4279/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của Tổng công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp;

Căn cứ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông các năm 2016, 2017, 2018, 2019 và 2020;

Kết quả sản xuất kinh doanh 5 năm 2016 - 2020 như sau:

1. Về một số mục tiêu theo Quyết định số 4279/QĐ-UBND:

a. Nhóm Công ty Bất động sản công nghiệp và dân dụng

- Duy trì, tiếp tục đầu tư kinh doanh các KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa 2, Gò Dầu, Xuân Lộc, Thạnh Phú, Giang Điền, Long Thành, Suối Tre, Nhơn Trạch 2, Châu Đức;

- Đã thoái vốn tại KCN Định Quán do không hiệu quả;

- Chưa triển khai được Dự án chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa 1;

- Tiếp tục đầu tư KDC An Bình, An Hòa, Tam An, Thống Nhất;

- Triển khai dự án KDC dịch vụ Giang Điền, Khu đô thị Châu Đức, KDC Bửu Long 2, KDC Lộc An;

- Không triển khai được dự án Trung tâm thương mại – khách sạn Trảng Bom;

- Đã triển khai Dự án Cụm Công nghiệp Long Phước;

- Đã phát triển được KCN Tân Đức.

b. Nhóm Công ty Xây dựng và vật liệu xây dựng

- Đầu tư nhà máy sản xuất gạch không nung của Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai;

- Việc đầu tư máy móc thiết bị thi công còn hạn chế;

- Chưa thực hiện được việc sáp nhập hoặc chuyển giao các đơn vị thành viên;

- Tập trung vào thị trường nội bộ là các dự án bất động sản, các khách hàng là nhà đầu tư trong các KCN của Sonadezi;

- Không thi công được công trình hạ tầng kỹ thuật trọng điểm của tỉnh trong giai đoạn 2016-2019.

c. Nhóm Công ty dịch vụ

- Công ty CP Cảng Đồng Nai tập trung kinh doanh hàng tổng hợp, kinh doanh hàng container, bãi cho thuê, kho hàng;

- Công ty CP Dịch vụ Sonadezi và Công ty CP Môi trường Sonadezi tập trung khai thác dự án Khu xử lý chất thải Quang Trung và Khu xử lý chất thải Vĩnh Tân.

- Nâng công suất cầu cảng Gò Dầu

- Đầu tư nâng công suất trạm Compost, lò đốt…

- Đã phát triển dịch vụ thu gom chất thải trên địa bàn huyện Tân Phú.

d. Nhóm Cấp nước

- Đã hoàn thành dự án hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2.

- Tạm ngưng dự án hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2.

- Đến 31/12/2020, đã giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống còn 19,6%.

2. Về công tác thoái vốn:

a. Đã thoái toàn bộ vốn đầu tư tại các doanh nghiệp: Công ty CP Điện cơ Đồng Nai, Công ty CP Vận tải Thủy bộ Vĩnh Phú, HD Bank (Ngân hàng Đại Á trước đây), Công ty CP Khu công nghiệp Định Quán, Công ty CP Bến xe và Dịch vụ Vận tải Đồng Nai, Công ty CP Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;

b. Đã thoái vốn xuống còn 36% tại Công ty CP Kinh doanh Nhà Đồng Nai, thoái xuống còn 46,22% tại Công ty CP Sonadezi Long Bình.

c. Đã thoái xuống còn 10% tại Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai vào năm 2017; đến nay Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng nên tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty chỉ còn 1,24%.

d. Chưa hoàn tất việc thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty xuống 36% vốn điều lệ.

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

Số liệu kế hoạch các năm theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Số liệu này cao hơn số liệu kế hoạch UBND tỉnh giao tại Quyết định số 4279/QĐ-UBND ngày 16/12/2016.

Số liệu thực hiện theo Báo cáo tài chính các năm đã kiểm toán.

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	KH	TH	%TH/KH	KH	TH	%TH/KH
Năm 2016						
Doanh thu	332	349	105,12%		3.822	
Lợi nhuận sau thuế	78	106	135,90%		604	
Tỷ suất LNST/VCSH	2,07%	3,49%	168,60%		11,70%	
Nộp NSNN	37	116	313,51%		539	
Năm 2017						
Doanh thu	381	403	105,77%	3.503	4.051	115,64%
Lợi nhuận sau thuế	114	260	228,07%	486	587	120,78%
Tỷ suất LNST/VCSH	3,06%	6,89%	225,16%	8,28%	9,58%	115,70%
Nộp NSNN	50	352	704,00%	287	756	263,41%
Năm 2018						
Doanh thu	465	385	82,80%	3.935	4.560	115,88%

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	KH	TH	%TH/KH	KH	TH	%TH/KH
Lợi nhuận sau thuế	270	293	108,52%	661	817	123,60%
Tỷ suất LNST/VCSH	7,16%	7,75%	108,24%	10,96%	12,69%	115,78%
Nộp NSNN	32	25	78,13%	321	530	165,11%
Năm 2019						
Doanh thu	480	528	110,00%	4.434	5.230	117,95%
Lợi nhuận sau thuế	302	367	121,52%	830	1.172	141,20%
Tỷ suất LNST/VCSH	7,96%	9,68%	121,61%	12,20%	17,19%	140,90%
Nộp NSNN	49	69	140,82%	421	774	183,85%
Năm 2020						
Doanh thu	604	582	96,37%	4.584	5.339	116,46%
Lợi nhuận sau thuế	417	419	100,54%	915	1.270	138,80%
Tỷ suất LNST/VCSH	10,94%	11,01%	100,64%	13,16%	17,67%	134,27%
Nộp NSNN	77	59	77,59%	461	663	143,66%

4. Kết quả chia cổ tức

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/01/2016, Đại hội đồng cổ đông đã định hướng đến năm 2018 tỷ lệ chia cổ tức đạt 4% trên vốn điều lệ.

Kết quả thực hiện:

Năm 2018: Chia cổ tức từ LNST năm 2016, 2017 là 7%.

Năm 2019: Chia cổ tức từ LNST năm 2018 là 8%.

Năm 2020: Chia cổ tức từ LNST năm 2019 là 9%.

Năm 2021: Dự kiến chia cổ tức từ LNST năm 2020 là 10%.

5. Các hoạt động khác:

5.1. Công tác tái cấu trúc và nhận diện thương hiệu:

Hệ thống nhận diện thương hiệu Tổng Công ty Sonadezi chính thức được áp dụng trong toàn hệ thống Tổng Công ty từ ngày 17/4/2019.

Đã phát hành và triển khai cho các công ty thành viên áp dụng Cẩm nang hướng dẫn sử dụng thương hiệu Tổng công ty Sonadezi (lần soát xét 01, ngày hiệu lực: 27/5/2020) và hỗ trợ các công ty thành viên hoàn tất việc nhận diện thương hiệu. Đến nay có 15/17 công ty thành viên hoàn tất việc nhận diện thương hiệu trong Hệ thống Sonadezi (ngoại trừ Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị và Công ty CP Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp số 1 Đồng Nai).

Nhãn hiệu Sonadezi đã nộp đăng ký bảo hộ cho 45 nhóm ngành nghề, dịch vụ phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

5.2. Công tác xã hội – từ thiện

Hàng năm, Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã dành khoảng 10 tỷ đồng để tham gia tài trợ và thực hiện nhiều chương trình xã hội – từ thiện như: tài trợ kinh phí xây dựng đường nông thôn; ủng hộ Quỹ nạn nhân chất độc da cam, Quỹ khuyến học, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo; ủng hộ đồng bào bị thiên tai...

Sau hơn 10 năm thực hiện Chương trình "Vạn tấm lòng vàng", đến hết năm 2018 Sonadezi và các đơn vị thành viên đã thực hiện được hơn 250 căn nhà với tổng kinh phí hơn 06 tỷ đồng.

Từ năm 2018 đã triển khai Chương trình hỗ trợ viện phí cho bệnh nhân nghèo tại Bệnh viện Đồng Nai. Đến 31/12/2020, Tổng công ty và các công ty thành viên đã đóng góp 2,5 tỷ đồng, trong đó đã hỗ trợ hơn 260 trường hợp vối số tiền gần 2,3 tỷ đồng.

Đặc biệt trong năm 2020, Tổng công ty và công ty thành viên hỗ trợ tỉnh Đồng Nai phòng chống dịch Covid 19 số tiền 06 tỷ đồng, trong đó có 05 tỷ đồng mua máy xét nghiệm PCR.

II. Kế hoạch SXKD năm 2021 và định hướng kế hoạch nhiệm kỳ II (2021-2026)

1. Kế hoạch SXKD năm 2021

a. Công ty mẹ

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2020	KH 2021	KH 2021/TH 2020
1	Vốn điều lệ	3.765.000	3.765.000	100,00%
2	Tổng doanh thu	582.404	629.454	108,08%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	441.283	484.266	109,74%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	418.944	442.272	105,57%
5	Phải nộp ngân sách nhà nước	59.395	75.597	127,28%
6	Tỷ suất lợi nhuận trên VCSH	11,01%	11,56%	105,00%

b. Hợp nhất

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2020	KH 2021	KH 2021/TH 2020
1	Vốn điều lệ	3.765.000	3.765.000	100,00%
2	Tổng doanh thu	5.338.571	4.770.000	89,35%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.516.188	1.264.860	83,42%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.269.788	1.011.888	79,69%
5	Phải nộp ngân sách nhà nước	662.763	556.734	84,00%
6	Tỷ suất lợi nhuận trên VCSH	17,67%	13,73%	77,70%

2. Định hướng kế hoạch giai đoạn 2021-2025

2.1. Nhận định tình hình:

a. Công tác thoái vốn:

Căn cứ Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020, nhà nước sẽ thoái vốn tại Tổng công ty từ 99,54% xuống còn 36%. UBND tỉnh Đồng Nai đang chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty tiếp tục hoàn tất việc thoái vốn nhà nước trong năm 2021.

Căn cứ Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 04/06/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Danh mục thoái vốn các công ty thành viên của Tổng công ty CP Phát triển KCN

trong năm 2020 và Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 04/06/2020, Tổng công ty Sonadezi sẽ thoái hết vốn tại một số công ty liên kết và thoái xuống dưới 50% tại các công ty con.

Việc thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty và thoái vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác phụ thuộc vào việc định giá theo các quy định của nhà nước và tình hình thị trường.

Với kế hoạch thoái vốn theo các quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai, việc dự báo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong những năm tiếp theo là rất hạn chế. Đồng thời, với việc thoái vốn xuống dưới 50% tại các công ty con, Tổng công ty sẽ không còn số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoài ra, khi nhà nước thoái vốn tại Tổng công ty từ 99,54% xuống còn 36% sẽ có những nhà đầu tư lớn đầu tư vào Tổng công ty, tham gia và nắm quyền kiểm soát Tổng công ty. Lúc này, các cổ đông ngoài cổ đông nhà nước sẽ quyết định các chiến lược phát triển Tổng công ty.

b. Các dự án mới:

Trong 05 năm vừa qua, việc tìm kiếm phát triển các dự án mới gặp nhiều khó khăn do vướng mắc liên quan đến thủ tục tham dự đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án; chi phí đền bù tăng cao, giá đất tăng cao. Một số dự án Tổng công ty đang chuẩn bị đầu tư bị thay đổi mục tiêu, quy hoạch.

c. Tình hình dịch bệnh Covid-19:

Tính đến ngày 27/3/2021 có hơn 109 triệu người trên toàn thế giới nhiễm bệnh và hơn 2,4 triệu người tử vong vì dịch bệnh. Một số quốc gia đã triển khai tiêm chủng vaccine nhưng số ca nhiễm trên thế giới vẫn tăng cao ở nhiều nơi. Việt Nam đã có 3 đợt bùng phát dịch với hơn 2.580 người nhiễm và 35 người tử vong. Ngày 25/3/2021 đã phát sinh các ca bệnh nhập cảnh trái phép vào TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và TP. Hải Phòng dẫn đến nguy cơ bùng phát đợt 4 *(theo https://ncov.moh.gov.vn/)*.

Với ngành nghề chính là kinh doanh bất động sản khu công nghiệp, thời gian từ khi đàm phán đến khi ký được hợp đồng với các nhà đầu tư nước ngoài kéo dài nhiều tháng, có khi vài năm. Từ giữa năm 2020, Việt Nam đã tạm ngừng các chuyến bay thương mại làm cho các nhà đầu tư nước ngoài không thể đến Việt Nam để đàm phán ký hợp đồng. Do vậy hiện nay, Sonadezi chỉ duy trì được các khách hàng cũ, không thể phát triển thêm các khách hàng mới thuê đất, thuê nhà xưởng. Điều này dẫn đến hạn chế tỷ lệ tăng trưởng của Tổng công ty trong một vài năm tới.

2.2. Định hướng kế hoạch 2021-2025:

Với tình hình nêu trên, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty đề xuất định hướng kế hoạch giai đoạn 2021-2025 như sau:

a. Công tác tìm kiếm, phát triển dự án mới:

Tổng công ty Sonadezi chủ trương gia tăng việc liên kết trong nội bộ để tối ưu hóa lợi thế của từng đơn vị trong hệ thống, tăng khả năng cạnh tranh và giảm thiểu rủi ro trong việc tìm kiếm, phát triển dự án mới.

Đề xuất phát triển các dự án:

- Mở rộng KCN Giang Điền;

- Khu công nghiệp và dịch vụ Hàng Gòn;

- 01 khu công nghiệp tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ;

- Ít nhất là 02 khu dân cư quy mô ≥ 10 ha;

- Về dự án chuyển đổi công năng Khu công nghiệp Biên Hòa 1: Tổng công ty Sonadezi sẽ phát huy lợi thế của Tổng công ty trong dự án này.

b. Về tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận và chia cổ tức giai đoạn 2021-2025:

- Tổng công ty Sonadezi phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận hàng năm từ 5% đến 7%.

- Đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức 10%, phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ chia cổ tức 12%.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- Lưu VT, QTTH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3600335363 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Đỗ Thị Thu Hằng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 29 /BC-SNZ-QTTH

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
Về hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ I (2016 – 2020) và phương hướng hoạt động HĐQT nhiệm kỳ II (2021 – 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

A. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ I (2016 – 2020):

I. Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I (2016 – 2020):

Stt	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Đỗ Thị Thu Hằng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Phan Đình Thám	Thành viên HĐQT
3	Ông Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT
5	Ông Đinh Ngọc Thuận	Thành viên HĐQT
6	Ông Phạm Quốc Chí	Thành viên HĐQT không điều hành
7	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành

Có 3/7 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

II. Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ I (2016 – 2020):

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020:

a. Tổng kết các cuộc họp và quyết định của HĐQT:

Trong năm 2020, HĐQT Tổng công ty có 06 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên và có 51 Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền, qua đó đã ban hành 105 Nghị Quyết/ Quyết định để lãnh đạo, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ, chỉ đạo, định hướng và giám sát hoạt động của toàn bộ hệ thống với các nội dung như sau:

- Công tác thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty và công tác thoái vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác;

- Công tác chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên;

- Công tác tổ chức, nhân sự để thành lập Công ty CP Sonadezi Bình Thuận;

- Thành lập Ban Chuyên viên nhằm tách chức năng Đảng, Đoàn ra khỏi Văn phòng Tổng công ty;

- Thông qua việc điều chỉnh, ban hành các quy chế thuộc thẩm quyền của HĐQT: Quy chế chi hoa hồng môi giới áp dụng đối với dịch vụ tư vấn môi giới, giới thiệu khách hàng để chuyển quyền thuê đất, cho thuê hoặc chuyển nhượng nhà xưởng tại KCN Châu Đức; Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Tổng công ty tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Quy chế đánh giá kết quả công việc của Tổng Công ty; Quy chế tiền lương, thưởng và thù lao của Tổng Công ty;

- Thông qua chủ trương tìm kiếm phát triển các dự án mới trong và ngoài tỉnh Đồng Nai, nghiên cứu hình thức hợp tác với các nhà đầu tư để có thể tham gia các bước sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư từ ban đầu đồng thời khai thác tối ưu thương hiệu Sonadezi như tham gia sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án KCN Hòa Nhơn và KCN Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng; dự án Khu công nghiệp Cẩm Mỹ tại xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, v.v…

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho Ban Lãnh đạo Tổng công ty, NĐDPV tại các đơn vị thành viên: đào tạo huấn luyện cho nhân sự thực hiện công tác lập dự toán công trình xây dựng cơ bản đảm bảo tính thống nhất trong toàn Tổng công ty; đào tạo nội bộ các quy định của Tổng công ty có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của NĐDPV;

- Chủ trương nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật số trong hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tại Tổng công ty và các công ty thành viên; Chủ trương việc lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái và áp dụng cải tiến công nghệ xử lý nước thải trong toàn Tổng Công ty;

- Chỉ đạo công tác truyền thông nội bộ về nhận diện thương hiệu trong toàn hệ thống thông qua hoạt động các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, hoạt động kỷ niệm 30 năm thành lập Tổng Công ty.

(Danh sách các cuộc họp HĐQT Tổng công ty Sonadezi; Danh sách các Nghị Quyết/ Quyết định của HĐQT năm 2020 đã được công bố tại Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty năm 2020 ngày 28/01/2021 của Tổng công ty Sonadezi).

b. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị thực hiện năm 2020:

STT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện
1	Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị	67.500.000 đồng/tháng	117.555.844 đồng/tháng
2	Thù lao của từng thành viên HĐQT	12.000.000 đồng/tháng	17.209.675 đồng/tháng
3	Tổng thù lao của 06 thành viên HĐQT		103.258.046 đồng/tháng

c. Báo cáo về các giao dịch giữa Tổng công ty Sonadezi, công ty con, công ty do Tổng công ty Sonadezi nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty Sonadezi với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

Chi tiết tại mục VII – Danh sách về người có liên quan của Tổng công ty và giao dịch của người có liên quan với Tổng công ty đã được công bố tại Báo cáo ngày 28/01/2021 về tình hình quản trị Tổng công ty năm 2020.

2. Báo cáo hoạt động của HĐQT trong nhiệm kỳ I (2016 – 2020):

Trong nhiệm kỳ I (2016 – 2020), HĐQT Tổng công ty đã có những nghị quyết, quyết định về chiến lược và những vấn đề trọng yếu để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức quản lý công ty mẹ và các công ty thành viên hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm 2016 – 2020 với một số kết quả nổi bật như sau:

- Về doanh thu, công ty mẹ tăng trưởng bình quân 13,65%, hợp nhất tăng trưởng bình quân 8,71%; về lợi nhuận sau thuế, công ty mẹ tăng trưởng bình quân 40,93%, hợp nhất tăng trưởng bình quân 20,43%;

- Năm 2020 trong khi nền kinh tế thế giới bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, so với kế hoạch, hợp nhất Tổng công ty về doanh thu vượt 16,46%, về lợi nhuận sau thuế vượt 38,8%; so với năm 2019, hợp nhất Tổng công ty về doanh thu vượt 2,08%, về lợi nhuận sau thuế vượt 8,36%;

- Đã thành lập Công ty CP Sonadezi Giang Điền, đến nay, công ty này đã hoạt động ổn định, có hiệu quả;

- Đã phát triển được 01 KCN mới là KCN Tân Đức thuộc tỉnh Bình Thuận; đã thành lập Công ty CP Sonadezi Bình Thuận để triển khai dự án KCN Tân Đức;

- Xây dựng và triển khai các chương trình chung trong toàn Tổng công ty về:

+ Lao động, tiền lương, thù lao;

+ Phân phối lợi nhuận sau thuế;

+ Quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp trung và cấp cao;

+ Nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật số trong hoạt động quản lý và sản xuất kinh doanh, sử dụng năng lượng tái tạo, cải tiến công nghệ xử lý nước thải;

+ Hỗ trợ địa phương xây dựng đường giao thông nông thôn;

+ Hỗ trợ viện phí cho bệnh nhân nghèo tại Bệnh viện Đồng Nai, đặc biệt là hỗ trợ tỉnh Đồng Nai mua sắm máy móc, thiết bị phòng chống dịch Covid 19.

- Tái cấu trúc Hệ thống nhận diện thương hiệu Sonadezi trong cả Tổng Công ty, với kết quả:

+ Hai năm liên tiếp (2019 – 2020) đạt Top 50 nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam;

+ Top 10 doanh nghiệp Upcom thực hiện công bố thông tin và minh bạch tốt nhất năm 2019 – 2020;

+ Năm 2021 đạt Top 10 công ty bất động sản công nghiệp uy tín do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) công bố ngày 19/3/2021.

(xem chi tiết khoản 1 mục II phần A Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2020), kế hoạch SXKD năm 2021 và nhiệm kỳ II (2021-2026)).

3. Về hoạt động của các thành viên HĐQT

Từng thành viên HĐQT của nhiệm kỳ I (2016 – 2020) đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của Pháp luật.

Các thành viên HĐQT làm việc theo chế độ tập thể, có sự bàn bạc, trao đổi cụ thể, chi tiết về các vấn đề qua đó đã đạt được sự thống nhất cao trong việc nghị quyết, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền.

4. Công tác chỉ đạo, giám sát đối với Tổng giám đốc:

Trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ, HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ, cẩn trọng xem xét, chỉ đạo, nghị quyết, quyết định các vấn đề để Tổng giám đốc điều hành một cách tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông.

Tổng giám đốc điều hành hoạt động của Tổng công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Tổng công ty, thường xuyên báo cáo, trao đổi với HĐQT Tổng công ty để có những điều chỉnh kịp thời đảm bảo đạt được mục tiêu với hiệu quả cao nhất.

HĐQT Tổng công ty và Tổng giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ, thực hiện mối quan hệ quản trị - điều hành theo đúng Điều lệ và các Quy chế nội bộ.

B. ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ II (2021 – 2026):

Với những kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2016-2020; trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 trên thế giới và trong khu vực Đông Nam Á thời gian gần đây; căn cứ kế hoạch thoái vốn của UBND tỉnh Đồng Nai,

Trong nhiệm kỳ II (2021-2026), HĐQT Tổng công ty tiếp tục kế thừa và phát huy các thành tích đã đạt được, tập trung nguồn lực, trí tuệ để lãnh đạo Tổng công ty tiếp tục phát triển bền vững với những nội dung trọng tâm như sau:

1. Chỉ đạo, định hướng cho các công ty thành viên áp dụng các biện pháp, phương thức giảm thiểu rủi ro trong sản xuất kinh doanh đồng thời nghiên cứu, triển

khai, áp dụng kỹ thuật số trong hoạt động quản lý và sản xuất kinh doanh trong toàn Tổng công ty để thích ứng với tình hình kinh tế bị tác động bởi dịch bệnh Covid-19;

2. Tùy tình hình thoái vốn để linh hoạt trong việc giao nhiệm vụ cho người ĐDPV tại các công ty thành viên đảm bảo có sự phối hợp, liên kết trong công tác quản lý, điều hành trên nguyên tắc hiệu quả, hài hòa lợi ích và tuân thủ pháp luật;

3. Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, phát triển các dự án trong và ngoài tỉnh Đồng Nai đồng thời nghiên cứu, đề xuất các hình thức hợp tác đầu tư, liên doanh để thực hiện các dự án trong hệ thống Sonadezi cũng như các dự án với các đối tác ngoài hệ thống Sonadezi.

4. Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo chung trong toàn Tổng công ty, nâng cao năng lực cán bộ quản lý, người đại diện phần vốn để phù hợp với tình hình mới; Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống quản lý nhân sự các cấp trên cơ sở tuân thủ các quy định;

5. Duy trì việc áp dụng Hệ thống nhận diện thương hiệu Tổng Công ty Sonadezi với các công ty thành viên; tiếp tục quảng bá thương hiệu Sonadezi thông qua các hoạt động truyền thông, công tác xã hội cộng đồng...

6. Gia tăng giá trị dịch vụ, nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp;

7. Triển khai trong toàn Tổng công ty các chương trình sử dụng năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lương như: hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái; chuyển đổi đồng loạt hệ thống chiếu sáng trong khu công nghiệp, khu văn phòng, nhà xưởng cho thuê... sang sử dụng hệ thống ít tiêu hao năng lượng.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ 2021;
- Lưu: VT, QTTH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3600335363
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Đỗ Thị Thu Hằng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số:..30.../BC-SNZ-KS

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016 – 2020) tại Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sonadezi

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016 – 2020) tại Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp (Tổng công ty) với các nội dung cụ thể như sau:

A. THẨM ĐỊNH CÁC BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021:

I. Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán:

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam, Ban Kiểm soát đã thẩm định và thống nhất như sau: Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của Tổng công ty.

II. Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016 – 2020):

- Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2020) đã phản ánh đầy đủ, trung thực về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình triển khai dự án lớn, công tác thoái vốn và các hoạt động khác của Tổng công ty trong năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2020).

- Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ I (2016 – 2020) đã phản ánh đúng và đầy đủ hoạt động của HĐQT trong việc đề ra các chiến lược kinh doanh, quản trị hệ thống Tổng công ty; chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành Tổng công ty và các công việc khác theo đúng thẩm quyền của HĐQT.

B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY:

Qua quá trình giám sát các hoạt động tại Tổng công ty năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016 – 2020), Ban kiểm soát có các đánh giá sau:

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1. Kết quả hoạt động sản suất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu		2016	2017	2018	2019	2020	Tăng trưởng bình quân
I	**CÔNG TY MẸ**							
1	Tổng doanh thu (triệu đồng)	KH	332.018	381.348	465.012	480.452	604.369	
		TH	349.041	403.380	384.861	527.925	582.404	13,65%
		%TH/KH	105,13%	105,78%	82,76%	109,88%	96,37%	
2	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	KH	78.084	114.114	270.375	301.799	416.696	
		TH	106.194	259.590	292.733	367.159	418.944	40,93%
		%TH/KH	136,00%	227,48%	108,27%	121,66%	100,54%	
3	Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (%)	KH	2,07	3,06	7,16	7,96	10,94	
		TH	3,49	6,89	7,75	9,68	11,01	33,27%
		%TH/KH	168,60%	225,16%	108,21%	121,56%	100,64%	
4	Nộp ngân sách nhà nước (triệu đồng)	KH	36.858	50.000	32.000	48.530	76.549	
		TH	116.160	351.911	25.330	68.856	59.395	-15,44%
		%TH/KH	315,16%	703,82%	79,16%	141,88%	77,59%	
II	**HỢP NHẤT**							
1	Tổng doanh thu (triệu đồng)	KH	x	3.503.000	3.935.448	4.434.076	4.583.944	
		TH	3.822.306	4.051.353	4.560.069	5.229.871	5.338.570	8,71%
		%TH/KH	x	115,65%	115,87%	117,95%	116,46%	
2	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	KH	x	486.252	660.571	829.827	914.852	
		TH	603.638	586.887	817.277	1.171.712	1.269.788	20,43%
		%TH/KH	x	120,70%	123,72%	141,20%	138,80%	
3	Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (%)	KH	x	8,28	10,96	12,20	13,16	
		TH	11,70	9,58	12,69	17,19	17,67	10,86%
		%TH/KH	x	115,65%	115,74%	140,92%	134,27%	
4	Nộp ngân sách nhà nước (triệu đồng)	KH	x	286.930	320.785	420.535	461.330	
		TH	539.307	755.922	530.385	774.474	662.763	5,29%
		%TH/KH	x	263,45%	165,34%	184,16%	143,66%	
III	**Cổ tức**	KH	0,00%	5,00%	7,00%	7,00%	10,00%	
		TH	0,00%	7,00%	8,00%	9,00%	10,00% (Dự kiến)	

Ghi chú: Đại hội đồng cổ đông năm 2016 (lần thứ nhất) không giao kế hoạch hợp nhất

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty mẹ:

- Năm 2020:

- Tổng doanh thu năm 2020 đạt được là 582 tỷ đồng tương ứng với 96,37% so với kế hoạch và tăng 10,32% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 183 tỷ đồng, vượt 23,82% so với kế hoạch và tăng 49,12% so với năm 2019; doanh thu tài chính đạt được 399 tỷ đồng tương đương 87,42% so với kế hoạch và giảm 1,46% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu hoạt động tài chính không đạt kế hoạch đề ra là do không phát sinh doanh thu từ hoạt động thoái vốn, điều này cũng đã làm ảnh hưởng đến việc không đạt kế hoạch của chỉ tiêu tổng doanh thu. Nguyên nhân không phát sinh doanh thu thoái vốn là do công tác thoái vốn không thực hiện được, mức giá thẩm định cao nên

không thu hút được nhà đầu tư, đồng thời một số đơn vị có kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2020 như Công ty D2D, Công ty Amata nên HĐQT đã thống nhất thực hiện công tác thoái vốn sau khi các đơn vị này hoàn tất việc tăng vốn.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Tổng công ty đạt được là 419 tỷ đồng, vượt 0,54% so với kế hoạch và tăng trưởng so với năm 2019 là 14,1%.

- Nhiệm kỳ I (2016 – 2020):

- Tổng doanh thu đạt được là 2.248 tỷ đồng với mức tăng trưởng bình quân 13,65%, trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 32,78%, doanh thu hoạt động tài chính chiếm 65,09% và thu nhập khác là 2,13%.

- Tổng lợi nhuận sau thuế nhiệm kỳ 2016 – 2020 đã đạt được là 1.445 tỷ đồng tương ứng với mức tăng trưởng bình quân là 40,93%. Do năm 2016 lợi nhuận đạt được của Tổng công ty phần lớn là từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận từ hoạt động tài chính đã được ghi nhận trước thời điểm chuyển sang công ty cổ phần, chính vì thế tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của năm 2017 so với năm 2016 là 144,45%, điều này ảnh hưởng đột biến đến tốc độ tăng bình quân của lợi nhuận sau thuế 5 năm qua. Xét biến động lợi nhuận sau thuế từ năm 2017 - 2020, mức độ tăng trưởng bình quân đạt được là 17,3%.

1.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty:

- Năm 2020:

- Tổng doanh thu hợp nhất đạt được là 5.339 tỷ đồng tương đương 116,46% so với kế hoạch và tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước là 2,08%, trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt được là 4.975 tỷ đồng tương đương 100,27% so với năm 2019; doanh thu hoạt động tài chính đạt được là 338 tỷ đồng tăng 41,99% so với năm 2019.

- Lợi nhuận sau thuế đạt được là 1.270 tỷ đồng, vượt 38,80% so với kế hoạch đề ra và tăng 8,37% so với năm 2019. Có 9/12 công ty con thực hiện hợp nhất hoàn thành vượt kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2020, nổi bật có 2 đơn vị hoàn thành vượt trên 50% kế hoạch là Công ty CP Sonadezi Châu Đức (vượt 60,01%) và Công ty D2D (vượt 50,06%).

- Nhiệm kỳ I (2016 – 2020):

- Trong nhiệm kỳ 2016 – 2020, tổng doanh thu hợp nhất đạt 23.002 tỷ đồng với mức tăng trưởng bình quân là 8,71%. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 94,26% tổng doanh thu tương đương 21.682 tỷ đồng, trong đó hoạt động kinh doanh BĐS công nghiệp và dân dụng đạt được là 7.008 tỷ đồng tăng trưởng bình quân 13,96%, mức tăng trưởng này được đóng góp phần lớn từ dự án KCN Châu Đức, KDC Lộc An; hoạt động cung cấp dịch vụ bao gồm xử lý nước thải, chất thải, cảng đạt 6.276 tỷ đồng tăng trưởng bình quân 15,87%; hoạt động kinh doanh nước sạch đạt 5.157 tỷ đồng tăng trưởng bình quân 4,53%; hoạt động khác (xây dựng, vật liệu xây dựng, khác...) đạt 3.240 tỷ đồng với mức giảm bình quân là 10,11%. Bên cạnh đó, doanh thu hoạt động tài chính đạt được là 1.112 tỷ đồng, trong đó lãi tiền gửi chiếm 82,77% tương đương 921 tỷ đồng.

- Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất trong nhiệm kỳ qua đạt được 4.449 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân là 20,43%. Việc tăng trưởng các chỉ tiêu hợp nhất ngoài kết quả hoạt động của công ty mẹ còn có sự đóng góp của các công ty thành viên trong hệ thống, điển hình như Công ty D2D, Công ty CP Sonadezi Châu Đức, Công ty CP Cảng Đồng Nai, Công ty CP Dịch vụ Sonadezi...

2. Tình hình triển khai các dự án đầu tư tại Tổng công ty:

- Dự án đầu tư kinh doanh mặt bằng công nghiệp tại KCN Châu Đức: trong nhiệm kỳ 2016 – 2020, HĐQT đã thống nhất chủ trương thông qua phương án kinh doanh trên khu đất

65ha đã thuê tại KCN Châu Đức bằng hình thức chuyển quyền thuê đất hoặc xây dựng nhà xưởng cho thuê. Tình hình thực hiện như sau:

+ Đối với việc chuyển quyền thuê đất: trong năm 2020, Tổng công ty đã thực hiện chuyển quyền thuê đất là 13,39 ha, luỹ kế diện tích đã chuyển quyền thuê đất trong nhiệm kỳ là 21,37ha.

+ Đối với việc xây dựng nhà xưởng cho thuê: HĐQT đã phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng cho thuê tại KCN Châu Đức với quy mô 2,67 ha, tổng mức đầu tư là 71,29 tỷ đồng. Trong năm 2020, Tổng công ty đã triển khai thi công 02 nhà xưởng và nghiệm thu hoàn thành vào tháng 01/2021.

- Dự án chuyển đổi công năng KCN Biên Hoà 1: trong nhiệm kỳ 2016 – 2020, Tổng công ty đã phối hợp với các Sở ngành xây dựng và hoàn thiện Đề án chuyển đổi KCN Biên Hoà 1 thành Khu đô thị - dịch vụ - thương mại và cải thiện môi trường. Song song đó, trong năm 2020, Tổng công ty đã phối hợp các Sở ngành tham mưu UBND Tỉnh Đồng Nai báo cáo Bộ Kế hạch Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đưa KCN Biên Hoà 1 ra khỏi quy hoạch phát triển KCN. Ngày 28/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản chấp thuận đưa KCN Biên Hoà 1 ra khỏi quy hoạch phát triển KCN ở Việt Nam đến năm 2020. Hiện nay, Tổng công ty đang tiếp tục theo dõi việc phê duyệt Đề án chuyển đổi của UBND Tỉnh Đồng Nai.

- Dự án KCN Tân Đức: đây là dự án mới của Tổng công ty trong nhiệm kỳ vừa qua. Quy mô dự án 300 ha tại Xã Tân Đức, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận. Năm 2020, Tổng công ty đã thành lập Công ty CP Sonadezi Bình Thuận để thực hiện dự án với vốn điều lệ là 400 tỷ đồng, trong đó Tổng công ty chiếm 42% vốn điều lệ. Ngày 23/02/2021, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 230/QĐ-TTg chấp thuận chủ trương đầu tư dự án KCN này.

- Dự án Mỏ đá Xuân Hòa: Tổng công ty hợp tác kinh doanh với Công ty Cường Thuận Idico để khai thác. Do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm tại địa phương và vùng lân cận trong giai đoạn 2016 - 2020 thấp nên công suất khai thác giảm so với kế hoạch. Kết quả kinh doanh từ năm 2017 (năm bắt đầu khai thác) đến năm 2019 luôn không hoàn thành kế hoạch. Riêng năm 2020 tình hình kinh doanh khả quan hơn, doanh thu đạt được trong năm là 1,4 tỷ đồng, vượt 16,7% so với kế hoạch.

- Dự án Mỏ đá Thiện Tân 6 – Vĩnh Cửu: dc khó khăn trong công tác thu hồi đất của dự án và tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư, trong năm 2020 HĐQT đã thống nhất tạm dừng triển khai dự án.

3. Hoạt động đầu tư tài chính Tổng công ty:

3.1. Tình hình đầu tư tài chính:

- Tổng giá trị khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác đến ngày 31/12/2020 là 3.017 tỷ đồng tăng 224 tỷ đồng so với thời điểm 01/02/2016.

- Trong nhiệm kỳ 2016 -2020, tổng giá trị các khoản đầu tư tham gia góp vốn, mua cổ phần là 520 tỷ đồng bao gồm góp vốn thành lập Công ty CP Sonadezi Giang Điền, Công ty CP Sonadezi Bình Thuận, Công ty CP BOT 319; mua cổ phần Công ty CP Xây dựng Cầu Đồng Nai và góp thêm vốn tại Công ty Amata. Riêng năm 2020, giá trị đầu tư tham gia góp vốn là 178 tỷ đồng, trong đó góp vốn thành lập Công ty CP Sonadezi Bình Thuận là 168 tỷ đồng, chiếm 42% vốn điều lệ; góp thêm vốn để duy trì tỷ lệ biểu quyết tại Công ty Amata và Công ty CP BOT 319 là 10 tỷ đồng do các công ty này thực hiện tăng vốn điều lệ.

- Với mục tiêu thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính, trong nhiệm kỳ 2016 – 2020, Tổng công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại 06 đơn vị bao gồm Công ty CP Điện Cơ Đồng Nai, Công ty CP Vận tải Thuỷ bộ Vĩnh Phú, Công ty CP KCN Định Quán, Công ty

CP Bến xe và dịch vụ Vận tải Đồng Nai, Công ty CP Dầu khí đầu tư khai thác Cảng Phước An và HDBank; thoái vốn giảm tỷ lệ biểu quyết xuống dưới 50% vốn điều lệ của 03 đơn vị bao gồm Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai, Công ty CP Kinh Doanh nhà Đồng Nai và Công ty CP Sonadezi Long Bình. Tổng giá trị thoái vốn thu được là 470 tỷ đồng, lãi thoái vốn là 177 tỷ đồng. Riêng năm 2020, Tổng công ty không thực hiện được công tác thoái vốn theo kế hoạch đề ra nguyên nhân đã được giải trình tại mục 1.1.

- Việc thực hiện công tác đầu tư tài chính bao gồm góp vốn thành lập doanh nghiệp, mua cổ phần và thoái vốn đầu tư được Tổng công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

3.2. Hiệu quả đầu tư tài chính:

- Về hiệu quả đầu tư tài chính: Trên cơ sở báo cáo tài chính hàng năm và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên, Ban kiểm soát đánh giá rằng các khoản đầu tư vốn tại công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty Sonadezi đều đạt hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, ngoại trừ Công ty CP Đầu tư quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang lỗ lũy kế tính đến ngày 31/12/2020 là 35,18 tỷ đồng chiếm 12,47% vốn điều lệ, Trường cao đẳng Sonadezi lỗ niên độ 2019 – 2020 là 2,39 tỷ đồng, lỗ luỹ kế đến ngày 31/12/2020 là 182 triệu đồng.

- Xét về tình hình tài chính của các đơn vị tại ngày 31/12/2020, Ban kiểm soát lưu ý một số công ty có hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn thấp như Công ty CP Cấp nước Đồng Nai là 0,35 lần, Công ty CP Đầu tư quốc lộ 91 Cần Thơ An Giang là 0,06 lần, Trường cao đẳng Sonadezi là 0,31 lần, Công ty CP Sonadezi Châu Đức là 0,23 lần. Ngoại trừ vấn đề lưu ý trên, sau khi xem xét về các chỉ số tài chính và tình hình hoạt động của các công ty thành viên khác, Ban kiểm soát đánh giá rằng các công ty thành viên còn lại đều an toàn về tài chính.

II. Tình hình tài chính của Tổng công ty *(chi tiết Phụ lục đính kèm)*:

- Tổng tài sản của công ty mẹ đến ngày 31/12/2020 là 4.348 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu là 4.268 tỷ đồng. Đối với hợp nhất tổng công ty, tổng tài sản hợp nhất đến ngày 31/12/2020 là 20.493 tỷ đồng, tăng 7.110 tỷ đồng so với thời điểm 01/02/2016, Vốn chủ sở hữu hợp nhất là 8.436 tỷ đồng, tăng so với thời điểm 01/02/2016 là 2.279 tỷ đồng.

- Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn: hoạt động chủ yếu hiện nay của Tổng công ty là đầu tư tài chính nên tài sản dài hạn luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản tại công ty mẹ. Tuy nhiên trong nhiệm kỳ 2016 -2020, Tổng công ty đã thực hiện tái cơ cấu và thoái vốn các khoản đầu tư tài chính nên tài sản dài hạn có xu hướng giảm trong cơ cấu tổng tài sản. Xét về cơ cấu tài sản hợp nhất thì tỷ trọng tài sản dài hạn và ngắn hạn trong tổng tài sản vẫn ổn định qua các năm, trong đó tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn hơn ngắn hạn chủ yếu là các tài sản cố định và bất động sản đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Về nguồn vốn hoạt động trong nhiệm kỳ 2016 - 2020, công ty mẹ chưa có các dự án mới nên hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu sử dụng từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, tại các công ty thành viên đã tận dụng nguồn vốn vay và phát sinh doanh thu nhận trước từ hoạt động sản xuất kinh doanh nên nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn hợp nhất.

- Về khả năng thanh toán: các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của công ty mẹ cho thấy Tổng công ty đảm bảo được khả năng thanh toán trong ngắn hạn qua các năm. Đối với các công ty con hợp nhất thì Công ty CP Cấp nước Đồng Nai có hệ số khả năng trong ngắn hạn thấp và có xu hướng giảm trong giai đoạn 2016 - 2020, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn đến ngày 31/12/2020 là 0,35 lần (tài sản ngắn hạn chỉ đủ thanh toán 35% nợ ngắn hạn).

- Về khả năng sinh lời: các chỉ tiêu khả năng sinh lời của công ty mẹ và hợp nhất qua các năm đều tăng trưởng. Tại công ty mẹ, loại trừ ảnh hưởng kết quả năm 2016 như đã đánh giá tại mục 1.1, ROA bình quân (2017-2020) là 7,73% tăng trưởng trung bình 20,68%, ROE bình quân (2017 - 2020) là 8,83% tăng trưởng trung bình 16,88%. Xét hợp nhất tổng công ty, trong nhiệm kỳ 2016 – 2020, chỉ tiêu ROA hợp nhất bình quân là 5,27%, tăng trưởng trung bình là 10,92%; chỉ tiêu ROE hợp nhất bình quân là 13,77% tăng trưởng trung bình là 10,86%.

- Như vậy, trong nhiệm kỳ 2016 - 2020, các chỉ tiêu tài chính của Tổng công ty cơ bản thể hiện Tổng công ty có tình hình tài chính tốt, bảo toàn và phát triển vốn, đồng thời sử dụng vốn hiệu quả và tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

C. ĐÁNH GIÁ VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

I. Đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty và công ty con của Tổng công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

- Giao dịch giữa Tổng công ty và công ty con của Tổng công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch đã được công bố đầy đủ tại Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty năm 2020 ngày 28/01/2021 trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Sonadezi.

- Các giao dịch đã được báo cáo và được HĐQT thông qua theo đúng thẩm quyền quy định của Điều lệ Tổng công ty, đảm bảo công khai, công bằng và lợi ích của Tổng công ty.

II. Đánh giá hoạt động của HĐQT Tổng công ty:

- HĐQT gồm 7 thành viên, trong đó Chủ tịch HĐQT hoạt động chuyên trách. Trong nhiệm kỳ 2016 – 2020 không có sự thay đổi về nhân sự trong HĐQT.

- HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động của ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT, các báo cáo của Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm toán nội bộ.

- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ theo đúng quy định của điều lệ Tổng công ty. Ngoài ra, để kịp thời đưa ra các quyết định, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT còn thường xuyên thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản các nội dung thuộc thẩm quyền. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty.

- Trong năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2020), HĐQT đã tập trung thực hiện các công việc chính như phê duyệt chủ trương tìm kiếm các dự án mới, phê duyệt công tác thoái vốn của Tổng công ty, xây dựng các quy chế quản trị Tổng công ty, chuẩn hoá việc xác định quỹ tiền lương, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ áp dụng cho các công ty thành viên, triển khai và áp dụng hệ thống nhận diện thương hiệu Tổng công ty với các công ty thành viên... Các hoạt động cụ thể của HĐQT đã được thể hiện đầy đủ tại Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ I (2016 – 2020) và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2021 – 2026). Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung của báo cáo.

- Nhìn chung, các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật và điều lệ của Tổng công ty. Các quyết định, nghị quyết của HĐQT luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật và điều lệ của Tổng công ty.

III. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty:

- Đến ngày 31/12/2020, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty gồm 04 thành viên. Trong nhiệm kỳ I (2016 – 2020), có 03 Phó Tổng giám đốc nghỉ chế độ hưu trí và bổ nhiệm bổ sung 02 Phó Tổng giám đốc. Tổng giám đốc đã thực hiện phân công công việc từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc hợp lý, mỗi thành viên đều phát huy và nêu cao vai trò trách nhiệm của mình trong công việc.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai các Nghị quyết của Đại đội đồng cổ đông và HĐQT đến các bộ phận chuyên môn tại các cuộc họp giao ban và cuộc họp khác. Đồng thời, đề ra các giải pháp kinh doanh, triển khai dự án để hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được giao.

- Về công tác quản trị tài chính, Ban Tổng giám đốc đã bảo toàn và sử dụng vốn hiệu quả trong giai đoạn tìm kiếm các dự án mới. Các kết luận của đoàn thanh tra, kiểm tra tình hình tài chính, kế toán và quản lý vốn tại Tổng công ty luôn được đánh giá tốt và không có sai sót trọng yếu.

- Đối với công tác quản lý người đại diện phần vốn, giám sát hoạt động tại các công ty thành viên, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt vai trò tham mưu, đề xuất HĐQT các phương án kinh doanh, triển khai dự án, công tác nhân sự... nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh tại các công ty thành viên cũng như hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty.

- Tóm lại, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện việc quản lý, điều hành Tổng công ty một cách cẩn trọng, hợp lý, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật, điều lệ của Tổng công ty.

IV. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý:

- HĐQT và Tổng giám đốc đã thực hiện tốt công tác phối hợp với Ban kiểm soát, tạo mọi điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.

- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, họp giao ban và các cuộc họp khác, đồng thời được tham gia đóng góp ý kiến một số nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản trị công ty tại Tổng công ty và các công ty thành viên nhằm nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc, giúp cho công tác kiểm tra, giám sát kịp thời và thuận tiện hơn.

- Các cán bộ quản lý đã phối hợp cung cấp các tài liệu, hồ sơ và giải trình giúp Ban kiểm soát hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.

- Trong nhiệm kỳ I (2016 – 2020), Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại của cổ đông đối HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

D. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó Trưởng Ban kiểm soát hoạt động chuyên trách tại Tổng công ty. Trong nhiệm kỳ I (2016 – 2020), không có sự thay đổi về thành viên Ban kiểm soát. Nhiệm vụ của từng thành viên được thống nhất phân công cụ thể như sau:

STT	Thành viên	Nhiệm vụ phân công
1	Trần Ngọc Tòng - Trưởng ban	- Xem xét, kiểm tra thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty; - Xem xét tính pháp lý các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc; - Đánh giá hiệu quả đầu tư tài chính và công tác thoái vốn; - Kiểm tra xây dựng kế hoạch và quyết toán tiền lương; - Kiểm tra chi phí sản xuất kinh doanh; - Các công việc còn lại khác thuộc nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
2	Đặng Lê Bích Phượng – Thành viên	- Kiểm tra doanh thu và công nợ phải thu, phải trả; - Kiểm tra ghi sổ kế toán, sự phù hợp giữa chứng từ và hóa đơn trên sổ kế toán.
3	Phạm Thị Cẩm Hà – Thành Viên	- Kiểm tra công tác xây dựng cơ bản; tình hình thực hiện các dự án đầu tư.

- Trong năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016 – 2020), Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các thành viên Ban kiểm soát đã tham gia kiểm tra, giám sát theo đúng nhiệm vụ được phân công. Trong hoạt động kiểm tra, giám sát vẫn đảm bảo hoạt động bình thường của Tổng công ty, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý; không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Các công việc đã thực hiện cụ thể như sau:

+ Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc. Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý. Việc thực hiện kiểm tra, giám sát thực hiện thông qua các cuộc họp HĐQT, họp giao ban và các báo cáo của Ban Tổng giám đốc.

+ Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và cả năm; giám sát công tác ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán.

+ Kiểm tra công tác thẩm định giá, thực hiện các thủ tục thoái vốn các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty.

+ Kiểm tra công tác xây dựng cơ bản, triển khai các dự án tại Tổng công ty.

+ Tham gia góp ý các quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty.

+ Ban kiểm soát đã tham gia góp ý về các nội dung xin ý kiến của người đại diện phần vốn như công tác đại hội đồng cổ đông thường niên, lập kế hoạch hàng năm, phê duyệt dự án đầu tư và các nội dung khác theo quy định của Quy chế quản lý người đại diện phần vốn Tổng công ty

+ Phối hợp với các Ban chức năng của Tổng công ty trong công tác giải trình với các đoàn thanh tra, kiểm tra liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán. Đồng thời, giám sát quá trình thực hiện kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra.

+ Ngoài ra, Ban kiểm soát thực hiện giám sát tình hình hoạt động của các công ty thành viên thông qua báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác theo quy định của Tổng công ty nhằm xem xét, đánh giá hiệu quả đầu tư tài chính và mức độ an toàn về tài chính của các công ty thành viên.

+ Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sác đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC hàng năm của Tổng công ty.

+ Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát đã tổ chức 14 cuộc họp trong nhiệm kỳ 2016 – 2020 (năm 2020 tổ chức 2 cuộc họp). Nội dung thông qua các vấn đề sau:

+ Bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát ;

+ Phân công công việc giữa các thành viên Ban kiểm soát.

+ Thông qua kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm.

+ Thông qua dự thảo báo cáo kiểm tra giám sát bán niên và cả năm.

- Tiền lương và thù lao của các thành viên Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ 2016 -2020:

ĐVT: Đồng

STT	Thành viên BKS	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I	**Quỹ tiền lương Trưởng Ban BKS**	**466.912.611**	**699.060.264**	**846.082.949**	**906.041.157**	**867.300.891**
1	Trần Ngọc Tòng (chuyên trách)	466.912.611	699.060.264	846.082.949	906.041.157	867.300.891
II	**Quỹ thù lao thành viên Ban kiểm soát**	**154.000.000**	**168.000.000**	**262.548.840**	**273.861.648**	**240.935.440**
1	Đặng Lê Bích Phượng	77.000.000	84.000.000	131.274.420	136.930.824	120.467.720
2	Phạm Thị Cẩm hà	77.000.000	84.000.000	131.274.420	136.930.824	120.467.720
Tổng cộng		**620.912.611**	**867.060.264**	**1.108.631.789**	**1.179.902.805**	**1.108.236.331**

E. KIẾN NGHỊ:

- Đề nghị HĐQT tiếp tục đẩy mạnh công tác tìm kiếm và phát triển dự án mới, đồng thời hỗ trợ các công ty thành viên giải quyết những khó khăn, vướng mắc để tiếp tục triển khai dự án dở dang nhằm đảm bảo được mục tiêu tăng trưởng dài hạn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cũng như nguồn tiền nhàn rỗi của hệ thống Tổng công ty.

- Nhiệm kỳ II (2021 – 2026) cũng là giai đoạn điều chỉnh tiếp theo của đơn giá thuê đất tại KCN Biên Hoà 1, đề nghị Ban điều hành có các biện pháp xử lý đối với các doanh nghiệp không thực hiện ký hợp đồng điều chỉnh đơn giá thuê đất mới nhằm thu hồi lại khoản tiền thuê đất mà Tổng công ty đã nộp cho ngân sách nhà nước.

- Nghiên cứu, triển khai và áp dụng kỹ thuật số trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị công ty tại Tổng công ty và các công ty thành viên.

- Đối với các quy chế, quy định quản trị nội bộ đề nghị HĐQT và Ban điều hành thường xuyên xem xét, củng cố và hoàn thiện trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Tổng công ty.

F. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ II (2021 – 2026):

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Kế hoạch sản kinh doanh nhiệm kỳ II (2021 – 2026), Ban kiểm soát định hướng hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2021 – 2026) với các nội dung sau:

+ Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT và giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc. Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý.

+ Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và cả năm của Tổng công ty;

+ Kiểm tra, giám sát tính tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Tổng công ty về công tác xây dựng cơ bản, triển khai dự án và công tác thoái vốn của Tổng công ty.

+ Giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên thông qua báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác theo quy định của Tổng công ty. Phối hợp các Ban chức năng của Tổng công ty giám sát, kiểm tra người đại diện phần vốn tại các công ty thành viên về việc thực hiện các chỉ đạo, nghị quyết của HĐQT Tổng công ty và việc thực hiện nhiệm vụ của người đại diện phần vốn Tổng công ty.

+ Rà soát và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

+ Đề xuất Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty.

+ Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.

- Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 là 50 triệu đồng. Các năm tiếp theo căn cứ vào tình hình hoạt động của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua chi phí hoạt động hàng năm.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016 – 2020) tại Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Trần Ngọc Tòng

PHỤ LỤC
CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN
TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
NHIỆM KỲ I (2016 – 2020)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ					Hợp nhất				
			31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020
1	**Cơ cấu tài sản**											
	TSDH /Tổng tài sản	%	83,63%	79,19%	81,07%	71,89%	74,29%	64,50%	66,09%	66,75%	65,35%	66,13%
	TSNH/Tổng tài sản	%	16,37%	20,81%	18,93%	28,11%	25,71%	35,50%	33,91%	33,25%	34,65%	33,87%
2	**Cơ cấu nguồn vốn**											
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	21,50%	3,46%	2,60%	5,73%	1,84%	56,76%	57,56%	59,30%	57,76%	58,84%
	Vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	78,50%	96,54%	97,40%	94,27%	98,16%	43,24%	42,44%	40,70%	42,24%	41,16%
3	**Khả năng thanh toán**											
	Khả năng thanh toán nợ NH	lần	4,41	7,98	10,90	5,72	24,38	2,08	1,97	1,88	1,95	1,99
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	4,31	7,88	10,73	5,67	24,11	1,68	1,66	1,55	1,81	1,86
4	**Tỷ suất sinh lợi**		**Năm 2016**	**Năm 2017**	**Năm 2018**	**Năm 2019**	**Năm 2020**	**Năm 2016**	**Năm 2017**	**Năm 2018**	**Năm 2019**	**Năm 2020**
	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản BQ	%	2,02%	5,52%	6,98%	8,73%	9,71%	4,32%	3,89%	4,98%	6,64%	6,55%
	Tỷ suất LNST/Vốn CSH BQ	%	3,49%	6,89%	7,75%	9,68%	11,01%	11,70%	9,58%	12,69%	17,19%	17,67%

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 32 /TTr-SNZ-KS

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp;

Căn cứ danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021 (Kèm theo Quyết định số 1773/QĐ-BTC ngày 12/11/2020 của Bộ Tài chính),

Để thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán theo danh sách dưới đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty Sonadezi:

STT	Tên công ty kiểm toán	Địa chỉ trụ sở
1	Công ty TNHH Kiểm toán & tư vấn RSM Việt Nam	Số 140, Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM
2	Công ty TNHH Kiểm toán VACO	Tầng 12A, Tòa nhà Tổng công ty 319, số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
3	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C	Số 2, Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Trần Ngọc Tòng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 33 /TTr-SNZ-QTTH

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi);

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-SNZ-QTTH ngày 07/4/2021 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;

Căn cứ chương trình, tài liệu họp và các nội dung đã báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo số 28/BC-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021 về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2020), kế hoạch SXKD năm 2021 và định hướng kế hoạch nhiệm kỳ II (2021-2026) với các nội dung chủ yếu như sau:

1.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2020:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/ KH
	Vốn điều lệ	3.765.000	3.765.000	100,00%
	Công ty mẹ			
1	Tổng doanh thu	604.369	582.404	96,37%
2	Lợi nhuận trước thuế	456.841	441.283	96,59%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	416.696	418.944	100,54%
4	Phải nộp ngân sách nhà nước	76.549	59.395	77,59%
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	10,94%	11,01%	100,64%
	Hợp nhất			
1	Tổng doanh thu	4.583.944	5.338.571	116,46%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.143.565	1.516.188	131,58%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	914.852	1.269.788	138,80%
4	Phải nộp ngân sách nhà nước	461.330	662.763	143,66%
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	13,16%	17,67%	134,27%

1.2. Kết quả hoạt động SXKD 5 năm 2016 – 2020:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	KH	TH	%TH/KH	KH	TH	%TH/KH
Năm 2016						
Doanh thu	332	349	105,12%		3.822	
Lợi nhuận sau thuế	78	106	135,90%		604	
Tỷ suất LNST/VCSH	2,07%	3,49%	168,60%		11,70%	
Nộp NSNN	37	116	313,51%		539	
Năm 2017						
Doanh thu	381	403	105,77%	3.503	4.051	115,64%
Lợi nhuận sau thuế	114	260	228,07%	486	587	120,78%
Tỷ suất LNST/VCSH	3,06%	6,89%	225,16%	8,28%	9,58%	115,70%
Nộp NSNN	50	352	704,00%	287	756	263,41%
Năm 2018						
Doanh thu	465	385	82,80%	3.935	4.560	115,88%
Lợi nhuận sau thuế	270	293	108,52%	661	817	123,60%
Tỷ suất LNST/VCSH	7,16%	7,75%	108,24%	10,96%	12,69%	115,78%
Nộp NSNN	32	25	78,13%	321	530	165,11%
Năm 2019						
Doanh thu	480	528	110,00%	4.434	5.230	117,95%
Lợi nhuận sau thuế	302	367	121,52%	830	1.172	141,20%
Tỷ suất LNST/VCSH	7,96%	9,68%	121,61%	12,20%	17,19%	140,90%
Nộp NSNN	49	69	140,82%	421	774	183,85%
Năm 2020						
Doanh thu	604	582	96,37%	4.584	5.339	116,46%
Lợi nhuận sau thuế	417	419	100,54%	915	1.270	138,80%
Tỷ suất LNST/VCSH	10,94%	11,01%	100,64%	13,16%	17,67%	134,27%
Nộp NSNN	77	59	77,59%	461	663	143,66%

1.3. Kế hoạch SXKD năm 2021:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Vốn điều lệ	3.765.000	3.765.000
2	Tổng doanh thu	629.454	4.770.000
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	484.266	1.264.860
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	442.272	1.011.888
5	Phải nộp ngân sách nhà nước	75.597	556.734
6	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	11,56%	13,73%

1.4. Định hướng kế hoạch giai đoạn 2021-2025:

a. Trong công tác tìm kiếm, phát triển dự án mới:

Gia tăng việc liên kết trong nội bộ để tối ưu hóa lợi thế của từng đơn vị trong hệ thống, tăng khả năng cạnh tranh và giảm thiểu rủi ro trong việc tìm kiếm, phát triển dự án mới. Đề xuất phát triển các dự án:

- 01 khu công nghiệp trong tỉnh;

- 01 khu công nghiệp tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ;

- Ít nhất là 02 khu dân cư quy mô ≥ 10 ha;

- Phát huy lợi thế của Tổng công ty trong dự án chuyển đổi công năng Khu công nghiệp Biên Hòa 1.

b. Về tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận và chia cổ tức giai đoạn 2021-2025:

- Phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận hàng năm từ 5% đến 7%.

- Đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức 10%, phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ chia cổ tức 12%.

2. Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổng công ty Sonadezi đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

3. Thông qua Báo cáo số 29/BC-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021 về hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I (2016-2020) và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2021- 2026).

4. Thông qua Báo cáo số 30/BC-SNZ-KS ngày 26/4/2021 về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2020 và tổng kết nhiệm kỳ 2016-2020.

5. Thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

Căn cứ Kế hoạch tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 133/NQ-SNZ-QTTH ngày 28/4/2020;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Biên bản Thẩm định quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 của Tổng công ty Sonadezi lập ngày 16/3/2021;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua quyết toán chi trả tiền lương và thù lao năm 2020 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát như sau:

STT	Nội dung	Kế hoạch (đồng/tháng)	Thực hiện (đồng/tháng)
1	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT	67.500.000	117.555.844
2	Tiền lương của Trưởng Ban KS	41.500.000	72.275.074
3	Thù lao của 01 thành viên HĐQT	12.000.000	17.209.675

STT	Nội dung	Kế hoạch (đồng/tháng)	Thực hiện (đồng/tháng)
4	Thù lao của 01 thành viên BKS	7.000.000	10.038.977

Tổng quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách là: 1.480 triệu đồng.

6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

Căn cứ Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 133/NQ-SNZ-QTTH ngày 28/4/2020;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ	3.765.000.000.000
2	Giá trị mệnh giá 376.491.800 CP đang lưu hành	3.764.918.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2020	418.944.170.834
	Trong đó chênh lệch giá trị quyền sử dụng 471,5 m2 đất ở tại dự án Khu dân cư An Bình (sau thuế TNDN)	107.467.200
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2020 để phân phối	418.836.703.634
5	Trích quỹ:	29.922.689.718
	- Quỹ đầu tư phát triển (5%)	20.941.835.182
	- Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	4.188.367.036
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động (3 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động)	3.875.000.000
	- Quỹ thưởng của người quản lý (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý)	917.487.500
6	Chia cổ tức (10% mệnh giá cổ phần đang lưu hành)	376.491.800.000
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2020 còn lại	12.529.681.116
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*107.467.200*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*12.422.213.916*
8	Lợi nhuận năm trước để lại	39.674.373.703
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.636.854.212*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*4.037.519.491*
9	Lợi nhuận chuyển năm sau	52.204.054.819
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.744.321.412*

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*16.459.733.407*

7. Thông qua kế hoạch tiền lương và thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

- Mức tạm ứng hàng tháng kể từ ngày 01/05/2021:

+ Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị: 67.500.000 đồng/tháng

+ Tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát: 38.500.000 đồng/tháng

+ Thù lao của 01 thành viên HĐQT: 12.000.000 đồng/tháng

+ Thù lao của 01 thành viên BKS: 7.000.000 đồng/tháng

- Tổng quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách là: 1.612,8 triệu đồng.

- Tiền lương và thù lao thực hiện năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sẽ quyết toán theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và sẽ được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

8. Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ	3.765.000.000.000
2	Giá trị mệnh giá 376.491.800 CP đang lưu hành	3.764.918.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2021	442.272.459.390
4	Trích quỹ:	31.792.962.563
	- Quỹ đầu tư phát triển (5%)	22.113.622.970
	- Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	4.422.724.594
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động (3 tháng lương bình quân kế hoạch của người lao động)	4.248.615.000
	- Quỹ thưởng của người quản lý (1,5 tháng lương bình quân kế hoạch của người quản lý)	1.008.000.000
5	Chia cổ tức (10% mệnh giá cổ phần đang lưu hành)	376.491.800.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2021 còn lại	33.987.696.827
7	Lợi nhuận năm trước để lại	52.204.054.819
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.744.321.412*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*16.459.733.407*
8	Lợi nhuận chuyển năm sau	86.191.751.646
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.744.321.412*

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*50.447.430.234*

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và Quỹ thưởng của người quản lý được trích theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, QTTH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3600336363 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Đỗ Thị Thu Hằng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 34 /TTr-SNZ-QTTH

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-SNZ-QTTH ngày 07/4/2021 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;

Dự thảo Điều lệ Tổng công ty được sửa đổi, bổ sung và cập nhật theo nguyên tắc sau:

- Tuân thủ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

- Về bố cục, nội dung cơ bản của Điều lệ thực hiện theo Điều lệ mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC; loại bỏ các nội dung trùng lặp, các nội dung không phù hợp với Tổng công ty;

- Bổ sung các nội dung mà theo Luật Doanh nghiệp phải có trong điều lệ và các nội dung theo Luật Doanh nghiệp phải quy định chi tiết, cụ thể để phù hợp với Tổng công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua toàn văn dự thảo sửa đổi Điều lệ Tổng công ty đính kèm theo Tờ trình này.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉnh sửa Điều lệ Tổng công ty theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, QTTH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3600[illegible]5363
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Đỗ Thị Thu Hằng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

SONADEZI

ĐIỀU LỆ

Tháng 04/2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 4

Điều 1. Giải thích thuật ngữ 4

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY 4

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty 4

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty 5

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY 6

Điều 4. Ngành, nghề và mục tiêu hoạt động 6

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 6

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN 6

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần 6

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 7

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 7

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 7

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ 8

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý 8

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 8

Điều 11. Quyền của cổ đông 8

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 10

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 10

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 12

Điều 15. Đại diện theo ủy quyền 13

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 14

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 16

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 16

Điều 19. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 18

Điều 20. Điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 18

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 19

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 21

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 22
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 22
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 22
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 23
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 24
Điều 27. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 25
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị 26
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 26
Điều 30. Người phụ trách quản trị Tổng công ty 28
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 29
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý 29
Điều 32. Người điều hành Tổng công ty 29
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 29
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT 30
Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát 30
Điều 35. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát 31
Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát 31
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát 32
Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm soát 33
Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát 33
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 34
Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng 34
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 34
Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan 34
Điều 43. Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan 35
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 36
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ 37
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 37
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 37
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn 37
CHƯƠNG XIII. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN 38
Điều 47. Quan hệ với đơn vị hạch toán phụ thuộc 38

Điều 48. Nhóm Công ty 38
Điều 49. Quan hệ với công ty thành viên 38
Điều 50. Phối hợp chung giữa công ty mẹ và các công ty thành viên 39
CHƯƠNG XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 40
Điều 51. Phân phối lợi nhuận 40
CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 41
Điều 52. Tài khoản ngân hàng 41
Điều 53. Năm tài chính 41
Điều 54. Chế độ kế toán 41
CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 41
Điều 55. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 41
Điều 56. Báo cáo thường niên 41
CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN 42
Điều 57. Kiểm toán 42
CHƯƠNG XVIII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY 42
Điều 58. Dấu của Tổng công ty 42
CHƯƠNG XIX. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY 42
Điều 59. Giải thể Tổng công ty 42
Điều 60. Thanh lý 43
CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 44
Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ 44
CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 44
Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 44
CHƯƠNG XXII. HIỆU LỰC 45
Điều 63. Hiệu lực 45
PHỤ LỤC SỐ 01/PLĐL 46

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

d. "Người quản lý" bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành.

đ. "Người điều hành" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

e. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

h. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

i. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;

k. "Cổ đông phổ thông" là cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông;

l. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty

- Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

- Tên tiếng Anh: SONADEZI CORPORATION
- Tên giao dịch: SONADEZI
- Tên viết tắt: TỔNG CÔNG TY SONADEZI
- Logo của Tổng công ty:

Phiên bản dọc

Phiên bản ngang

2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:

- Địa chỉ: Số 1, đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (0251) 8860561
- Fax: (0251) 8860573
- Email: contact@sonadezi.com.vn
- Website: http://www.sonadezi.com.vn

4. Chi nhánh:

- Tên: Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu Đức, xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Trừ trường hợp giải thể theo Điều 59 Điều lệ này, Tổng công ty hoạt động vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

1. Tổng công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

a. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án.

b. Người đại diện theo pháp luật thực hiện trách nhiệm theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Ngành, nghề và mục tiêu hoạt động

1. Ngành, nghề kinh doanh: theo Phụ lục số 01/PLĐL đính kèm Điều lệ.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty: Là một doanh nghiệp phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị và cầu đường, Sonadezi cung cấp cho khách hàng những cơ hội đầu tư và những dịch vụ tốt nhất, qua đó tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, góp phần công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Tổng công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh các ngành nghề nêu tại Điều lệ này, đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 3.765.000.000.000 đồng (Ba nghìn bảy trăm sáu mươi lăm tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 376.500.000 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Tất cả cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần hoặc thời hạn khác quy định tại phương án phát hành, cổ đông được cấp chứng nhận cổ phiếu. Cổ đông không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu của Tổng công ty đã được đăng ký giao dịch trên UPCOM, việc chuyển nhượng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Tổng công ty. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Tổng công ty sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

5. Đối với cổ phần người lao động mua thêm theo thời gian cam kết làm việc cho Tổng công ty:

a. Trong thời gian cam kết làm việc cho Tổng công ty thì số cổ phần này sẽ bị hạn chế quyền chuyển nhượng;

b. Trường hợp Tổng công ty thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm này sẽ được tự do chuyển nhượng. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho Tổng công ty số cổ phần này thì Tổng công ty có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường;

c. Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho Tổng công ty toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm này với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa;

d. Hết thời gian cam kết làm việc cho Tổng công ty thì số cổ phần này được tự do chuyển nhượng.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban Kiểm soát;

4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Điều lệ này và pháp luật quy định; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 9 Điều lệ này.

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;

h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và theo khoản 3, khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo khoản 4 Điều 16 Điều lệ này;

đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 34 Điều lệ này. Các cổ đông phổ thông

hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp thành nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty;

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần; Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

3. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế của Tổng công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

4. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng

quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán đã kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc

triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và từng Thành viên Ban Kiểm soát;

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

2. Ngoài nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;

e. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

g. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;

h. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm

tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

m. Việc ký kết hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5 Điều 43 Điều lệ này;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Đại diện theo ủy quyền

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

a. Cổ đông là tổ chức phải ủy quyền cho người đại diện là cá nhân theo quy định như sau:

- Cổ đông sở hữu đến dưới 10% tổng số cổ phần chỉ được ủy quyền 01 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 06 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 60% trở lên tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 07 người đại diện.

b. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

c. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Tổng công ty và chỉ có hiệu lực đối với Tổng công ty kể từ ngày Tổng công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

d. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được cử người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp đó làm người đại diện theo ủy quyền tại Tổng công ty.

2. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

c. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp bất thường theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Tổng công ty.

2. Trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết của Tổng công ty.

3. Trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi làm thủ tục đăng ký dự họp, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông được cấp một thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên của người đại diện của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, cổ đông giơ thẻ biểu quyết và đánh dấu vào ô tương ứng trong phiếu biểu quyết. Sau khi thu và kiểm phiếu biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được chủ tọa công bố trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để tổ chức, điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, bao gồm:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

đ. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Việc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Điều 19. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

b. Định hướng phát triển Tổng công ty;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

d. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

Điều 20. Điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau được thông qua nếu được ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

đ. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

3. Trừ các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác sẽ được thông qua khi được trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông để gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ này ngoại trừ yêu cầu về thời gian.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Tổng công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong

trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Tổng công ty;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu và công bố thông tin theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết về các nội dung sau được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

đ. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

9. Ngoại trừ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều này, nghị quyết về các nội dung khác được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo Điều này có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Tổng công ty;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký; Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này; Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp và công bố thông tin theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

e. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 60% đến dưới 65% được đề cử tối đa 06 ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa 07 ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo khoản 1 Điều 25 Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;

c. Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;

d. Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo khoản 4 Điều 24 Điều lệ này hoặc có đơn từ chức và được chấp thuận.

b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này.

d. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3).

đ. Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, ngoại trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14 và khoản 5 Điều 43 Điều lệ này;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc, Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ và người điều hành khác; cử người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác, quyết định tiền thưởng và quyền lợi khác của những người này;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty ngoại trừ cơ cấu tổ chức quản lý quy định tại Điều 10 Điều lệ này; quyết định các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty ngoại trừ các quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

r . Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Điều 27. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao trong quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách được trả lương. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng của người quản lý do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức thưởng cho Chủ tịch và từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định.

5. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị và thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Tổng công ty. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán đang kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng giám đốc và người điều hành khác. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh người điều hành phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành Tổng công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Tổng công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và tiền thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm và và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Không được là người có quan hệ gia đình của:

- Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty;

- Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty;

c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng công ty.

5. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các Trưởng, Phó ban, Chánh văn phòng Tổng công ty, Giám đốc và Phó Giám đốc chi nhánh, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc xác định ứng cử viên Ban Kiểm soát và công bố thông tin thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ này.

2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa 03 ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát.

4. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c. Không được là người có quan hệ gia đình của:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty;

- Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty;

d. Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

đ. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

e. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 35. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát là 03 người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Điều lệ này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác trong việc quản lý và điều hành công ty; giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và bán niên của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên; Rà soát và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty;

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

6. Thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, phải báo cáo Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra; Việc kiểm tra quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

8. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc người điều hành khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty;

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;

11. Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

13. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

14. Xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

15. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

16. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc;

17. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

18. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách được hưởng thù lao trong quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách được trả tiền lương theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các thành viên Ban Kiểm soát được nhận tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng của người quản lý do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Mức thưởng cho Trưởng Ban và từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập trong hạn mức ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của những người này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa họ và những người có liên quan của họ với Tổng công ty, công ty con theo quy định của pháp luật. Tổng công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán về các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận các giao dịch này.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của những người này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

Điều 43. Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

1. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho tất cả các cổ đông và người có liên quan của cổ đông.

2. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho tất cả những người quản lý của Tổng công ty và những người có liên quan của họ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Tổng công ty được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các công ty con của Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này.

4. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với các trường hợp sau đây:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Điều lệ này.

5. Các hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a. Các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

b. Các hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong các trường hợp này, cổ đông không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng, giao dịch mà cổ đông đó có lợi ích liên quan.

6. Các hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận:

a. Các hợp đồng, giao dịch tại điểm a khoản 5 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;

b. Các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 5 Điều này có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội đồng quản trị không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng, giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty trên cơ sở tuân

thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ tương ứng với quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 11 và điểm b khoản 2 Điều 11 Điều lệ này.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị thông qua chủ trương về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Tổng công ty.

2. Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị thông qua chủ trương về quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Điều 47. Quan hệ với đơn vị hạch toán phụ thuộc

1. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty thực hiện hoạt động sản xuất - kinh doanh, hạch toán kế toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của Tổng công ty và được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị này.

2. Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

3. Tổng công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết hợp pháp của các đơn vị hạch toán phụ thuộc theo đúng quy định của pháp luật.

4. Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác đối với những đơn vị hạch toán phụ thuộc theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Nhóm Công ty

1. Tổng công ty Sonadezi là nhóm công ty có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, bao gồm công ty mẹ Tổng công ty, các công ty con và các công ty liên kết – gọi chung là các công ty thành viên.

2. Công ty mẹ và mỗi công ty thành viên trong Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp độc lập theo quy định của pháp luật, chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng liên kết, thỏa thuận giữa các doanh nghiệp.

Điều 49. Quan hệ với công ty thành viên

1. Tổng công ty giao quyền cho người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty trực tiếp thay mặt Tổng công ty quản lý các khoản đầu tư của Tổng công ty tại các công ty thành viên trong phạm vi điều lệ của các công ty này.

2. Tổng công ty quyết định mức đầu tư vào công ty thành viên thành lập mới, điều chỉnh tăng hoặc giảm vốn đầu tư đối với các công ty thành viên đang hoạt động bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật và chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ.

3. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty tại các công ty thành viên được xác định theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành và tại từng quyết định cử người đại diện theo ủy quyền cụ thể.

4. Tổng công ty sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với các công ty thành viên mà thực hiện quyền của cổ đông, bên góp vốn thông qua người đại diện theo ủy quyền là thành viên Hội đồng thành viên/ Hội đồng quản trị hoặc tại Đại hội đồng cổ đông của các công ty đó. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại các công ty thành viên.

5. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa công ty mẹ và công ty thành viên đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập.

Điều 50. Phối hợp chung giữa công ty mẹ và các công ty thành viên

Công ty mẹ và các công ty thành viên phối hợp chung theo các cách sau đây:

1. Xây dựng quy chế hoạt động chung trên cơ sở thỏa thuận giữa công ty mẹ và các công ty thành viên.

2. Công ty mẹ sử dụng quyền, nghĩa vụ của thành viên hoặc cổ đông góp vốn tại các công ty thành viên để tổ chức thực hiện các hoạt động phối hợp chung:

a. Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh chung;

b. Định hướng chiến lược kinh doanh, định hướng phân công lĩnh vực hoạt động và ngành, nghề sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên;

c. Tổ chức công tác tài chính, kế toán, thống kê bao gồm việc lập các Báo cáo tài chính của các công ty thành viên và Báo cáo tài chính hợp nhất;

d. Hình thành, quản lý và sử dụng các quỹ tập trung của cả Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật;

đ. Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản (nếu có);

e. Công tác lao động, tiền lương, y tế, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;

g. Công tác an toàn lao động, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường;

h. Công tác ứng dụng khoa học, công nghệ;

i. Đặt tên các doanh nghiệp thành viên; sử dụng tên, thương hiệu của Sonadezi;

k. Công tác hành chính, công tác đối ngoại của cả Tổng công ty;

l. Công tác thi đua khen thưởng, văn hóa, thể thao và các công tác xã hội – cộng đồng;

m. Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế quản lý, điều hành và tiêu chuẩn, định mức áp dụng thống nhất trong cả Tổng công ty;

n. Các hoạt động khác.

3. Việc phối hợp giữa công ty mẹ với các công ty thành viên phải phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và Điều lệ của các công ty thành viên, thỏa thuận giữa công ty mẹ với các công ty thành viên, vị trí của công ty mẹ trong từng hoạt động phối hợp với các công ty thành viên.

CHƯƠNG XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 51. Phân phối lợi nhuận

1. Tổng công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi đã bù đắp các khoản lỗ của các năm trước (nếu có), bao gồm: quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động, quỹ thưởng của người quản lý, quỹ công tác xã hội cộng đồng và quỹ khác nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

3. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức trong phạm vi kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.

6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

8. Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh:

Trong trường hợp quyết toán năm tài chính bị lỗ, Hội đồng quản trị phải đề xuất Đại hội đồng cổ đông xử lý theo hai phương án sau:

a. Chuyển lỗ sang năm sau theo các quy định hiện hành, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

b. Trường hợp Tổng công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật Phá sản.

9. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 52. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Điều 53. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau đó.

Điều 54. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 55. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 57 Điều lệ này. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 56. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN

Điều 57. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các tổ chức này thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

CHƯƠNG XVIII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 58. Dấu của Tổng công ty

1. Dấu của Tổng công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 59. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Giải thể theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

3. Trình tự, thủ tục giải thể Tổng công ty

Việc giải thể Tổng công ty theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, quyết định giải thể Tổng công ty. Trường hợp giải thể do bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc

theo quyết định của Tòa án thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Tổng công ty phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, để quyết định giải thể.

b. Nghị quyết, quyết định giải thể Tổng công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;

- Lý do giải thể;

- Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Tổng công ty;

- Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

c. Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý tài sản Tổng công ty.

d. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Tổng công ty. Nghị quyết, quyết định giải thể phải được đăng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.

Trường hợp Tổng công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

đ. Người đại diện theo pháp luật gửi hồ sơ giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Tổng công ty.

Điều 60. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác;

đ. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm d trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp hoặc các quy định pháp luật khác giữa:

a. Cổ đông với Tổng công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác,

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với nội dung trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

CHƯƠNG XXII. HIỆU LỰC

Điều 63. Hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 22 chương 63 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp thông qua tại Nghị quyết số .../NQ-SNZ-QTTH ngày ...../04/2021 thay thế cho Điều lệ ngày 11/11/2019.

2. Điều lệ này được lập thành 07 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Tổng công ty, 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Đình Thám

PHỤ LỤC SỐ 01/PLĐL

Đính kèm Điều lệ Tổng công ty Sonadezi
sửa đổi, bổ sung lần thứ năm ngày .../.../2021

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Tái chế phế liệu.	3830
2	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.	4730
3	Chuẩn bị mặt bằng.	4312
4	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Đánh giá và xử lý các tác động của môi trường đối với công trình dân dụng.	7490
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.	4299
6	Lắp đặt hệ thống điện.	4321
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810
8	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản, sàn giao dịch bất động sản.	6820
9	Hoạt động thể thao khác.	9319
10	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề.	9321
11	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.	4661
12	Xây dựng công trình đường sắt.	4211
13	Xây dựng công trình đường bộ.	4212
14	Xây dựng nhà để ở.	4101
15	Xây dựng nhà không để ở.	4102
16	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí.	4322
17	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.	4329
18	Quảng cáo.	7310
19	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.	7320
20	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.	8230

STT	Tên ngành	Mã ngành
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.	8299
22	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.	5510
23	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp.	8110
24	Vệ sinh chung nhà cửa.	8121
25	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt.	8129
26	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.	8130
27	Hoạt động tư vấn quản lý : Tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, tư vấn kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng, kiểm định đánh giá chất lượng công trình.	7020
28	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Chi tiết: - Thiết kế, thẩm tra và thẩm định thiết kế quy định đô thị hạng II, tổng mặt bằng xây dựng công trình kiến trúc, công trình dân dụng, công nghiệp, nội ngoại thất công trình, kết cấu công trình công cộng, nhà ở, công trình điện có cấp điện dưới 35 KV, đo, vẽ các loại bản đồ. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công trình công nghiệp. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông đường bộ.	7110
29	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.	7120
30	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn, lắp đặt máy móc, thiết bị ngành xây dựng.	4659
31	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa.	4610
32	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	5210
33	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt.	5221
34	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.	5225
35	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.	5222
36	Bốc xếp hàng hóa.	5224
37	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.	5229
38	Thoát nước và xử lý nước thải.	3700
39	Thu gom rác thải không độc hại.	3811
40	Thu gom rác thải độc hại.	3812
41	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại.	3821

STT	Tên ngành	Mã ngành
42	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại.	3822
43	Hoạt động của các cơ sở thể thao.	9311
44	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.	9312
45	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu.	9329
46	Xây dựng công trình công ích khác.	4229
47	Phá dỡ.	4311
48	Hoàn thiện công trình xây dựng.	4330
49	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.	4390
50	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: Kinh doanh siêu thị.	4719
51	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
52	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.	3600
53	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao.	2395
54	Sản xuất các cấu kiện kim loại.	2511
55	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác.	3900
56	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.	0810

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Đình Thám

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 35/TTr-SNZ-KS

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp,

Thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành, Ban kiểm soát đã dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để quy định chi tiết một số nội dung về tổ chức bộ máy và hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát, quy chế gồm 6 chương và 22 điều *(đính kèm Dự thảo quy chế)*.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Trần Ngọc Tòng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ
Hoạt động của Ban kiểm soát

(Ban hành kèm theo Quyết định số..... /QĐ-SNZ-KS ngày ..... / ... /2021 của Ban kiểm soát Tổng công ty Sonadezi)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ pháp lý

- Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

- Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Điều lệ của Tổng công ty Sonadezi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày ...../...../2021;

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...../NQ-SNZ-QTTH ngày ...../...../2021.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định chi tiết một số nội dung về tổ chức bộ máy và hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các nội dung cần quyết định của Ban kiểm soát phải được đa số các thành viên Ban kiểm soát nhất trí thông qua. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

2. Đảm bảo hoạt động bình thường của Tổng công ty, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý; không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty trong hoạt động kiểm tra, giám sát của mình.

CHƯƠNG II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng theo quy định tại khoản 4, điều 34 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Tiêu chuẩn, điều kiện và việc bầu Trưởng ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 36 của Điều lệ Tổng công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát:

Ngoài quyền và nghĩa vụ đã được quy định tại khoản 2, điều 36 và các điều khoản khác của Điều lệ Tổng công ty, Trưởng ban kiểm soát còn có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tổ chức xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và ký ban hành Quy chế sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản, quyết định nhân danh Ban kiểm soát;

c) Lập kế hoạch và triển khai thực hiện giám sát, kiểm tra theo định kỳ hàng Quý, hàng năm;

d) Lập ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định;

e) Chủ trì triển khai các kỳ kiểm tra, giám sát và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban kiểm soát. Chịu trách nhiệm đôn đốc các thành viên Ban kiểm soát triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

f) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát. Chuẩn bị chương trình, nội dung các cuộc họp của Ban kiểm soát;

g) Triển khai các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy chế quản lý nội bộ công ty đến các thành viên Ban kiểm soát;

i) Đề nghị Hội đồng quản trị công ty họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

k) Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty;

l) Trao đổi ý kiến với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về các nội dung trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi chính thức báo cáo Đại hội đồng cổ đông;

m) Thay mặt Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp giao ban, các phiên họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 điều 34 Điều lệ Tổng công ty.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên theo khoản 3 điều 34 Điều lệ Tổng công ty thì phải được đa số thành viên Ban kiểm soát nhất trí thông qua và công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 3, điều 148 của Luật doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 điều 35 Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG III
BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

Ngoài quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định tại điều 37 và các điều khoản khác của Điều lệ Tổng công ty, Ban kiểm soát còn có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

1. Kiểm tra, xem xét các khiếu nại, tố cáo liên quan đến các chức danh thuộc Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác.

2. Ban kiểm soát được quyền kiểm tra việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên; được quyền yêu cầu người đại diện phần vốn Tổng công ty cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động tại các công ty thành viên. Việc kiểm tra, yêu cầu cung cấp tài liệu, thông tin nêu tại khoản này thực hiện theo trình tự phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

3. Ban Kiểm soát có quyền cử người tham gia giám sát các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ do Tổng công ty tổ chức thực hiện tại Tổng công ty, các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty và người đại diện phần vốn của Tổng công ty.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện;

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản

1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Cuộc họp của Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại điều 38 Điều lệ của Tổng công ty.

CHƯƠNG IV
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 15. Trình báo cáo hàng năm

Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo thẩm định về tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty và công ty con của Tổng công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty.

Điều 16. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 17. Công khai các lợi ích liên quan

Việc thực hiện công khai các lợi ích có liên quan của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 42 Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG V
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 19. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban Tổng giám đốc Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc.

Điều 20. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

CHƯƠNG VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Bổ sung, sửa đổi

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành. Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

2. Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 36 /TTr-SNZ-QTTH

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Nội bộ về quản trị Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ mẫu Quy chế nội bộ về quản trị được ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-SNZ-QTTH ngày 07/4/2021 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021,

Dự thảo Quy chế Nội bộ về quản trị Tổng công ty được sửa đổi, bổ sung và cập nhật theo nguyên tắc sau:

- Tuân thủ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

- Về bố cục, nội dung cơ bản của Quy chế thực hiện theo mẫu Quy chế nội bộ về quản trị được ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC; loại bỏ các nội dung trùng lặp đã quy định chi tiết trong dự thảo Điều lệ và trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

- Giữ lại các nội dung cần thiết đã được nêu trong Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty hiện hành phù hợp với tình hình thực tế tại Tổng công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty đính kèm theo Tờ trình này.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, QTTH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3600335306 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Đỗ Thị Thu Hằng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Nội bộ về quản trị Tổng công ty

(Ban hành kèm theo Quyết định số..... /QĐ-SNZ-QTTH ngày 28/04/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sonadezi)

Điều 1. Căn cứ pháp lý

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

- Luật Doanh nghiệp số 59/2019/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Điều lệ của Tổng công ty Sonadezi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2021;

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...../NQ-SNZ-QTTH ngày 28/4/2021.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty quy định chi tiết một số nội dung về trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và về công tác quản trị chưa được quy định trong Điều lệ Tổng công ty.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cá nhân, đơn vị có liên quan.

3. Giải thích từ ngữ:

a. "Họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến" là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức dưới hình thức tham gia thông qua mạng internet để thực hiện các quyền biểu quyết/bầu cử của mình.

b. "Bỏ phiếu điện tử" là việc cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông kết nối internet và thực hiện biểu quyết hoặc bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Tổng công ty quy định và thông báo.

c. "Hệ thống bỏ phiếu điện tử" là hệ thống cung cấp cho cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

d. "Yếu tố định danh" là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.

đ. "Sự kiện bất khả kháng" là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép.

e. "Bầu dồn đều" là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông dồn số phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên tương ứng. Sau khi chia đều, số phiếu bầu tương ứng cho từng ứng viên được làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị. Phiếu bầu lẻ còn lại (nếu có) sẽ bị bỏ.

g. "Bầu ghi số" là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu của các ứng cử viên được bầu bằng tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông.

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông

1. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo Điều 13 Điều lệ Tổng công ty.

b. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty.

c. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty.

d. Việc cổ đông kiến nghị nội dung đưa vào chương trình họp theo khoản 4, 5, 6 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại điểm này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo khoản 2 Điều 15 Điều lệ Tổng công ty.

e. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ trực tiếp hoặc gửi Giấy đăng ký/ ủy quyền tham dự họp (theo mẫu đính kèm Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông) về Tổng công ty.

Cổ đông đăng ký hình thức tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết hoặc bầu cử tại cuộc họp theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ Tổng Công ty;

- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

g. Điều kiện tiến hành họp theo Điều 17 Điều lệ Tổng công ty.

h. Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu thực hiện theo khoản 2 và khoản 3 Điều 18 Điều lệ Tổng công ty. Ngoài ra, cổ đông hoặc người

đại diện của cổ đông phải ký tên vào phiếu biểu quyết trước khi chuyển phiếu biểu quyết cho Ban Kiểm phiếu.

i. Điều kiện để nghị quyết được thông qua theo khoản 1, khoản 3 Điều 20 Điều lệ Tổng công ty.

k. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại điểm này.

Tổng công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

l. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được lập và công bố thông tin theo Điều 22 Điều lệ Tổng công ty.

2. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến bao gồm các nội dung sau:

a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

- Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 13 Điều lệ Tổng công ty.

- Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty.

- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty. Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp trực tuyến.

b. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

- Điều kiện tham gia:

+ Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ được lập theo thông báo thực hiện quyền của Tổng công ty.

+ Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.

- Yêu cầu kỹ thuật: Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet…).

- Cách thức ghi nhận cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đó truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo điểm c Khoản 3 Điều này và đã thực hiệu biểu quyết trên hệ thống trực tuyến để xác nhận tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

c. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

- Khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức cuộc họp có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp, email hoặc điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Tổng công ty.

- Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

d. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

- Cổ đông thực hiện việc ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ Tổng công ty.

- Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

+ Các cổ đông phải cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện việc ủy quyền trực tuyến, đặc biệt là cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

+ Việc ủy quyền trực tuyến chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

* Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành việc ủy quyền trực tuyến.

* Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.

* Tổng công ty nhận được bản chính Giấy ủy quyền trước khi khai mạc cuộc họp.

+ Hủy bỏ việc ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Tổng công ty trước khi khai mạc cuộc họp. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Tổng công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

+ Hủy bỏ việc ủy quyền sẽ bị vô hiệu nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

đ. Điều kiện tiến hành cuộc họp theo quy định theo Điều 17 Điều lệ Tổng công ty.

e. Hình thức thông qua Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Hội đồng quản trị lựa chọn một trong hai phương án sau và được qui định tại Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội cổ đông trực tuyến:

- Thực hiện bằng cách bỏ phiếu điện tử theo điểm h khoản 3 Điều này.

- Hoặc hình thức khác do Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội cổ đông trực tuyến qui định.

g. Thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

- Nguyên tắc:

+ Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi nội dung, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;

+ Chỉ có cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông mới được tham gia thảo luận;

+ Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông muốn thảo luận phải đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của cuộc họp;

+ Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển đến cho Chủ tọa.

- Giải đáp ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông:

+ Trên cơ sở ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông;

+ Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại cuộc họp sẽ được Tổng công ty trả lời sau.

h. Cách thức bỏ phiếu điện tử:

- Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

+ Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết **tán thành, không tán thành** hoặc **không ý kiến** đối với từng nội dung được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp đã được cài đặt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

+ Sau đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Cách thức bỏ phiếu bầu cử: Căn cứ điều lệ Tổng công ty việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu ("Bầu dồn đều" hoặc "Bầu ghi số"). Theo đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện việc bầu cử bằng cách chọn vào ô "Bầu dồn đều" hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt trên hệ thống bỏ phiếu điện

tử. Sau đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

+ Trường hợp cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không thực hiện hết các nội dung biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình họp thì các nội dung chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử nội dung đó.

+ Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình họp đã gửi, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì xem như cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử nội dung phát sinh đó.

+ Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh ngoài chương trình họp. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của cuộc họp.

+ Trong trường hợp, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu bầu mà cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có quyền bầu.

+ Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc của cuộc họp. Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổng công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông

i. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến: Khi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

k. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại điểm i khoản 3 Điều này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng nội dung theo nội dung chương trình họp. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Kết quả và số liệu sẽ được xuất ra các File mềm và bản cứng và sẽ được lưu trữ tại Tổng công ty.

l. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

- Thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Tổng công ty.

- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản họp Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa có mặt. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

- Hình thức thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

m. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo Điều 22 Điều lệ Tổng công ty.

n. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng:

- Trong thời gian Đại hội đồng cổ đông họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng tại địa điểm Chủ tọa điều hành cuộc họp (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật, các yêu cầu hay chỉ thị của cơ quan có thẩm quyền…

- Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để cuộc họp có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng cuộc họp, tất cả các nội dung đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các nội dung này sẽ được biểu quyết lại trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập gần nhất.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến bao gồm các nội dung sau:

a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

- Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 13 Điều lệ Tổng công ty.

- Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty.

- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty. Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp trực tuyến.

b. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo điểm e khoản 1 Điều này;

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo điểm b khoản 3 Điều này.

c. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (áp dụng với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến) theo điểm c khoản 3 Điều này.

d. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo điểm đ khoản 1 Điều này;

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo điểm d khoản 3 Điều này.

đ. Điều kiện tiến hành cuộc họp theo Điều 17 Điều lệ Tổng công ty

e. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo điểm h khoản 1 Điều này;

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo điểm e khoản 3 Điều này.

g. Thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo điểm g khoản 3 Điều này.

h. Cách thức bỏ phiếu:

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo điểm h khoản 1 Điều này;

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo điểm h khoản 3 Điều này.

i. Cách thức kiểm phiếu;

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tiếp: thực hiện theo điểm h khoản 1 Điều này;

- Đối với cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến: thực hiện theo điểm i khoản 3 Điều này.

k. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại điểm i khoản 4 Điều này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng nội dung theo nội dung chương trình họp. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

l. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

- Thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Tổng công ty.

- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản họp Đại hội cổ đông là địa điểm Chủ tọa có mặt. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

- Hình thức thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

m. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định theo Điều 22 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 4. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 24 Điều lệ Tổng công ty.

2. Cách thức ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị theo khoản 2, khoản 3 Điều 24 Điều lệ Tổng công ty.

3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

a. Danh sách ứng cử viên để bầu Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

b. Trước khi bầu cử, cổ đông hoặc người đại diện cổ đông được phát phiếu bầu trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên của người đại diện của cổ đông, số phiếu biểu quyết và danh sách các ứng cử viên.

c. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số phiếu biểu quyết

nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

4. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ Tổng công ty.

5. Tổng công ty công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trên website của Tổng công ty và theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

Điều 5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Am hiểu về Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Tổng công ty.

3. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Tổng công ty:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b. Có đơn từ chức;

c. Vi phạm nghĩa vụ của người phụ trách quản trị Tổng công ty quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty;

d. Không hoàn thành nhiệm vụ;

đ. Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị; Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Tổng công ty công bố thông tin bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Tổng công ty trên website của Tổng công ty và theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

Điều 6. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 34 Điều lệ Tổng công ty.

2. Cách thức ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát theo khoản 2, khoản 3 Điều 34 Điều lệ Tổng công ty.

3. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

a. Danh sách ứng cử viên để bầu Ban Kiểm soát phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

b. Trước khi bầu cử, cổ đông hoặc người đại diện cổ đông được phát phiếu bầu trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên của người đại diện của cổ đông, số phiếu biểu quyết và danh sách các ứng cử viên.

c. Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số phiếu biểu quyết nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 35 Điều lệ Tổng công ty.

5. Tổng công ty công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trên website của Tổng công ty và theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

Điều 7. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc được thực hiện theo Điều 29 Điều lệ Tổng công ty và quy định sau:

a. Ban Kiểm soát được nhận thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b. Trường hợp Tổng giám đốc được mời tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị thì sẽ được nhận thông báo và các tài liệu kèm theo (nếu có).

c. Biên bản họp Hội đồng quản trị và nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Cuộc họp Ban Kiểm soát:

a. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm. Yêu cầu tham dự họp Ban Kiểm soát phải được gửi bằng văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và các tài liệu kèm theo (nếu có).

b. Biên bản họp của Ban Kiểm soát có sự tham gia của thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải được gửi đến các thành viên tham dự cuộc họp.

3. Trường hợp Ban Kiểm soát hoặc Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị thì phải gửi văn bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng

quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 29 Điều lệ Tổng công ty.

4. Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Tổng giám đốc phải lập báo cáo gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về:

a. Kết quả và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh;

b. Việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

c. Việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề Hội đồng quản trị ủy quyền.

5. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc:

a. Hội đồng quản trị giám sát Tổng giám đốc trong việc điều hành kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty; Ban Kiểm soát giám sát Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm các quy định pháp luật, điều lệ Tổng công ty, nghị quyết của Hội đồng quản trị thì cơ quan giám sát phải thông báo ngay bằng văn bản đến đối tượng vi phạm, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

c. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thực hiện phối hợp trong công tác kiểm tra, kiểm soát.

d. Hội đồng quản trị tổ chức các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc của Tổng công ty phải gửi quyết định kiểm tra đến Ban Kiểm soát được biết. Ban Kiểm soát có quyền cử người tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ và phải có văn bản thông báo đến Hội đồng quản trị về việc tham gia này.

đ. Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc khi tiến hành các hoạt động kiểm tra tại Tổng công ty trước 05 ngày làm việc.

6. Trường hợp Ban Kiểm soát kiểm tra việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên hoặc yêu cầu cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động tại các công ty thành viên thì phải gửi thông báo bằng văn bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị 05 ngày làm việc trước khi thực hiện, trong đó ghi rõ nội dung cần kiểm tra, kiểm soát.

Điều 8. Quy định về đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác

1. Đánh giá hàng năm:

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác.

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Khen thưởng:

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm quyết định việc trích quỹ khen thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác.

Căn cứ vào kết quả đánh giá hàng năm, Hội đồng quản trị quyết định việc chi thưởng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác.

3. Kỷ luật:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, Bộ luật Lao động, Hội đồng quản trị xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị nếu vi phạm. Mức độ xử lý từ nhắc nhở, khiển trách, cảnh cáo, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, Bộ luật Lao động, Ban Kiểm soát xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định kỷ luật đối với thành viên Ban Kiểm soát nếu vi phạm. Mức độ xử lý từ nhắc nhở, khiển trách, cảnh cáo, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, Bộ luật Lao động, Hội đồng quản trị xem xét, quyết định kỷ luật đối với Tổng giám đốc và người điều hành nếu vi phạm. Mức độ xử lý từ nhắc nhở, khiển trách, cảnh cáo, kéo dài thời hạn nâng bậc lương, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 9. Bổ sung, sửa đổi

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng quản trị Tổng công ty xem xét trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Tổng công ty.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành. Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các Trưởng Ban, Chánh Văn phòng và các cán bộ - nhân viên có liên quan có trách nhiệm triển khai, thực hiện.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đỗ Thị Thu Hằng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 37/TTr-SNZ-QTTH

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-SNZ-QTTH ngày 07/4/2021 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021,

Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được sửa đổi, bổ sung và cập nhật theo nguyên tắc sau:

- Tuân thủ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

- Về bố cục, nội dung cơ bản của Quy chế thực hiện theo mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC; loại bỏ các nội dung trùng lặp đã quy định chi tiết trong dự thảo Điều lệ, các nội dung không phù hợp với Tổng công ty;

- Giữ lại các nội dung cần thiết đã được nêu trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành phù hợp với tình hình thực tế tại Tổng công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm theo Tờ trình này.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, QTTH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3600935363 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Đỗ Thị Thu Hằng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Hoạt động của Hội đồng quản trị

(Ban hành kèm theo Quyết định số..... /QĐ-SNZ-QTTH ngày 28/04/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sonadezi)

Điều 1. Căn cứ pháp lý

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

- Luật Doanh nghiệp số 59/2019/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Điều lệ của Tổng công ty Sonadezi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2021;

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...../NQ-SNZ-QTTH ngày 28/4/2021.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định chi tiết một số nội dung về tổ chức bộ máy và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty chưa được quy định trong Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cá nhân, đơn vị có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo và quyết định theo đa số.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Mọi thành viên của Hội đồng quản trị không được nhân danh Hội đồng quản trị can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành hàng ngày của Tổng giám đốc.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này trong đó có quyền bảo lưu ý kiến cá nhân.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và các quyền, nghĩa vụ:

a. Có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc trái với quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị;

b. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản nhân danh Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

c. Chấp thuận việc thành viên Hội đồng quản trị đi công tác trong và ngoài nước sử dụng nguồn kinh phí của công ty mẹ Tổng công ty Sonadezi.

2. Để thuận lợi trong việc quản lý và giải quyết kịp thời các công việc đột xuất, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị và thay mặt Hội đồng quản trị giải quyết các công việc đột xuất liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, đồng thời báo cáo kết quả công việc đã giải quyết tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị.

3. Thư ký Tổng công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ Công ty trong việc xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ. Quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo luật pháp, Điều lệ Tổng công ty, Đại hội đồng cổ đông quy định và những quyền hạn, nghĩa vụ sau:

a. Quyết định khung giá bán sản phẩm, dịch vụ;

b. Quyết định phương án liên doanh, liên kết với đơn vị khác;

c. Cho ý kiến về các nội dung người đại diện phần vốn của Tổng công ty xin ý kiến;

d. Phê duyệt, ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty, ngoại trừ các quy chế, quy định sau:

- Quy chế chi tiêu nội bộ;
- Quy trình kế toán và lập báo cáo tài chính hợp nhất;
- Quy định chức năng nhiệm vụ của các Ban, Văn Phòng (trừ Ban Kiểm toán nội bộ);
- Nội quy của Tổng công ty, Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty;
- Quy định về công tác tuyển dụng nhân sự tại Tổng công ty (Công ty mẹ);
- Quy định về công tác đào tạo, huấn luyện tại Tổng công ty (Công ty mẹ);
- Quy chế thực hiện dân chủ tại nơi làm việc;
- Quy chế đối thoại tại nơi làm việc;
- Quy chế tổ chức Hội nghị người lao động;
- Quy chế phát ngôn, cung cấp thông tin và bảo mật hồ sơ tài liệu của Tổng công ty;
- Quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản và tiêu đề văn bản của Tổng công ty;
- Các quy chế mà Hội đồng quản trị đã ủy quyền cho Tổng giám đốc phê duyệt, ban hành.

2. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải

cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 8. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập hoặc giải thể các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. Cán bộ của các tiểu ban này có thể do Hội đồng quản trị cử cán bộ Tổng công ty kiêm nhiệm hoặc thuê chuyên gia nếu thấy cần thiết.

2. Các tiểu ban làm việc theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Tổng công ty;

b. Thời gian, địa điểm họp;

c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả các thành viên dự họp.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 10. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;

b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;

d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 11. Đảm bảo vật chất cho hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Tổng công ty để thực hiện chức năng quản lý của mình.

Điều 12. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định hiện hành và được tính vào chi phí quản lý của Tổng công ty, được quyết toán hàng năm trong Báo cáo tài chính.

2. Ngoài chi phí thù lao, tiền lương, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị còn bao gồm:

- Chi phí các cuộc họp Hội đồng quản trị, chi phí đi lại, ăn, ở trong thời gian họp;

- Chi phí tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước;

- Chi phí tư vấn.

3. Kinh phí hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị được lập kế hoạch trong tổng chi phí hàng năm của Tổng công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và làm cơ sở triển khai thực hiện.

Điều 13. Nguyên tắc quản lý đối với các công ty thành viên và doanh nghiệp khác có vốn góp của Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị nhân danh Tổng công ty tham gia quản lý các công ty thành viên và doanh nghiệp khác bằng cách thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông, của thành viên góp vốn theo Điều lệ của các doanh nghiệp đó thông qua người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị quyết định cử, cử lại, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty thành viên và doanh nghiệp khác. Việc khen thưởng/công nhận các danh hiệu thi đua theo Luật Thi đua Khen thưởng đối với người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty đang giữ chức vụ quản lý tại công ty thành viên do công ty thành viên xem xét, quyết định/đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

3. Hàng năm, Hội đồng quản trị quyết định giao nhiệm vụ, các chỉ tiêu kế hoạch cho người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp:

a. Là các công ty con trên Báo cáo tài chính hợp nhất;

b. Là các công ty mà Tổng công ty nắm giữ □ 30% vốn điều lệ và phải là đơn vị thành viên trong Tổng công ty.

4. Đối với các doanh nghiệp còn lại ngoài các doanh nghiệp nêu tại khoản 3 Điều này, người đại diện phần vốn của Tổng công ty báo cáo xin ý kiến Hội đồng quản trị Tổng công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm theo Quy chế Quản lý và đánh giá người đại diện phần vốn.

5. Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát người đại diện phần vốn trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế của Tổng công ty.

Điều 14. Cơ chế quản lý của Hội đồng quản trị đối với các chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị không trực tiếp quản lý đối với các chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty. Tổng giám đốc quản lý đối với các đơn vị này và có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng quản trị về tình hình, kết quả hoạt động cũng như các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng quản trị.

2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ yêu cầu các Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện của Tổng công ty cung cấp thông tin theo Điều 5 của Quy chế này.

Điều 15. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo trước Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện công việc được phân công, trường hợp đặc biệt phải báo cáo kịp thời với Chủ tịch Hội đồng quản trị để xem xét giải quyết.

4. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 16. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 17. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 18. Bổ sung, sửa đổi

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng quản trị Tổng công ty xem xét trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành. Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, người đại diện phần vốn của Tổng công ty, các Trưởng Ban, Chánh Văn phòng và các cán bộ - nhân viên có liên quan có trách nhiệm triển khai, thực hiện.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đỗ Thị Thu Hằng

TỔNG CÔNG TY SONADEZI

Địa chỉ: Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
ĐT: 84.251.8860561/562/563 Fax: 84.251.8860573
Email: contact@sonadezi.com.vn Website: http://www.sonadezi.com.vn

Số: 31 /TTr-SNZ-NS

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về danh sách ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Tổng Công ty Sonadezi nhiệm kỳ II (2021 – 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Thông báo số 182/TB-SNZ-QTTH ngày 07/4/2021 về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II (2021-2026),

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II (2021 – 2026) như sau:

I. Danh sách ứng cử viên Hội đồng Quản trị:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Số CMND/Hộ chiếu	Tỷ lệ đề cử
1	Đỗ Thị Thu Hằng	1971	Thạc sỹ Kinh doanh Quốc tế; Cử nhân Kinh tế	CMND số 270930033, ngày cấp 11/08/2009, nơi cấp CA Đồng Nai	99,54%
2	Trần Thanh Hải	1971	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; Kỹ sư Xây dựng.	CMND số 271259520, ngày cấp 07/01/2009, nơi cấp CA Đồng Nai	99,54%
3	Nguyễn Thị Hạnh	1976	Thạc sỹ Kế toán; Cử nhân Kinh tế.	CMND số 271296185, ngày cấp 23/4/2008, nơi cấp CA Đồng Nai	99,54%
4	Lương Minh Hiền	1975	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; Cử nhân Luật	CMND số 271754806, ngày cấp 11/8/2016, nơi cấp CA Đồng Nai	99,54%
5	Nguyễn Văn Tuấn	1970	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; Cử nhân Kinh tế	CMND số 271511034, ngày cấp 17/09/2013, nơi cấp CA Đồng Nai	99,54%

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Số CMND/Hộ chiếu	Tỷ lệ đề cử
6	Đinh Ngọc Thuận	1978	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; Kỹ sư Xây dựng	CMND số 271554050, ngày cấp 29/04/2014, nơi cấp CA Đồng Nai	Do HĐQT đương nhiệm đề cử
7	Phạm Quốc Chí	1962	Kỹ sư Kỹ thuật đô thị	CMND số 270930033, ngày cấp 11/08/2009, nơi cấp CA Đồng Nai	

II. Danh sách ứng cử viên Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Số CMND/Hộ chiếu	Tỷ lệ đề cử
1	Đặng Lê Bích Phượng	1973	Cử nhân Kinh tế	CMND số 023620612, ngày cấp 02/01/2009, nơi cấp CA TP.HCM	99,54%
2	Trần Ngọc Tòng	1986	Thạc sỹ Kế toán	CMND số 271737911, ngày cấp 23/06/2016, nơi cấp CA Đồng Nai	Do Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử
3	Phạm Thị Cẩm Hà	1973	Cử nhân Kinh tế	CMND số 022654950, ngày cấp 22/5/2013, nơi cấp CA TP.HCM	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3600333... TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Đỗ Thị Thu Hằng

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT (b/c);
- Lưu: VT, NS.

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **ĐỖ THỊ THU HẰNG** Giới tính (Nam/Nữ): Nữ

2. Ngày tháng năm sinh: 07/6/1971

3. Nơi sinh: Xã Liêm Chung, Huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam

4. Quốc tịch: Việt Nam.

5. Số Căn cước công dân: 035171002979 Ngày cấp: 17/6/2020 Nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội

6. Địa chỉ thường trú: SN 166 168, khu phố 3, Phường Trung Dũng, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

7. Trình độ văn hóa: 12/12.

8. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh doanh quốc tế, Cử nhân Kinh tế.

9. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	**Chức vụ**	**Nơi công tác**
12/1992 – 7/1997	Chuyên viên Phòng Tư vấn Đầu tư	Công ty phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa (Sonadezi).
8/1997 – 7/ 2000	Phó Giám đốc Xí nghiệp Phát triển hạ tầng KCN Biên Hòa 2	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa (Sonadezi).
7/2000 – 2/2002	Giám đốc Xí nghiệp hạ tầng Khu công nghiệp Biên Hòa 2, kiêm Giám Đốc Xí nghiệp hạ tầng Khu công nghiệp Gò Dầu	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa (Sonadezi).
3/2002 – 12/2003	Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Khu công nghiệp, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ quản lý môi trường Sonadezi	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa (Sonadezi).
01/2004 – 6/2005	Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ KCN Sonadezi	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa (Sonadezi).
7/2005 – 12/ 2005	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Phát triển KCN Biên Hòa kiêm Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ KCN Sonadezi.	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa (Sonadezi).
1/2006 – 12/2007	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa (Sonadezi).
01/2008 – 8/2009	Chủ Tịch Hội đồng quản trị	Công ty phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa (Sonadezi).

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ	Nơi công tác
9/2009 – 06/2010	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	Công ty phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa (Sonadezi).
07/2010 – 01/2016	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi).
02/2016 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi).

10. Số cổ phần sở hữu: 261.833.900 Cổ phần (CP), chiếm tỷ lệ 69,5442% vốn điều lệ của Tổng Công ty Sonadezi, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 261.806.700 CP, chiếm tỷ lệ 69,537% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: 27.200 CP, chiếm tỷ lệ 0,0072% vốn điều lệ.

11. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác): Không

12. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của Công ty: Không

13. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty: Không

14. Những người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức:

Stt	Tên cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
1	Đỗ Mạnh Quang	Đã mất	Cha ruột
2	Phạm Thị Hải Lượng	Số CMND: 270012662 Ngày cấp: 21/8/1981 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Mẹ ruột
3	Đỗ Mạnh Hưng	Đã mất	Anh ruột
4	Đỗ Hải Triều	Đã mất	Anh ruột
5	Đỗ Thị Hải Yến	Số CMND: 270689025 Ngày cấp: 31/8/2010 Nơi cấp: Đồng Nai	Chị ruột
6	Nguyễn Văn Xà Nam	Số CMND: 270751382 Ngày cấp: 08/08/2008 Nơi cấp: Đồng Nai	Chồng

Stt	Tên cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
7	Nguyễn Kim Thu	Số CMND: 272444379 Ngày cấp: 26/8/2014 Nơi cấp: Đồng Nai	Con
8	Phan Phúc Thịnh	Số CMND: 272019004 Ngày cấp: 15/8/2019 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Con rể
9	Ngô Minh Chi	Số CMND: 271208932 Ngày cấp: 20/06/2007 Nơi cấp: Đồng Nai	Anh rể
10	Võ Thị Loan	Số CMND: 270133258 Ngày cấp: 12/10/2005 Nơi cấp: Đồng Nai	Chị dâu
11	Phan Ngọc Bích	Đã mất	Chị dâu
12	Nguyễn Văn Chắt	Đã mất	Cha chồng
13	Nguyễn Thị Công	Số CMND: 279498686 Ngày cấp: 11/4/2008 Nơi cấp: Ca Đồng Nai	Mẹ chồng

Tôi cam đoan những lời khai trên đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI KHAI

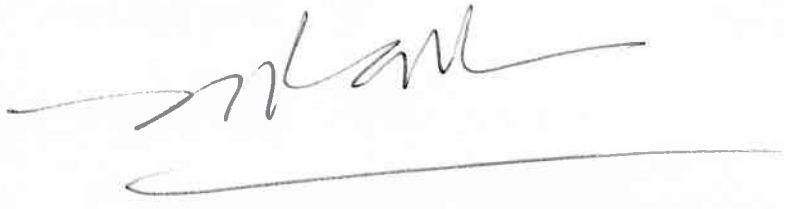

Đỗ Thị Thu Hằng

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **TRẦN THANH HẢI** Giới tính (Nam/Nữ): Nam

2. Ngày tháng năm sinh: 31/5/1971

3. Nơi sinh: Xã Năng Yên, Huyện Thạc Ba, tỉnh Vĩnh Phú

4. Quốc tịch: Việt Nam.

6. Số CMND/Hộ chiếu: 271259520 Ngày cấp: 07/01/2009 Nơi cấp: CA Đồng Nai

7. Địa chỉ thường trú: 380/10 Nơ Trang Long, F13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

8. Trình độ văn hóa: 12/12.

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Xây dựng

10. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ	Nơi công tác
08/1994 – 09/1995	Nhân viên phòng thiết kế - kỹ thuật Xí nghiệp XLCN	Công ty phát triển KCN Biên Hòa
09/1995 – 07/2000	Nhân viên bộ phận Phát triển Hạ tầng – Phòng Kinh doanh	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
07/2000 – 01/2002	Tổ trưởng Tổ Phát triển Hạ tầng – Phòng Kinh Doanh,	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
01/2002 – 01/2003	Phó phòng Kinh Doanh	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
01/2003 – 01/2004	Phó phòng Kỹ thuật - Phụ trách phòng	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
01/2004 – 09/2005	Phó Giám đốc XN Phát triển nhà Sonadezi	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
09/2005 – 01/2006	Phó Tổng Giám đốc	Công ty CP Địa ốc Sonadezi
01/2006 – 05/2007	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Sonadezi Long Thành (sáp nhập Công ty CP Địa ốc Sonadezi vào Công ty CP Sonadezi Long Thành)	Công ty CP Sonadezi Long Thành
05/2007 – 07/2007	Chuyên viên phòng Dự án	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ	Nơi công tác
07/2007 – 09/2007	Tổng Giám đốc	Công ty CP Phát triển Hạ tầng Sonadezi
09/2007 – 11/2007	Phó Tổng Giám đốc	Công ty CP Sonadezi Châu Đức
12/2007 – 11/2008	Trưởng Ban Chuẩn bị dự án, kiêm Trưởng Ban Phát triển Hạ tầng và Giám đốc Ban Quản lý dự án khu tái định cư Nguyễn Văn Trỗi	Công ty phát triển KCN Biên Hòa
11/2008 – 11/2010	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa (Sonadezi)
11/2010 – 02/2016	Thành viên Hội đồng thành viên	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty phát triển KCN (Sonadezi)
02/2016 đến nay	TV. HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Tổng Công ty Cổ phần phát triển KCN (Sonadezi)
03/2016 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty CP Cảng Đồng Nai
05/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang
04/2019 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty CP Sonadezi Long Bình

11. Số cổ phần sở hữu: 37.676.800 cổ phần (CP), chiếm tỷ lệ 10,0071% vốn điều lệ của Tổng Công ty Sonadezi, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 37.650.000 CP, chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: 26.800 CP, chiếm tỷ lệ 0,0071% vốn điều lệ.

12. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác):

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cảng Đồng Nai;
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sonadezi Long Bình;
- Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ – An Giang.

13. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của Công ty:

14. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty:

Stt	Tên tổ chức	Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
1	Công ty CP Sonadezi Long Bình	Giấy CNĐKDN: 3601567699 Ngày cấp: 11/5/2015 Nơi cấp: Sở KHĐT Đồng Nai	Chủ tịch HĐQT
2	Công ty CP Cảng Đồng Nai	Số GCNĐKDN: 3600334112 Ngày cấp: 19/3/2016 Nơi cấp: Sở KHĐT Đồng Nai	Chủ tịch HĐQT
3	Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ – An Giang.	Số GCNĐKDN: 3603181739 Ngày cấp: 02/06/2015 Nơi cấp: Sở KHĐT Đồng Nai	Thành viên HĐQT

15. Những người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
1	Trần Văn Cự	Số CMND: 271748620 Ngày cấp: 25/10/2002 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Cha ruột
2	Phạm Thị Nhung	Số CMND: 271922029 Ngày cấp: 10/9/2004 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Mẹ ruột
3	Trần Thị Minh Nguyệt	Số CMND: 271792650 Ngày cấp: 08/04/2003 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Chị ruột
4	Trần Thị Thu	Số CMND: 271222164 Ngày cấp: 19/11/2005 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Em ruột
5	Trần Thị Hồng Ánh	Số CMND: 024839576 Ngày cấp: 14/9/2010	Em ruột

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
		Nơi cấp: CA TP.HCM	
6	Đinh Thị Xuân Thy	Số CMND: 022287296 Ngày cấp: 16/12/2003 Nơi cấp: CA TP.HCM	Vợ
7	Trần Hải Đăng	Số CMND: 025418110 Ngày cấp: 31/12/2010 Nơi cấp: CA TP.HCM	Con ruột
8	Trần Đăng Quang	Số thẻ CCCD: 079204012302 Ngày cấp: 28/01/2019 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Con ruột
9	Trương Đỗ Thuận	Số CMND: 271040529 Ngày cấp: 21/6/2012 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Anh rể
10	Nguyễn Trung Thiện	Số CMND: 023141630 Ngày cấp: 25/12/2013 Nơi cấp: CA TP.HCM	Em rể
11	Đinh Văn Hơn	Số CMND: 024776225 Ngày cấp: 03/6/2007. Nơi cấp: CA TP. HCM.	Cha vợ
12	Lai Thị Xuân	Số CMND: 024776224. Ngày cấp: 03/6/2007 Nơi cấp: CA TP. HCM	Mẹ vợ
11	Công ty CP Cảng Đồng Nai	Số GCNĐKDN: 3600334112 Ngày cấp: 19/3/2016 Nơi cấp: Sở KHĐT Đồng Nai	Chủ tịch HĐQT

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
12	Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ – An Giang	Số GCNĐKDN: 3603181739 Ngày cấp: 02/06/2015 Nơi cấp: Sở KHĐT Đồng Nai	Thành viên HĐQT
13	Công ty CP Sonadezi Long Bình	Giấy CNĐKDN: 3601567699 Ngày cấp: 11/5/2015 Nơi cấp: Sở KHĐT Đồng Nai	Chủ tịch HĐQT

Tôi cam đoan những lời khai trên đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI KHAI

Trần Thanh Hải

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ HẠNH** Giới tính (Nam/Nữ): Nữ

2. Ngày tháng năm sinh: 03/02/1976

3. Nơi sinh: Bình Dương

4. Quốc tịch: Việt Nam.

6. Số CMND/Hộ chiếu: 271296185 Ngày cấp: 23/4/2008 Nơi cấp: CA Đồng Nai

7. Địa chỉ thường trú: F238 Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

8. Trình độ văn hóa: 12/12.

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kế toán – Cử nhân Kinh tế.

10. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	**Chức vụ**	**Nơi công tác**
Từ 11/1997 – 03/2001	Nhân viên kế toán	Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa
Từ 04/2001 – 03/2004	Nhân viên kế toán	Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển tỉnh Bình Dương
Từ 04/2004 – 09/2004	Nhân viên Kế toán	Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa
Từ 10/2004 – 08/2005	Kế toán trưởng Xí nghiệp Phát triển nhà Sonadezi	Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa
Từ 9/2005 – 12/2007	Phó phòng Tài chính kế toán	Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa
Từ 01/2008 – 05/2009	Kế toán trưởng Xí nghiệp Dịch vụ Khu công nghiệp Sonadezi	Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa
Từ 06/2009 – 06/2010	Trưởng ban Kiểm soát	Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa
Từ 07/2010 – 02/2011	Thành viên HĐTV	Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp
Từ 03/2011 – 08/2015	Thành viên HĐTV, Trưởng Ban Quản trị tổng hợp	Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp
Từ 09/2015 –	Thành viên HĐTV, Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Khu công	Tổng Công ty Phát triển Khu công

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ	Nơi công tác
01/2016	nghiệp Giang Điền	nghiệp
Từ 02/2016 – 03/2017	Thành viên HĐQT, Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Khu công nghiệp Giang Điền	Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
Từ 04/2017 đến T6/2017	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Khu công nghiệp Giang Điền	Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
Từ 07/2017 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp;
Từ 07/2017 đến nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc.	Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền

11. Số cổ phần sở hữu: 18.835.600 Cổ phần (CP), chiếm tỷ lệ 5,0028% vốn điều lệ của Tổng Công ty Sonadezi, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 18.825.000 CP, chiếm tỷ lệ 5% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: 10.600 CP, chiếm tỷ lệ 0,0028% vốn điều lệ.

12. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác): Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty CP Sonadezi Giang Điền

13. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của Công ty: không có

14. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty:

STT	Tên tổ chức	Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương	Mối quan hệ
1	Công ty CP Sonadezi Giang Điền	Số GCNĐKDN: 3603474037 Ngày cấp: 01/7/2017 Nơi cấp: Sở KHĐT Đồng Nai	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

15. Những người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức:

Stt	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
1	Nguyễn Văn Trung	Đã mất năm 1994	Cha ruột

Stt	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
2	Võ Thị Trung	Số CMND: 270013916 Ngày cấp: 22/8/2012 Nơi cấp: CA. Đồng Nai	Mẹ ruột
3	Nguyễn Trung Hiếu	Số CMND: 271371965 Ngày cấp: 13/03/2002 Nơi cấp: CA. Đồng Nai	Em ruột
4	Đặng Như Quỳnh	Số CMND: 272855039 Ngày cấp: 01/8/2016 Nơi cấp: CA.Đồng Nai	Con
15	Công ty CP Sonadezis Giang Điền	Số GCNĐKDN: 3603474037 Ngày cấp: 01/7/2017 Nơi cấp: Sở KHĐT Đồng Nai	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Tôi cam đoan những lời khai trên đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI KHAI

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **LƯƠNG MINH HIỀN** Giới tính: Nữ
2. Ngày tháng năm sinh: 10/11/1975
3. Nơi sinh: Xã Ỷ La, Thị xã Tuyên quang, tỉnh Tuyên Quang
4. Quốc tịch: Việt Nam.
6. Số CMND/Hộ chiếu: 271754806 Ngày cấp: 11/8/2016 Nơi cấp: CA Đồng Nai
7. Địa chỉ thường trú: Lô A169, đường 5 nối dài, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
8. Trình độ văn hóa: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kinh tế Chính trị
10. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ	Nơi công tác
10/1997 – 02/2002	Nhân viên tổng hợp Xí nghiệp hạ tầng KCN Biên Hòa 2	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
03/2002 – 02/2003	Phó Phòng Hành chính nhân sự Xí nghiệp hạ tầng KCN Biên Hòa 2	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
03/2003 – 12/2003	Trưởng Phòng Hành chính nhân sự Xí nghiệp hạ tầng KCN Biên Hòa 2	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
01/2004 – 12/2005	Trưởng phòng Kinh doanh sự Xí nghiệp hạ tầng KCN Biên Hòa 2	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
01/2006 – 06/2007	Phó Giám đốc Xí nghiệp hạ tầng KCN Biên Hòa 2	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
07/2007 – 12/2007	Phó Giám đốc	Công ty CP Dịch vụ Sonadezi
01/2008 – 04/2015	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Công ty CP Dịch vụ Sonadezi
04/2015 đến nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Công ty CP Sonadezi Long Bình

11. Số cổ phần sở hữu: 18.835.000 Cổ phần (CP), chiếm tỷ lệ 5,0027% vốn điều lệ của Tổng Công ty Sonadezi, trong đó:

- Đại diện sở hữu: **18.825.000** CP, chiếm tỷ lệ **5%** vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: **10.000** CP, chiếm tỷ lệ **0,0027%** vốn điều lệ.

12. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác): Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Sonadezi Long Bình.

13. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của Công ty:

14. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty:

Stt	Tên tổ chức	Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương	Mối quan hệ
1	Công ty CP Sonadezi Long Bình	Giấy CNĐKDN: 3601567699 Ngày cấp: 15/5/2019 Nơi cấp: Sở KHĐT Đồng Nai	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

15. Những người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức:

Stt	Tên cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
1	Lương Việt Hùng	Số CMND: 013357165 Ngày cấp: 28/09/2010 Nơi cấp: Hà Nội	Cha ruột
2	Phạm Minh Hà	Số CMND: 070475161 Ngày cấp: 09/02/2008 Nơi cấp: Tuyên Quang	Mẹ ruột
3	Trần Trung Chiến	Số CMND: 271754805 Ngày cấp: 22/6/2017 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Chồng
4	Trần Thu Thủy	Số CMND: 272780513 Ngày cấp: 31/07/2015 Nơi cấp: Đồng Nai	Con ruột
5	Trần Thị Gia An	Số CMND: Còn nhỏ Ngày cấp: ..... Nơi cấp:	Con ruột

Stt	Tên cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
6	Lương Thị Thúy Hòa	Số CMND: 013357242 Ngày cấp: 30/09/2010 Nơi cấp: Hà Nội	Em ruột
7	Nguyễn Mạnh Thắng	Số CMND: 011294522 Ngày cấp: 05/08/2009 Nơi cấp: Hà Nội	Em rể
8	Trần Mạnh Tường	Số CMND: 070620558 Ngày cấp: 28/02/2006 Nơi cấp: Tuyên Quang	Cha chồng
9	Phạm Thị Phúc	Số CMND: 070475162 Ngày cấp: 08/08/2008 Nơi cấp: Tuyên Quang	Mẹ chồng
10	Công ty CP Sonadezi Long Bình	Giấy CNĐKDN: 3601867699 Ngày cấp: 15/5/2019 Nơi cấp: Sở KHĐT Đồng Nai	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Tôi cam đoan những lời khai trên đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI KHAI

Lương Minh Hiền

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN TUẤN** Giới tính (Nam/Nữ): Nam

2. Ngày tháng năm sinh: 23/12/1970

3. Nơi sinh: Xã Thiên Hương, Huyện Thủy Nguyên, tỉnh Hải Phòng

4. Quốc tịch: Việt Nam.

5. Số CMND/Hộ chiếu: 271511034, Ngày cấp: 17/09/2013, Nơi cấp: CA Đồng Nai

6. Địa chỉ thường trú: 100 (số cũ 235B) Phan Trung, Phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

7. Trình độ văn hóa: 12/12.

8. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Kinh tế

9. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ	Nơi công tác
01/2001 – 12/2002	Nhân viên Phòng Tiếp thị đầu tư	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
01/2003 – 02/2005	Người đại diện tại KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Xí nghiệp DV KCN Giang Điền	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
03/2005 – 12/2007	TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Công ty liên doanh phát triển KCN Long Bình hiện đại (Amata)
12/2007 – 03/2009	Giám đốc	Xí nghiệp Dịch vụ KCN Sonadezi
03/2009 – 04/2013	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Bí thư Chi bộ	Công ty CP Sonadezi Long Thành
04/2009 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty CP Sonadezi Châu Đức
04/2013 – 04/2015	Tổng Giám đốc, Bí thư Chi bộ	Công ty CP Sonadezi Long Thành
04/2015 – 05/2016	Chủ tịch HĐQT, Bí thư chi bộ	Công ty CP Sonadezi Long Thành

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ	Nơi công tác
05/2016 đến nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Công ty CP Sonadezi Châu Đức
01/2016 đến nay	Thành viên HĐQT	Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp

10. Số cổ phần sở hữu: 18.830.000 Cổ phần (CP), chiếm tỷ lệ 5,0013% vốn điều lệ của Tổng Công ty Sonadezi, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 18.825.000 CP, chiếm tỷ lệ 5% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: 5.000 CP, chiếm tỷ lệ 0,0013% vốn điều lệ.

11. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác):

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sonadezi Long Thành,
- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Sonadezi Châu Đức.

12. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của Công ty: Không.

13. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty:

Stt	Tên tổ chức	Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương	Mối quan hệ
1	Công ty CP Sonadezi Long Thành	Số GCNĐKDN: 3600649539 Ngày cấp: 05/05/2015 Nơi cấp: Sở KHĐT Đồng Nai	Chủ tịch HĐQT
2	Công ty CP Sonadezi Châu Đức	Số GCNĐKDN: 3600899948 Ngày cấp: 25/06/2020 Nơi cấp: Sở KHĐT Đồng Nai	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

14. Những người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức:

Stt	Tên cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
1	Nguyễn Văn Khánh	Số CMND: 30096601 Ngày cấp: 20/6/1978 Nơi cấp: Hải Phòng	Bố ruột (Đã mất)

Stt	Tên cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
2	Lã Thị Huyên	Số CMND: 30637926 Ngày cấp: 15/9/1980 Nơi cấp: Hải Phòng	Mẹ ruột (Đã mất)
3	Hoàng Thị Hạnh	Số CMND: 272079911 Ngày cấp: 04/9/2009 Nơi cấp: Đồng Nai	Vợ
4	Nguyễn Hoàng Hà Thu	Còn nhỏ chưa cấp CMND	Con ruột
5	Nguyễn Hoàng Bách	Còn nhỏ chưa cấp CMND	Con ruột
6	Nguyễn Văn Thuyên	Đã mất năm 1992	Anh ruột
7	Nguyễn Mạnh Văn	Số CMND: 272357078 Ngày cấp: 20/08/2009 Nơi cấp: Đồng Nai	Anh ruột
8	Vũ Thị Thanh Hải	Số CMND: 271501718 Ngày cấp: 12/3/2014 Nơi cấp: Đồng Nai	Chị dâu
9	Hoàng Văn Khảm	Số CMND: 272783562 Ngày cấp: 06/10/2015 Nơi cấp: Đồng Nai	Bố vợ (Đã mất)
10	Lê Thị Minh	Số CMND: 272172871 Ngày cấp: 14/01/2008 Nơi cấp: Đồng Nai	Mẹ vợ

Tôi cam đoan những lời khai trên đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI KHAI

Nguyễn Văn Tuấn

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **ĐINH NGỌC THUẬN** Giới tính (Nam/Nữ): Nam

2. Ngày tháng năm sinh: 16/07/1978

3. Nơi sinh: Phường Hố Nai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

4. Quốc tịch: Việt Nam.

6. Số CMND/Hộ chiếu: 271554050 Ngày cấp: 29/04/2014 Nơi cấp: CA Đồng Nai

7. Địa chỉ thường trú: F46, Khu phố 7, Phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

8. Trình độ văn hóa: 12/12.

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Kỹ sư Xây dựng

10. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	**Chức vụ**	**Nơi công tác**
02/2001 - 06/2001	Nhân viên Phòng Thiết kế	Công ty CP Thiết kế xây dựng Nam Hoa (TP Hồ Chí Minh)
07/2001 - 03/2002	Nhân viên Phòng KH-KT	Công ty TNHH Nguyễn Hoàng (Biên Hòa, Đồng Nai)
04/2002 - 12/2004	Nhân viên Phòng Kinh doanh, Phòng Kỹ thuật	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa (Sonadezi)
01/2005 - 10/2007	Tổ trưởng dự án, Phòng Dự án	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa (Sonadezi)
11/2007 - 07/2009	Phó Giám đốc Ban QLDA khu tái định cư đường Nguyễn Văn Trỗi	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa (Sonadezi)
08/2009 - 06/2010	Trưởng Ban Dự án kiêm Giám đốc Ban QLDA khu TĐC đường Nguyễn Văn Trỗi, Ban QLDA KCN Giang Điền	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa (Sonadezi)
07/2010 - 12/2012	Trưởng Ban Dự án kiêm Giám đốc Ban QLDA khu TĐC Nguyễn Văn Trỗi, Ban QLDA KCN Giang Điền	Tổng Công ty Phát triển KCN (Sonadezi)

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ	Nơi công tác
01/2013 - 09/2015	Trưởng Ban Dự án kiêm Giám đốc Ban QLDA KCN Giang Điền	Tổng Công ty Phát triển KCN (Sonadezi)
10/2015 - 5/2019	Phó Tổng Giám đốc	Công ty CP Sonadezi Châu Đức
05/2013 - nay	Thành viên HĐQT	Công ty CP Dịch vụ Sonadezi
05/2015 - nay	Thành viên HĐQT	Công ty CP Sonadezi Long Thành
02/2016 – 04/2019	Thành viên HĐQT	Tổng Công ty CP Phát triển KCN (Sonadezi)
05/2019 – 06/2019	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Tổng Công ty CP Phát triển KCN (Sonadezi)
06/2019 – 09/2019	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty kiêm Trưởng Ban Dự án Kinh doanh	Tổng Công ty CP Phát triển KCN (Sonadezi)
10/2019 – 01/2020	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Tổng Công ty CP Phát triển KCN (Sonadezi)
02/2020 – 05/2020	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty kiêm Trưởng Ban chuẩn bị dự án KCN tân Đức	Tổng Công ty CP Phát triển KCN (Sonadezi)
06/2020 - nay	Ủy viên thường vụ Đảng ủy Tổng Công ty, Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	Tổng Công ty CP Phát triển KCN (Sonadezi)
05/2016 – nay	Thành viên HĐQT	Công ty CP Sonadezi Châu Đức
06/2020 – nay	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	Công ty cổ phần Sonadezi Bình Thuận

11. Số cổ phần sở hữu 6.300 Cổ phần (CP), chiếm tỷ lệ 0,0017% vốn điều lệ của Tổng ông ty Sonadezi, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0 CP, chiếm tỷ lệ .....% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: 6.300 CP, chiếm tỷ lệ 0,0017% vốn điều lệ.

12. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác):

- Thành viên HĐQT Công ty CP Dịch vụ Sonadezi.
- Thành viên HĐQT Công ty CP Sonadezi Long Thành.
- Thành viên HĐQT Công ty CP Sonadezi Châu Đức.
- Người đại diện phần vốn tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai.
- Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty CP Sonadezi Bình Thuận.
- Người đại diện phần vốn tại Trường Cao đẳng CN&QT Sonadezi.

13. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của Công ty:

14. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty:

Stt	Tổ chức	Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
1	Công ty CP Sonadezi Châu Đức	Số GCNĐKDN: 3600899948 Ngày cấp: 18/5/2018 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Đồng Nai	Thành viên HĐQT
2	Công ty CP Sonadezi Long Thành	Số GCNĐKDN: 3600649539 Ngày cấp: 05/05/2015 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Đồng Nai	Thành viên HĐQT
3	Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	Số GCNĐKDN: 3600890938 Ngày cấp: 11/5/2015 Nơi cấp: Sở KHĐT Đồng Nai	Thành viên HĐQT
4	Công ty CP Sonadezi Bình Thuận	Số GCNĐKDN: 3401205899 Ngày cấp: 05/6/2020 Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Bình Thuận	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
5	Trường Cao đẳng CN&QT Sonadezi	Số GCNĐK: 135/2017/GCNĐKHĐ-TCDNGCNĐK Ngày cấp: 14/6/2017 Nơi cấp: Tổng cục Dạy nghề (nay là Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)	Người đại diện phần vốn của Sonadezi

15. Những người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
1	Đinh Ngọc Uấn	Đã mất năm 1991	Cha ruột
2	Đinh Thị Dung	Số CMND: 270413167 Ngày cấp: 23/6/2009 Nơi cấp: CA. Đồng Nai	Mẹ ruột
3	Phạm Thị Thiêng	Số CMND: 270394011 Ngày cấp: 27/8/2008 Nơi cấp: CA. Đồng Nai	Chị dâu
4	Đinh Ngọc Sơn	Số CMND: 270413197 Ngày cấp: 02/09/2013 Nơi cấp: CA. Đồng Nai	Anh ruột
5	Đinh Thị Phượng	Số CMND: 27079743 Ngày cấp: 23/6/2009 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Chị ruột
6	Nguyễn Văn Sang	Số CMND: 21439395 Ngày cấp: 06/3/1980 Nơi cấp: CA TP.HCM	Anh rể
7	Đinh Ngọc Hoàng	Số CMND: 270919789 Ngày cấp: 13/9/2010 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Anh ruột
8	Nguyễn Thị Hồng Loan	Số CMND: 270805339 Ngày cấp: 23/8/2008 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Chị dâu
9	Đinh Thị Nghĩa	Số CMND: 270995131 Ngày cấp: 28/8/2008 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Chị ruột
10	Nguyễn Văn Thế	Bị mất giấy CMND	Anh rể
11	Đinh Thị Bích Hợp	Số CMND: 271152012 Ngày cấp: 13/9/2010 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Chị ruột
12	Trần Quốc Tuấn	Số CMND: 271120630 Ngày cấp: 13/9/2010 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Anh rể

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
13	Đinh Ngọc Út	Số CMND: 271554051 Ngày cấp: 22/6/2007 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Em ruột
14	Hoàng Thanh Vân	Số CMND: 271443016 Ngày cấp: 3/4/2015 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Em dâu
15	Đinh Ngọc Phước	Số Hộ chiếu: B0529040 Nơi cấp: Cục XNC Đồng Nai Ngày cấp: 05/5/2011	Em ruột
16	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Số Hộ chiếu: C5028530 Nơi cấp: Cục XNC Đồng Nai Ngày cấp: 16/4/2018	Chị dâu
17	Đỗ Trần Chân Nhi	Số CMND: 272436083 Ngày cấp: 13/9/2010 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Vợ
18	Đinh Ngọc Gia Hân	Còn nhỏ	Con
19	Đinh Gia Phát	Còn nhỏ	Con
20	Đỗ Chí Hùng	Đã mất	Cha vợ
21	Trần Thị Như Hậu	Số CMND: 197067799 Ngày cấp: 21/01/2016 Nơi cấp: CA Quảng Trị	Mẹ vợ
22	Công ty CP Sonadezi Châu Đức	Số GCNĐKDN: 3600899948 Ngày cấp: 18/5/2018 Nơi cấp: Sở KHĐT Đồng Nai	Thành viên HĐQT
23	Công ty CP Sonadezi Long Thành	Số GCNĐKDN: 3600649539 Ngày cấp: 05/05/2015 Nơi cấp: Sở KHĐT Đồng Nai	Thành viên HĐQT
24	Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	Số GCNĐKDN: 3600890938 Ngày cấp: 11/5/2015 Nơi cấp: Sở KHĐT Đồng Nai	Thành viên HĐQT

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
25	Công ty CP Sonadezi Bình Thuận	Số GCNĐKDN: 3401205899 Ngày cấp: 05/6/2020 Nơi cấp: Sở KHĐT tỉnh Bình Thuận	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
26	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cầu Đồng Nai	Số GCNĐKDN: 4703000516 Ngày cấp: 21/03/2008. Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Người đại diện phần vốn Sonadezi
27	Trường Cao đẳng CN&QT Sonadezi	Số GCNĐK: 135/2017/GCNĐKHĐ-TCDNGCNĐK Ngày cấp: 14/6/2017 Nơi cấp: Tổng cục Dạy nghề (nay là Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)	Người đại diện phần vốn Sonadezi

Tôi cam đoan những lời khai trên đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI KHAI

Đinh Ngọc Thuận

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **PHẠM QUỐC CHÍ** Giới tính (Nam/Nữ): Nam

2. Ngày tháng năm sinh: 26/3/1962

3. Nơi sinh: Tuyên Quang

4. Quốc tịch: Việt Nam.

6. Số CMND/Hộ chiếu: 271116874 Ngày cấp: 04/11/2019 Nơi cấp: CA Đồng Nai

7. Địa chỉ thường trú: 141A Đường CMT8- KP.3- Phường Quyết Thắng - TP. Biên Hoà tỉnh Đồng Nai.

8. Trình độ văn hóa: 10/10

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật Đô thị

10. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ	Nơi công tác
1986 - 1991	Cán bộ thiết kế	Viện thiết kế Quy hoạch Xây dựng Đồng Nai
1991 - 1996	Phó Phòng Thiết kế	Viện thiết kế Quy hoạch Xây dựng Đồng Nai
1997 - 2001	Trưởng Phòng Thiết kế	Viện thiết kế Quy hoạch Xây dựng Đồng Nai
2002 - 2015	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Tiên Triết
09/2015 – 03/2017	Giám đốc	Công ty TNHH Tiên Triết
03/2017 đến nay	Ban lãnh Đạo	Công ty TNHH Tiên Triết
02/2016 đến nay	Thành viên HĐQT	Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi)

11. Số cổ phần sở hữu: 0 Cổ phần (CP), chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Tổng Công ty Sonadezi, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0 CP, chiếm tỷ lệ .....% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: 0 CP, chiếm tỷ lệ .....% vốn điều lệ.

12. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác):

13. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của Công ty:.....

14. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty:

Tên tổ chức	Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương	Mối quan hệ

15. Những người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/	Mối quan hệ
01	Phạm Văn Chế	Đã mất	Bố ruột
02	Lê Thị Tuệ Hằng	Đã mất	Mẹ ruột
03	Trần Pháp	Đã mất	Bố vợ
04	Nguyễn Thị Nhất	Đã mất	Mẹ vợ
05	Phạm Mạnh Thiều	Số CMND: 270014704 Ngày cấp: 24/02/2009 Nơi cấp: CA. Đồng Nai	Anh ruột
06	Phạm Trọng Lập	Số CMND: 272037908 Ngày cấp: 23/03/2006 Nơi cấp: CA. Đồng Nai	Anh ruột
07	Phạm Minh Hà	Số CMND: 070475161 Ngày cấp: 02/09/2008 Nơi cấp: CA. Hà Nội	Chị ruột
08	Phạm Quý Tùng	Số CMND: 271468950 Ngày cấp: 30/08/2010 Nơi cấp: CA. Đồng Nai	Anh ruột
09	Phạm Xuân Bách	Số CMND: 024036162 Ngày cấp: 04/06/2013	Anh ruột

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/	Mối quan hệ
		Nơi cấp: CA. TPHCM	
10	Trần Thị Thanh Thảo	Số CMND: 271966826 Ngày cấp: 05/07/2005 Nơi cấp: CA. Đồng Nai	Vợ
11	Phạm Thị Thư Trang	Số CMND: 272122794 Ngày cấp: 26/03/2007 Nơi cấp: CA. Đồng Nai	con
12	Phạm Thiên Trung	Số CMND: 272448040 Ngày cấp: 23/12/2010 Nơi cấp: CA. Đồng Nai	con
13	Chu Thị Thư	Số CMND: 270008978 Ngày cấp: 09/05/2003 Nơi cấp: CA. Đồng Nai	Chị dâu
14	Vũ Thị Đức Thanh	Số CMND: 272037907 Ngày cấp: 23/03/2006 Nơi cấp: CA. Đồng Nai	Chị dâu
15	Lương Việt Hùng	Số CMND: 013357165 Ngày cấp: 28/09/2010 Nơi cấp: CA.Hà Nội	Anh rể
16	Nguyễn Thị Thiệp	Số CMND: 271012118 Ngày cấp: 05/07/2005 Nơi cấp: CA.Đồng Nai	Chị dâu
17	Trần Ngọc Hạnh	Số CMND: 020436163 Ngày cấp: 04/07/2002 Nơi cấp: CA.TPHCM	Chị dâu
18	Công ty TNHH Tiên Triết	MST: 3600489525 Ngày cấp: 17/10/2016 Nơi cấp: Sở KH& Đầu Tư tỉnh Đồng Nai	Ban lãnh đạo

Tôi cam đoan những lời khai trên đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đồng Nai, ngày 16 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI KHAI

Phạm Quốc Chí

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: ĐẶNG LÊ BÍCH PHƯỢNG Giới tính (Nam/Nữ): Nữ
2. Ngày tháng năm sinh: 01/ 01/ 1973
3. Nơi sinh: Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Số CMND/Hộ chiếu: 023620612 Ngày cấp: 02/01/2009
   Nơi cấp: CA TP.HCM
6. Địa chỉ thường trú: 392/8/17 Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, TP.HCM
7. Trình độ văn hóa: 12/12
8. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
9. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ	Nơi công tác
15/03/1995	Kế toán	Xí Nghiệp May Garmex Sài gòn
09/2003	Kế toán	Công Ty May Garmex Sài gòn
02/08/2004	Kế toán	Xí Nghiệp Dịch Vụ Sonadezi
Từ tháng 08/2005 - 08/2016	Kế toán trưởng	Trường Cao Đẳng CN và QT Sonadezi
01/02/2016 - đến nay	Thành viên Ban kiểm soát	Tổng Công ty CP Phát triển KCN
Từ tháng 05/2016 - đến nay	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty CP Sơn Đồng Nai
Từ tháng 07/2017 - đến nay	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty CP Sonadezi Giang Điền

10. Số cổ phần sở hữu: **18.825.000** Cổ phần (CP), chiếm tỷ lệ **5%** vốn điều lệ của Tổng Công ty Sonadezi, trong đó:

- Đại diện sở hữu: **18.825.000** CP, chiếm tỷ lệ **5%** vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: 0 CP, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

11. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác): Không.

12. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của Công ty: Không.

13. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty: Không.

14. Những người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND /Hộ chiếu hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
1	Đặng Văn Mừng	Số 278136008 do CA Đồng Nai cấp ngày 19/09/2008	Cha
2	Lê Thị Trâm	Số 270877549 do CA Đồng Nai cấp ngày 11/09/2001	Mẹ
3	Đặng Công Khánh	Số 271058603 do CA Đồng Nai cấp ngày 05/04/2007	Anh ruột
4	Đặng Hoàng Nhân	Số 271257310 do CA Đồng Nai cấp ngày 18/10/2007	Em ruột
5	Đặng Đình Phước	Số 271257312 do CA Đồng Nai cấp ngày 17/08/2006	Em ruột
6	Đặng Đình Nguyên	Số 271257313 do CA Đồng Nai cấp ngày 07/04/2011	Em ruột
7	Phạm Quang Viên	Số 023457303 do CA TP. HCM cấp ngày 02/01/2009	Chồng
8	Phạm Tuấn	Số 025519580 do CA TP. HCM cấp ngày 17/10/2011	Con ruột
9	Phạm Tuấn Kiệt	Số 079202016512 do CA TP. HCM cấp ngày 20/06/ 2017	Con ruột
10	Phạm Văn Dõn	1938 – 2008 (đã mất)	Cha chồng
11	Trần Thị Ba	1938 – 2004 (đã mất)	Mẹ chồng
	Công ty CP Sonadezi Giang Điền	Số GCNĐKDN: 3603474037 Ngày cấp: 01/07/2017, thay đổi lần thứ 1, ngày 21/12/2020. Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh Tỉnh Đồng Nai.	Trưởng Ban Kiểm soát
	Công ty CP Sơn ĐN	Số GCNĐKDN: 3600451024	Trưởng Ban Kiểm soát

		Ngày cấp: 01/03/2000, thay đổi lần thứ 9, ngày 17/04/2020. Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh Tỉnh Đồng Nai.	

Tôi cam đoan những lời khai trên đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI KHAI

Đặng Lê Bích Phượng

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: TRẦN NGỌC TÒNG Giới tính (Nam/Nữ): Nam
2. Ngày tháng năm sinh: 14/09/1986
3. Nơi sinh: Biên Hoà, Đồng Nai
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Số CMND/Hộ chiếu: 271737911 Ngày cấp: 23/06/2016
   Nơi cấp: CA Đồng Nai

6. Địa chỉ thường trú: K3/135C, Khu phố 1, P. Bửu Hoà, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

7. Trình độ văn hóa: 12/12

8. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán

9. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ	Nơi công tác
Từ tháng 08/2008 - tháng 06/2009	Nhân viên Kế toán	Xí nghiệp dịch vụ KCN Sonadezi trực thuộc Công ty Phát triển KCN Biên Hòa
Từ tháng 07/2009 - tháng 05/2014	Nhân viên Kế toán	Công ty CP Sonadezi Long Bình
Từ tháng 06/2014 - tháng 09/2015	Phó phòng Tài chính Kế toán	Công ty CP Sonadezi Long Bình
Từ tháng 10/2015 - tháng 01/2016	Chuyên viên Kế toán	Tổng công ty Phát triển Khu công nghiệp
Từ tháng 02/2016 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát	Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp
Từ tháng 07/2020 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty CP Sonadezi Bình Thuận

10. Số cổ phần sở hữu: 5.000 Cổ phần (CP), chiếm tỷ lệ 0,0013% vốn điều lệ của Tổng Công ty Sonadezi, trong đó:

- Đại diện sở hữu: 0 CP, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: 5.000 CP, chiếm tỷ lệ 0,0013% vốn điều lệ.

11. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác): Không có

12. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của Công ty: Không có

13. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty: Không có

Stt	Tên tổ chức	Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
1	Công ty CP Sonadezi Bình Thuận	Số ĐKDN:3401205899 Ngày cấp: 05/6/2020 Nơi cấp: Sở KHĐT Bình Thuận	Trưởng Ban kiểm soát/Tổ chức có liên quan

14. Những người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
1	Trần Ngọc Sơn	Số :270163301 Ngày cấp: 08/11/2012 Nơi cấp: Đồng Nai	Bố đẻ
2	Nguyễn Thị Thảo	Số: 270750187 Ngày cấp: 31/12/2013 Nơi cấp: Đồng Nai	Mẹ đẻ
3	Hà Thị Thu Thủy	Số: 271671442 Ngày cấp: 14/01/2012 Nơi cấp: Đồng Nai	Vợ
4	Trần Hà Hưng Thịnh	Sinh năm 2013	Con đẻ
5	Trần Hà Anh Thư	Sinh năm 2014	Con đẻ
6	Công ty CP Sonadezi Bình Thuận	Số ĐKDN:3401205899 Ngày cấp: 05/6/2020 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận	Trưởng Ban kiểm soát/Tổ chức có liên quan
7	Hà Công Thụ	Số: 270364263 Ngày cấp: 08/8/2018 Nơi cấp: Đồng Nai	Bố vợ
8	Nguyễn Thị Tuyến	Số: 272189868 Ngày cấp: 27/10/2007 Nơi cấp: Đồng Nai	Mẹ vợ

Tôi cam đoan những lời khai trên đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đồng Nai, ngày 19 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI KHAI

Trần Ngọc Tòng

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: Phạm Thị Cẩm Hà Giới tính (Nam/Nữ): Nữ
2. Ngày tháng năm sinh: 18/01/1973
3. Nơi sinh: Gia Định
4. Quốc tịch: Việt Nam
6. Số CMND/Hộ chiếu: 022654950 Ngày cấp: 22/05/2013 Nơi cấp: CA TpHCM

7. Địa chỉ thường trú: 275/133/57 Quang Trung, phường 10, Quận Gò vấp TP.HCM
8. Trình độ văn hóa: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Kế toán – Kiểm toan
10. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ	Nơi công tác
01/7/2017÷ 14/8/2017	Nhân viên phòng Kỹ Thuật,	Công ty CP Sonadezi Giang Điền
15/8/2017÷ 15/6/2019	Tổ trưởng tổ Tổng hợp – Phòng kỹ thuật	Công ty CP Sonadezi Giang Điền
2/2016 ÷ nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Tổng công ty CP Phát triển KCN
15/6/2019 ÷ 12/2020	Giám đốc kinh doanh Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cp Sanki – Sonadezi
7/2020 ÷ nay	Thành viên ban Kiểm soát	Công ty CP Sonadezi Bình Thuận
10/2020 ÷ nay	Nhân viên Phòng HCNS	Công ty CP Sonadezi Giang Điền

11. Số cổ phần sở hữu: 5.000 Cổ phần (CP), chiếm tỷ lệ 0,0013% vốn điều lệ của Tổng Công ty Sonadezi, trong đó:
    - Đại diện sở hữu: 0 CP, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
    - Cá nhân sở hữu: 5.000 CP, chiếm tỷ lệ 0,0013% vốn điều lệ.
12. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác):
13. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của Công ty:.....
14. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty: Không
15. Những người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ
1	Phạm Thế Hanh	Đã mất	Ba
2	Nguyễn Thị Lan	Số CMND: 022166735 Ngày cấp: 01/03/2011 Nơi cấp: CA TP.HCM	Mẹ
3	Phạm Thị Vân	Đã mất	Chị
4	Nguyễn Văn Khải	Số CMND: 020902621 Ngày cấp: 22/03/2005 Nơi cấp: CA TP.HCM	Anh rể
5	Phạm Thế Dũng	Số CMND: 022166747 Ngày cấp: 11/05/2015 Nơi cấp: CA TP.HCM	Anh
6	Nguyễn Thị Lưu	Số CMND: 024618609 Ngày cấp: 25/09/2015 Nơi cấp: TP.HCM	Chị
7	Phạm Thị Thúy	Số CMND: 022166916 Ngày cấp: 10/04/2006 Nơi cấp: TP.HCM	Chị
8	Phạm Thị Tuyết	Số CMND: 022166736 Ngày cấp: 05/12/2003 Nơi cấp: TP.HCM	Chị
9	Nguyễn Đức Yên	Số CMND: 250085433 Ngày cấp: 19/10/2013 Nơi cấp: CA Lâm Đồng	Anh rể
10	Phạm Thế Mạnh	Số CMND: 022166917 Ngày cấp: 16/8/2006 Nơi cấp: CA TP.HCM	Anh
11	Bùi Thị Thanh Hương	Số CMND: 021624233 Ngày cấp: 08/5/2014 Nơi cấp: CA TP.HCM	Chị dâu
12	Phạm Thị Thanh	Số CMND: 022166737 Ngày cấp: 28/05/2008 Nơi cấp: CA TP.HCM	Chị
13	Phạm Thế Cương	Số CMND: 022166980 Ngày cấp: 28/05/2008 Nơi cấp: CA TP.HCM	Anh
14	Trần Thị Hương Quế	Số CCCD: 079174004000 Ngày cấp: 10/03/2017 Nơi cấp: TP.HCM	Chị dâu

15	Phạm Thị Hoa	Số CMND: 022691742 Ngày cấp: 11/03/2002 Nơi cấp: TP.HCM	Chị
16	Phạm Thị Thu	Số CMND: 022357925 Ngày cấp: 14/02/2002 Nơi cấp:TP.HCM	Em
17	Nguyễn Nam Phương	Số CCCD: 079301000958 Ngày cấp: 28/01/2016 Nơi cấp: TP.HCM	Con
18	Nguyễn Phương Anh	Số CCCD: 079304011074 Ngày cấp: 03/01/2019 Nơi cấp: TP.HCM	Con

Tôi cam đoan những lời khai trên đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đồng Nai, ngày 16 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI KHAI

Phạm Thị Cẩm Hà

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Đỗ Thị Thu Hằng	Chủ tịch
Ông Phan Đình Thám	Thành viên
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên
Ông Phạm Quốc Chí	Thành viên
Ông Đinh Ngọc Thuận	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Trần Ngọc Tòng	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Kiểm soát viên
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Kiểm soát viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Phan Đình Thám	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Thuận	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Long Bôn	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 12 năm 2020)
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Khoa	Giám đốc chi nhánh (bổ nhiệm ngày 10 tháng 07 năm 2020)
Bà Lai Thị Đài Trang	Giám đốc chi nhánh (miễn nhiệm ngày 10 tháng 07 năm 2020)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 3600335363 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Phan Đình Thám
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 16 tháng 03 năm 2021

RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 266/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 16 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(Xem trang tiếp theo)

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Lục Thị Vân	**Trịnh Thanh Thanh**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0172-2018-026-1	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2820-2020-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.117.692.215.037**	**1.204.820.731.387**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**31.889.335.434**	**184.163.534.227**
1. Tiền	111	4.1	31.889.335.434	184.163.534.227
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**957.895.000.000**	**900.833.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	957.895.000.000	900.833.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**104.986.443.077**	**88.563.935.340**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	46.989.438.002	32.228.127.996
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.194.712.320	1.753.679.850
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	63.651.819.480	58.106.598.687
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(6.849.526.725)	(3.524.471.193)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**12.025.473.643**	**11.002.166.193**
1. Hàng tồn kho	141	4.7	12.025.473.643	11.002.166.193
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**10.895.962.883**	**20.258.095.627**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.12	10.265.831.164	20.256.010.622
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		628.046.714	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	2.085.005	2.085.005
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**3.230.023.881.384**	**3.080.996.922.360**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.276.538.000**	**1.231.515.500**
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	4.4	200.000.000	200.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	1.076.538.000	1.031.515.500
II. Tài sản cố định	**220**		**14.230.588.833**	**14.783.793.051**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	4.185.612.729	4.062.501.151
Nguyên giá	222		13.471.218.202	12.486.698.202
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.285.605.473)	(8.424.197.051)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	10.044.976.104	10.721.291.900
Nguyên giá	228		14.248.840.250	15.044.154.086
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.203.864.146)	(4.322.862.186)
III. Bất động sản đầu tư	**230**	4.10	**3.391.369.071**	**6.126.842.533**
1. Nguyên giá	231		115.188.369.923	115.223.620.392
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(111.797.000.852)	(109.096.777.859)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**27.689.155.124**	**5.178.123.066**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	27.689.155.124	5.178.123.066
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	4.2	**3.016.555.758.119**	**2.832.062.789.948**
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.552.795.570.217	1.807.795.570.217
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.323.111.713.608	900.984.673.852
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		140.648.474.294	129.778.474.294
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(6.495.928.415)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**166.880.472.237**	**221.613.858.262**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.12	166.880.472.237	221.613.858.262
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**4.347.716.096.421**	**4.285.817.653.747**

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**79.995.046.408**	**245.439.855.568**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**45.852.972.133**	**210.575.015.593**
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	8.837.568.005	6.416.006.670
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	9.028.186.469	15.344.409.381
3. Phải trả người lao động	314	4.15	5.218.116.789	10.426.502.700
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		140.000.000	1.108.366.150
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		722.765.700	722.765.700
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	1.403.084.744	154.812.588.266
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.17	20.503.250.426	21.744.376.726
II. Nợ dài hạn	**330**		**34.142.074.275**	**34.864.839.975**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		542.074.275	1.264.839.975
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	33.600.000.000	33.600.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**4.267.721.050.013**	**4.040.377.798.179**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	4.18	**4.267.721.050.013**	**4.040.377.798.179**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.765.000.000.000	3.765.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.765.000.000.000	3.765.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(90.100.000)	(90.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.192.605.476	40.924.673.476
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		458.618.544.537	234.543.224.703
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		39.674.373.703	40.619.303.430
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		418.944.170.834	193.923.921.273
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**4.347.716.096.421**	**4.285.817.653.747**

Phan Đình Thám	**Lê Thị Bích Loan**	**Nguyễn Thị Chung**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đồng Nai, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	183.315.167.859	122.935.074.676
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		183.315.167.859	122.935.074.676
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	96.494.107.728	67.074.451.925
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		86.821.060.131	55.860.622.751
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	398.906.844.211	404.835.614.882
6. Chi phí tài chính	22	5.4	(5.213.576.487)	5.186.667.422
Trong đó, chi phí lãi vay	*23*		*199.890.028*	*22.411.773*
7. Chi phí bán hàng	25		2.129.447.848	832.525.082
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	47.518.806.768	45.503.783.875
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		441.293.226.213	409.173.261.254
10. Thu nhập khác	31		181.783.820	154.567.835
11. Chi phí khác	32		192.222.900	25.533.254
12. Lợi nhuận khác	40		(10.439.080)	129.034.581
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		441.282.787.133	409.302.295.835
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	22.338.616.299	42.143.654.562
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		418.944.170.834	367.158.641.273

M.S.D.N: 3600336363 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TP. BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI

Phan Đình Thám	**Lê Thị Bích Loan**	**Nguyễn Thị Chung**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đồng Nai, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**441.282.787.133**	**409.302.295.835**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	3.777.981.215	3.152.035.715
Các khoản dự phòng	03		(3.170.872.883)	4.960.904.981
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		33.202	72.885
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(398.714.587.246)	(402.769.371.149)
Chi phí lãi vay	06	5.4	199.890.028	22.411.773
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**43.375.231.449**	**14.668.350.040**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.797.437.483)	(48.406.139.627)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(518.677.990)	1.220.119.072
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.528.830.481)	(26.525.427.725)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		64.723.565.483	33.741.031.586
Tiền lãi vay đã trả	14		(199.890.028)	(22.411.773)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(26.107.468.678)	(28.504.555.270)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		39.800.000	32.125.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.635.945.300)	(5.716.571.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**55.350.346.972**	**(59.513.479.697)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23.697.187.953)	(4.972.000.197)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	142.324.430
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.811.995.000.000)	(1.352.833.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		1.754.933.000.000	1.014.980.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(178.870.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	374.290.699.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		390.156.575.390	248.322.526.450
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**130.527.387.437**	**279.930.549.683**

(Xem trang tiếp theo)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	181.404.000.000	116.861.388.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(181.404.000.000)	(116.861.388.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(338.151.900.000)	(89.004.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(338.151.900.000)**	**(89.004.050.000)**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	**50**		**(152.274.165.591)**	**131.413.019.986**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		184.163.534.227	52.750.587.126
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(33.202)	(72.885)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	**70**	4.1	**31.889.335.434**	**184.163.534.227**

Phan Đình Thám	**Lê Thị Bích Loan**	**Nguyễn Thị Chung**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đồng Nai, ngày 16 tháng 03 năm 2021

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 61

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Tổng Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Tổng Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Đỗ Thị Thu Hằng	Chủ tịch
Ông Phan Đình Thám	Thành viên
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Quốc Chí	Thành viên
Ông Đinh Ngọc Thuận	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Trần Ngọc Tòng	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Kiểm soát viên
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Kiểm soát viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Phan Đình Thám	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Thuận	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Long Bôn	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 12 năm 2020)
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Khoa	Giám đốc chi nhánh (bổ nhiệm ngày 10 tháng 07 năm 2020)
Bà Lai Thị Đài Trang	Giám đốc chi nhánh (miễn nhiệm ngày 10 tháng 07 năm 2020)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 3600335363 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

Phan Đình Thám
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2021

RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 411/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") và các công ty con (cùng với Tổng Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 61, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(Xem trang tiếp theo)

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/03/2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Lục Thị Vân	**Trịnh Thanh Thanh**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0172-2018-026-1	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2820-2020-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**6.940.504.117.636**	**6.341.893.832.034**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	4.1	**1.426.243.405.928**	**1.541.432.193.346**
1. Tiền	111		316.387.497.251	502.020.881.719
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.109.855.908.677	1.039.411.311.627
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**2.983.761.296.247**	**2.886.894.901.109**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	2.983.761.296.247	2.886.894.901.109
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.007.637.634.002**	**1.393.345.952.888**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	541.826.879.116	527.009.871.870
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.302.097.620.567	738.752.266.092
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	193.117.256.584	150.503.796.966
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(29.404.122.265)	(22.919.982.040)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**435.914.880.882**	**460.457.253.330**
1. Hàng tồn kho	141	4.7	435.914.880.882	460.457.253.330
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**86.946.900.577**	**59.763.531.361**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.13	22.216.435.401	25.035.496.394
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		48.509.044.198	17.741.394.691
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.16	16.221.420.978	16.986.640.276

(Xem trang tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**13.552.302.260.447**	**11.958.509.647.933**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**113.446.887.100**	**110.707.038.255**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		74.540.000	301.531.852
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		200.000.000	200.000.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	119.722.965.500	116.983.116.655
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	4.6	(6.550.618.400)	(6.777.610.252)
II. Tài sản cố định	**220**		**4.624.835.956.186**	**4.863.913.862.707**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	4.261.663.733.844	4.488.122.488.144
Nguyên giá	222		8.079.763.129.861	7.882.885.001.103
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.818.099.396.017)	(3.394.762.512.959)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	363.172.222.342	375.791.374.563
Nguyên giá	228		489.761.788.146	492.613.066.974
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(126.589.565.804)	(116.821.692.411)
III. Bất động sản đầu tư	**230**	4.10	**2.732.238.312.169**	**2.577.579.758.109**
1. Nguyên giá	231		4.275.911.691.064	3.920.791.521.050
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.543.673.378.895)	(1.343.211.762.941)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**4.607.439.323.381**	**2.857.331.403.328**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	4.11	43.910.932.084	15.136.477.548
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.12	4.563.528.391.297	2.842.194.925.780
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	4.2	**533.246.143.808**	**735.641.143.075**
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		310.520.402.359	299.649.263.881
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		163.512.562.294	154.582.562.294
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(786.820.845)	(1.590.683.100)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		60.000.000.000	283.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**941.095.637.803**	**813.336.442.459**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.13	917.853.154.045	780.090.318.145
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.9	23.242.483.758	33.246.124.314
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**20.492.806.378.083**	**18.300.403.479.967**

(Xem trang tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**12.057.000.814.033**	**10.570.287.458.046**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**3.402.211.583.906**	**3.254.983.447.362**
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.14	652.887.785.817	454.863.718.524
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.15	704.552.324.011	743.765.436.476
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.16	83.338.723.970	98.226.249.170
4. Phải trả người lao động	314	4.17	181.338.637.411	134.501.759.783
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.18	194.342.442.361	172.088.876.820
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.19	157.323.609.360	142.476.824.517
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.20	233.471.678.698	398.001.771.661
8. Vay ngắn hạn	320	4.21	999.632.493.875	944.516.149.081
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		19.931.126.901	16.820.610.396
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.22	175.392.761.502	149.722.050.934
II. Nợ dài hạn	**330**		**8.654.789.230.127**	**7.315.304.010.684**
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		12.233.220.218	4.149.220.218
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	4.18	499.601.140.087	371.367.150.172
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.19	4.146.669.817.711	3.863.630.273.332
4. Phải trả dài hạn khác	337	4.20	248.734.366.239	161.071.153.338
5. Vay dài hạn	338	4.21	3.745.052.351.427	2.912.969.631.023
6. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.498.334.445	2.116.582.601

(Xem trang tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**8.435.805.564.050**	**7.730.116.021.921**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	4.23	**8.435.805.564.050**	**7.728.314.332.191**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.765.000.000.000	3.765.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.765.000.000.000	3.765.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		107.957.289.146	107.306.830.060
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		234.047.706.002	182.186.106.002
4. Cổ phiếu quỹ	415		(90.100.000)	(90.100.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(595.686.133.141)	(595.686.133.141)
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		481.796.881.998	422.161.630.445
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.331.087.435	15.473.029.813
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.340.278.851.355	956.448.331.575
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		602.780.775.912	469.078.575.407
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		737.498.075.443	487.369.756.168
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	3.056.212.501
10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.098.169.981.255	2.872.458.424.936
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**1.801.689.730**
1. Nguồn kinh phí	431		-	1.801.689.730
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**20.492.806.378.083**	**18.300.403.479.967**

Phan Đình Thám	**Lê Thị Bích Loan**	**Nguyễn Thị Chung**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		4.974.931.094.856	4.961.339.133.027
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		12.002.701	23.320.281
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	4.974.919.092.155	4.961.315.812.746
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	3.070.227.594.672	3.089.821.070.576
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.904.691.497.483	1.871.494.742.170
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	337.782.940.384	237.893.919.347
7. Chi phí tài chính	22	5.4	218.295.568.663	154.984.455.336
Trong đó, chi phí lãi vay	*23*		*129.766.838.146*	*131.325.298.228*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		1.844.553.853	6.491.635.540
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	113.381.251.821	128.145.184.871
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	404.648.039.089	410.137.767.898
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.507.994.132.147	1.422.612.888.952
12. Thu nhập khác	31		24.024.312.574	24.169.215.810
13. Chi phí khác	32		15.830.051.904	4.891.058.056
14. Lợi nhuận khác	40		8.194.260.670	19.278.157.754
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.516.188.392.817	1.441.891.046.706
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	236.396.580.153	281.101.261.282
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.9	10.003.640.556	(10.921.749.134)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.269.788.172.108	1.171.711.534.558
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		737.498.075.443	660.604.476.168
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		532.290.096.665	511.107.058.390
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.23.3	1.934	1.726
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.23.4	1.934	1.726

M.S.D.N: 3600335363 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Phan Đình Thám	**Lê Thị Bích Loan**	**Nguyễn Thị Chung**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**1.516.188.392.817**	**1.441.891.046.706**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	779.975.852.321	697.275.178.533
Các khoản dự phòng	03		17.707.809.342	3.002.685.458
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.4	87.333.283.938	18.890.543.207
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(340.647.286.432)	(244.321.073.646)
Chi phí lãi vay	06	5.4	129.766.838.146	131.325.298.228
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi	**08**		**2.190.324.890.132**	**2.048.063.678.486**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		122.552.238.253	54.622.822.190
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		17.725.564.120	69.488.512.599
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		475.699.893.337	771.037.787.619
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(254.886.420.251)	69.354.418.013
Tiền lãi vay đã trả	14		(122.037.654.786)	(125.180.572.151)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.16	(242.362.148.061)	(259.266.754.596)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.821.305.230	3.399.790.855
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(89.164.094.761)	(101.910.130.387)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**2.100.673.573.213**	**2.529.609.552.628**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.923.612.687.697)	(1.354.383.401.744)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		904.338.181	2.058.399.520
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(4.182.060.831.111)	(3.618.572.596.990)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		4.305.194.435.973	2.592.601.663.428
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(34.650.000.000)	(7.203.600.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.040.741.600	394.830.656.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		312.517.288.240	207.029.877.513
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(2.517.666.714.814)**	**(1.783.639.002.273)**

(Xem trang tiếp theo)

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		84.580.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	2.710.374.954.626	1.571.370.005.634
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(1.909.569.387.715)	(1.556.872.674.189)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(583.599.092.825)	(246.313.669.545)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**301.786.474.086**	**(231.816.338.100)**
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	**50**		**(115.206.667.515)**	**514.154.212.255**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.541.432.193.346	1.027.290.066.703
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		17.880.097	(12.085.612)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	**70**	4.1	**1.426.243.405.928**	**1.541.432.193.346**

Phan Đình Thám	**Lê Thị Bích Loan**	**Nguyễn Thị Chung**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2021

SONADEZI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Ngày 28 tháng 04 năm 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT

- Họ tên cổ đông/ người đại diện cổ đông: .....

- Số thứ tự của cổ đông:.....

- Số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu:

.....cổ phần

Chữ ký cổ đông/ người đại diện cổ đông:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
01	Thông qua Danh sách Ban Kiểm phiếu			
02	Thông qua Quy chế làm việc			
03	Thông qua Chương trình họp			
04	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2020)			
05	Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2021 và định hướng kế hoạch nhiệm kỳ II (2021-2026)			
06	Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán			
07	Thông qua Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I (2016-2020) và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2021 – 2026)			
08	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và tổng kết nhiệm kỳ 2016-2020			
09	Thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát			
10	Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020			
11	Thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát			
12	Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021			
13	Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021			
14	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty			
15	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty			

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
16	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị			
17	Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát			
18	Thông qua danh sách các ứng viên để bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026			

Lưu ý:

- Cổ đông chỉ được lựa chọn 1 phương án biểu quyết cho mỗi nội dung;

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" vào ô lựa chọn;

- Trường hợp cổ đông thay đổi ý kiến thì khoanh tròn ô đã lựa chọn ⊗ và đánh dấu "X" vào ô lựa chọn mới;

- Trường hợp cổ đông chọn lại ô đã được khoanh tròn thì tô đen ô khoanh tròn ấy ●

SONADEZI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
Ngày 28 tháng 04 năm 2021

PHIẾU BẦU CỬ BAN KIỂM SOÁT

Họ tên cổ đông/ người đại diện cổ đông : .....
Số thứ tự của cổ đông:.....
Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu: ..... cổ phần
Tổng số phiếu bầu của cổ đông: .....phiếu bầu

Bầu Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	Phạm Thị Cẩm Hà	
2	Đặng Lê Bích Phượng	
3	Trần Ngọc Tòng	
Tổng cộng		

Hướng dẫn:

1. Cổ đông/người đại diện cổ đông bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu là 03 người.
2. Cổ đông/người đại diện cổ đông ghi rõ số phiếu bầu vào ô **"Số phiếu bầu"** của các ứng viên tương ứng, không được đánh dấu stickmark (dấu x), không được bỏ trống hoặc chỉ điền số lượng tổng cộng số phiếu bầu.
3. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021
CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG
(Ký và Ghi rõ họ tên)

SONADEZI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
Ngày 28 tháng 04 năm 2021

PHIẾU BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ tên cổ đông/ người đại diện cổ đông : .....
Số thứ tự của cổ đông:.....
Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu: ..... cổ phần
Tổng số phiếu bầu của cổ đông: .....phiếu bầu

Bầu Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	Phạm Quốc Chí	
2	Trần Thanh Hải	
3	Nguyễn Thị Hạnh	
4	Đỗ Thị Thu Hằng	
5	Lương Minh Hiền	
6	Đinh Ngọc Thuận	
7	Nguyễn Văn Tuấn	
Tổng cộng		

Ngày 28 tháng 4 năm 2021
CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG
(Ký và Ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn:

1. Cổ đông/người đại diện cổ đông bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu là 07 người.
2. Cổ đông/người đại diện cổ đông ghi rõ số phiếu bầu vào ô **"Số phiếu bầu"** của các ứng viên tương ứng, không được đánh dấu stickmark (dấu x), không được bỏ trống hoặc chỉ điền số lượng tổng cộng số phiếu bầu.
3. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông.

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ..... /NQ-SNZ-QTTH
(DỰ THẢO)

Đồng Nai, ngày 28 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi);

Căn cứ nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Tổng công ty Sonadezi đã biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo số 28/BC-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021 về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2020), kế hoạch SXKD năm 2021 và định hướng kế hoạch nhiệm kỳ II (2021-2026) với các nội dung chủ yếu như sau:

1.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2020:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/ KH
	Vốn điều lệ	3.765.000	3.765.000	100,00%
	Công ty mẹ			
1	Tổng doanh thu	604.369	582.404	96,37%
2	Lợi nhuận trước thuế	456.841	441.283	96,59%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	416.696	418.944	100,54%
4	Phải nộp ngân sách nhà nước	76.549	59.395	77,59%
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	10,94%	11,01%	100,64%
	Hợp nhất			
1	Tổng doanh thu	4.583.944	5.338.571	116,46%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.143.565	1.516.188	131,58%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	914.852	1.269.788	138,80%
4	Phải nộp ngân sách nhà nước	461.330	662.763	143,66%
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	13,16%	17,67%	134,27%

1.2. Kết quả hoạt động SXKD 5 năm 2016 – 2020:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	KH	TH	%TH/KH	KH	TH	%TH/KH
Năm 2016						
Doanh thu	332	349	105,12%		3.822	
Lợi nhuận sau thuế	78	106	135,90%		604	
Tỷ suất LNST/VCSH	2,07%	3,49%	168,60%		11,70%	
Nộp NSNN	37	116	313,51%		539	
Năm 2017						
Doanh thu	381	403	105,77%	3.503	4.051	115,64%
Lợi nhuận sau thuế	114	260	228,07%	486	587	120,78%
Tỷ suất LNST/VCSH	3,06%	6,89%	225,16%	8,28%	9,58%	115,70%
Nộp NSNN	50	352	704,00%	287	756	263,41%
Năm 2018						
Doanh thu	465	385	82,80%	3.935	4.560	115,88%
Lợi nhuận sau thuế	270	293	108,52%	661	817	123,60%
Tỷ suất LNST/VCSH	7,16%	7,75%	108,24%	10,96%	12,69%	115,78%
Nộp NSNN	32	25	78,13%	321	530	165,11%
Năm 2019						
Doanh thu	480	528	110,00%	4.434	5.230	117,95%
Lợi nhuận sau thuế	302	367	121,52%	830	1.172	141,20%
Tỷ suất LNST/VCSH	7,96%	9,68%	121,61%	12,20%	17,19%	140,90%
Nộp NSNN	49	69	140,82%	421	774	183,85%
Năm 2020						
Doanh thu	604	582	96,37%	4.584	5.339	116,46%
Lợi nhuận sau thuế	417	419	100,54%	915	1.270	138,80%
Tỷ suất LNST/VCSH	10,94%	11,01%	100,64%	13,16%	17,67%	134,27%
Nộp NSNN	77	59	77,59%	461	663	143,66%

1.3. Kế hoạch SXKD năm 2021:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Vốn điều lệ	3.765.000	3.765.000
2	Tổng doanh thu	629.454	4.770.000
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	484.266	1.264.860
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	442.272	1.011.888
5	Phải nộp ngân sách nhà nước	75.597	556.734
6	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	11,56%	13,73%

1.4. Định hướng kế hoạch giai đoạn 2021-2025:

a. Trong công tác tìm kiếm, phát triển dự án mới:

Gia tăng việc liên kết trong nội bộ để tối ưu hóa lợi thế của từng đơn vị trong hệ thống, tăng khả năng cạnh tranh và giảm thiểu rủi ro trong việc tìm kiếm, phát triển dự án mới. Phát triển các dự án:

- 01 khu công nghiệp trong tỉnh;

- 01 khu công nghiệp tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ;

- Ít nhất là 02 khu dân cư quy mô ≥ 10 ha;

- Phát huy lợi thế của Tổng công ty trong dự án chuyển đổi công năng Khu công nghiệp Biên Hòa 1.

b. Về tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận và chia cổ tức giai đoạn 2021-2025:

- Phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận hàng năm từ 5% đến 7%.

- Đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức 10%, phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ chia cổ tức 12%.

2. Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổng công ty Sonadezi đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

3. Thông qua Báo cáo số 29/BC-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021 về hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ I (2016-2020) và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2021 – 2026).

4. Thông qua Báo cáo Báo cáo số 30/BC-SNZ-KS ngày 26/4/2021 về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2020 và tổng kết nhiệm kỳ 2016-2020.

5. Thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

STT	Nội dung	Kế hoạch (đồng/tháng)	Thực hiện (đồng/tháng)
1	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT	67.500.000	117.555.844
2	Tiền lương của Trưởng Ban KS	41.500.000	72.275.074
3	Thù lao của 01 thành viên HĐQT	12.000.000	17.209.675
4	Thù lao của 01 thành viên BKS	7.000.000	10.038.977

Tổng quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách là: 1.480 triệu đồng.

6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ	3.765.000.000.000
2	Giá trị mệnh giá 376.491.800 CP đang lưu hành	3.764.918.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2020	418.944.170.834

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
	Trong đó chênh lệch giá trị quyền sử dụng 471,5 m2 đất ở tại dự án Khu dân cư An Bình (sau thuế TNDN)	107.467.200
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2020 để phân phối	418.836.703.634
5	Trích quỹ:	29.922.689.718
	- Quỹ đầu tư phát triển (5%)	20.941.835.182
	- Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	4.188.367.036
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động (3 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động)	3.875.000.000
	- Quỹ thưởng của người quản lý (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý)	917.487.500
6	Chia cổ tức (10% mệnh giá cổ phần đang lưu hành)	376.491.800.000
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2020 còn lại	12.529.681.116
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*107.467.200*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*12.422.213.916*
8	Lợi nhuận năm trước để lại	39.674.373.703
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.636.854.212*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*4.037.519.491*
9	Lợi nhuận chuyển năm sau	52.204.054.819
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.744.321.412*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*16.459.733.407*

7. Thông qua kế hoạch tiền lương và thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

- Mức tạm ứng hàng tháng kể từ ngày 01/05/2021:

+ Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị: 67.500.000 đồng/tháng

+ Tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát: 38.500.000 đồng/tháng

+ Thù lao của 01 thành viên HĐQT: 12.000.000 đồng/tháng

+ Thù lao của 01 thành viên BKS: 7.000.000 đồng/tháng

- Tổng quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách là: 1.612,8 triệu đồng.

- Tiền lương và thù lao thực hiện năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sẽ quyết toán theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và sẽ được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

8. Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ	3.765.000.000.000
2	Giá trị mệnh giá 376.491.800 CP đang lưu hành	3.764.918.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2021	442.272.459.390
4	Trích quỹ:	31.792.962.563
	- Quỹ đầu tư phát triển (5%)	22.113.622.970
	- Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	4.422.724.594
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động (3 tháng lương bình quân kế hoạch của người lao động)	4.248.615.000
	- Quỹ thưởng của người quản lý (1,5 tháng lương bình quân kế hoạch của người quản lý)	1.008.000.000
5	Chia cổ tức (10% mệnh giá cổ phần đang lưu hành)	376.491.800.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2021 còn lại	33.987.696.827
7	Lợi nhuận năm trước để lại	52.204.054.819
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.744.321.412*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*16.459.733.407*
8	Lợi nhuận chuyển năm sau	86.191.751.646
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.744.321.412*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*50.447.430.234*

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và Quỹ thưởng của người quản lý được trích theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

9. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán trong danh sách dưới đây để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021:

- Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam;

- Công ty TNHH Kiểm toán A&C;

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

10. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty theo Tờ trình số 34/TTr-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021; Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉnh sửa Điều lệ Tổng công ty theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

11. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty theo Tờ trình số 36/TTr-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021.

12. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Tờ trình số 37/TTr-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021.

13. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo Tờ trình số 35/TTr-SNZ-KS ngày 26/4/2021.

14. Thông qua danh sách các ứng viên để bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 theo Tờ trình số 31/TTr-SNZ-QTTH ngày 26/4/2021.

15. Thông qua kết quả bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 như sau:

a. Hội đồng quản trị gồm có 07 thành viên:

-

b. Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên:

-

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 28/4/2021. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, QTTH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Đỗ Thị Thu Hằng